

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mừng xuân năm mới/Bonne année 2013

Số/N :44-01/2013



Xuân đến xuân đi xuân lại xuân
Người trẻ rồi già chẳng còn xuân
Xuân già rồi trẻ xuân lại xuân
Ai hay người già chẳng như xuân !



LỄ Vu Lan báo hiếu 2012



Kinh Hoa Nghiêm

Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Biến Hóa Âm Phạm Vương được môn giải thoát, trụ tất cả cảnh giới pháp tướng hạnh thanh tịnh tịch tĩnh.

Vị Biến Hóa Âm Phạm Vương này, có âm thanh biến hóa được, có trăm ngàn vạn thứ âm thanh. Vì vị này biến hóa âm thanh được, cho nên trụ ở trong tất cả các pháp, đắc được pháp tướng thanh tịnh quang minh. Hạnh tịch tĩnh tức là cảnh giới vô vi mà vô bất vi, vị này đắc được môn giải thoát cảnh giới hạnh tịch tĩnh.

Quang Diệu Nhãn Phạm Vương được môn giải thoát, thường siêng xuất hiện trong tất cả các cõi, mà không chấp trước, không bờ mé, không chỗ nương tựa.

Vị Quang Diệu Nhãn Phạm Vương này, có trí huệ quang minh chiếu soi chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được mắt biết chọn pháp, biết được pháp này là đúng hay sai. Vị này biết được pháp thân của Phật như hư không. Trong tất cả các cõi chẳng có chấp trước, tức là chẳng chấp không, cũng chẳng chấp có. Chẳng chấp vào có, không, hai bên.

Vì pháp thân của Phật như hư không, chẳng có bờ mé, cho nên chẳng có chỗ nương tựa. Pháp thân của Phật tuy nhiên như hư không, nhưng Phật luôn luôn xuất hiện ra đời. Tại sao ? Vì vấn đề sinh tử của chúng sinh chưa chấm dứt, cho nên Phật thường thị hiện ra đời để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh bỏ mê về giác, hết khổ được vui sướng. Vị Phạm Vương này đắc được tam muội pháp môn giác ngộ giải thoát này.

Duyệt Ý Hải Âm Phạm Vương, được môn giải thoát, thường tư duy quán sát các pháp vô tận.

Vị Duyệt Ý Hải Âm Phạm Vương này, có âm thanh êm tai vi diệu phi thường, chúng sinh nghe được đều sinh tâm hoan hỷ. Âm thanh thuyết pháp của vị này giống như âm vang của biển cả. Vị này cũng đắc được công phu tu thiền. Thiền dịch là "tư duy tu". Vị này quán sát được, khắp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, vô cùng vô tận không thể nghĩ bàn. Vị này ở trong thiền định khai mở đại trí huệ, minh bạch tất cả diệu lý thật tướng, vô tận pháp tạng không thể nghĩ bàn của tất cả các pháp. Đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Bảy giờ, Thi Khí Đại Phạm Vương, nương oai lực của Đức Phật, quán sát khắp tất cả chúng Phạm Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, khi Duyệt Ý Hải Âm Phạm Vương nói xong môn giải thoát của mình đắc được rồi, thì vị Thi Khí Đại Phạm Vương trời Sơ Thiên thuộc sắc giới, nương đại oai thần của chư Phật, quán sát khắp tất cả Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên, Thiên chúng ba cõi trời này nói ra bài kệ, để tán thán công đức của Phật, để hiểu rõ nghĩa chân thật của Phật pháp.

Trời Sơ Thiên gọi là ly sinh hỷ lạc, chúng sinh ở trong cõi trời này, bỏ sạch tất cả khổ não mà sinh tâm hoan hỷ sung sướng. Hết thầy có ba cõi trời :

1. Phạm Chúng Thiên : Phạm dịch là thanh tịnh, chúng sinh cõi trời này trong tâm thanh tịnh, không có dục niệm, có người nam mà chẳng có

người nữ, đều là hóa sinh.

2. Phạm Phụ Thiên : Chúng sinh cõi này chẳng có sự thống khổ phiền muộn, chỉ có khoái lạc an vui.

3. Đại Phạm Thiên : Chúng sinh cõi này tự nhiên thanh tịnh, siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si.

Thân Phật thanh tịnh thường tịch diệt Quang minh chiếu sáng khắp thế gian Không tướng không hạnh không hình bóng N như mây lơ lửng trong không trung.

"Thân Phật thanh tịnh thường tịch diệt." Thi Khí Đại Phạm Vương nói : "Thân thể của Phật thanh tịnh, tịch diệt". Tuy nhiên là thanh tịnh tịch diệt, nhưng có quang minh.

"Quang minh chiếu sáng khắp thế gian". Quang minh của Phật chiếu sáng khắp tất cả thế gian, chẳng có chỗ nào mà chẳng chiếu, chẳng có chỗ nào mà chẳng sáng. Tất cả chúng sinh ở trong quang minh từ bi chiếu sáng, biết được sự hồi quang phản chiếu là pháp môn giác ngộ.

"Không tướng không hạnh không hình bóng". Chẳng có hình tướng, chẳng có hành vi, chẳng có hình, chẳng có bóng, giống như mây trong hư không.

"N như mây lơ lửng trong không trung". Chúng sinh tuy thấy mây trong không trung, nhưng mây trong không trung chẳng chấp trước, chỉ tồn tại trong thời gian ngắn rồi sẽ tiêu mất.

Thân Phật ở trong cảnh giới định Tất cả chúng sinh không thể dò Mở bày phương tiện khó nghĩ bàn Môn này Huệ Quang Vương ngộ được.

"Thân Phật ở trong cảnh giới định". Phật thường ở trong định, trong định thì như thế. Không ở trong định thì không như thế. Cảnh giới ở trong định, chẳng có bất định thì luôn luôn đều là định. Phật ở trong định diễn nói bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật này.

"Tất cả chúng sinh không thể dò". Cảnh giới của Phật ở trong định, tất cả chúng sinh không thể hiểu biết được, không thể dò được.

"Mở bày phương tiện khó nghĩ bàn". Cảnh giới này, đức Phật mở bày cho tất cả chúng sinh phát tâm đại bồ đề, sớm thành Chánh Giác, đây là

phương tiện pháp môn không thể nghĩ bàn.

"Môn này Huệ Quang Vương ngộ được." Cảnh giới này vị Huệ Quang Vương minh bạch được.

Cõi Phật hạt bụi biển pháp môn Một lời diễn nói hết không thừa N như vậy biển kiếp nói không hết Thiện Tư Huệ Quang thấy môn này.

"Cõi Phật hạt bụi biển pháp môn". Cõi nước chư Phật trong mười phương có bao nhiêu ? Nhiều giống như hạt bụi. Biển pháp môn gọi là gì ? Trong một hạt bụi làm một biển cả, trong một biển cả đầy đủ vô lượng pháp môn, đó là hình dung nhiều pháp môn giống như biển cả, cho nên gọi là biển pháp môn.

"Một lời diễn nói hết không thừa". Một lời tức là thật tướng, thật tướng tức là vô tướng, vô tướng tức là vô sở bất tướng. Chỉ cần nói ra thật tướng thì tất cả các pháp đều bao quát trong đó. Cũng có thể nói là chân như, lại có thể nói là Phật tánh. Vì tất cả pháp môn đều từ Phật tánh chảy ra, chỉ cần nói ra một lời, thì tất cả pháp môn đều bao quát không thừa.

"N như vậy biển kiếp nói không hết". Biển pháp môn nhiều giống như số hạt bụi, tận hư không khắp pháp giới. Muốn diễn nói pháp môn này hết thuở vị lai, suốt kiếp vị lai, cũng diễn nói không hết, nói không hết biển pháp môn, đó là vì phương tiện mà nói.

Lúc này có người đưa ra vấn đề : "Vậy câu trước nói một lời thì nói hết, câu sau lại nói dù nói thế nào cũng nói không hết, đó chẳng phải là trước sau mâu thuẫn chẳng" ? Trên thực tế thì trước sau chẳng mâu thuẫn. Câu trước thì dùng thật tướng để nói, cho nên nói một lời diễn nói hết không thừa. Câu sau dùng quyền xảo phương tiện để nói, nói đến khi nào cũng nói không hết. Câu trước là tổng, câu sau là biệt. Tổng lại để nói, một câu có thể nói hết; phân biệt để nói, thì hết kiếp vị lai cũng nói không hết. Theo hiền giáo mà nói thì, những gì người biết thì, một câu có thể nói hết. Theo mật giáo mà nói thì có vô lượng nghĩa, nói không hết.

"Thiện Tư Huệ Quang thấy môn này." Môn giải thoát này vị Thiện Huệ Quang Phạm Vương minh bạch được.

Viên âm chư Phật đồng thể gian Tùy loại chúng sinh đều hiểu rõ

Mà nơi âm thanh không phân biệt Phổ Âm Phạm Thiên ngộ như thế.

"Viên âm chư Phật đồng thể gian". Âm thanh của chư Phật là âm viên mãn. Âm viên mãn âm là gì ? Tức là bất cứ loài chúng sinh nào, nghe được âm thanh của chư Phật thì sẽ khai ngộ, chứng thành đạo quả, liễu thoát sinh tử, đắc được Niết Bàn. Loài người, loài A Tu La, loài ngựa quý, loài địa ngục, cũng đều như thế mà ngộ hiểu.

"Mà nơi âm thanh không phân biệt". Tất cả chúng sinh trong chín pháp giới, nghe được âm thanh thuyết pháp của Phật, tùy theo loài mà hiểu rõ, tăng trưởng căn lành, bỏ mê về giác. Mỗi loài chúng sinh nghe được âm viên mãn của Phật, bèn cảm thấy Phật đối với họ mà thuyết pháp, tự nhiên chuyên nhất tin thọ, không sinh tâm phân biệt hoài nghi.

"Phổ Âm Phạm Thiên ngộ môn này". Đây là đạo lý ngộ hiểu của Phổ Âm Phạm Thiên.

Ba đời tất cả các Như Lai Hướng nhập bồ đề hành phương tiện Tất cả đều hiện nơi thân Phật Tự Tại Âm Thiên thấy môn này.

"Ba đời tất cả các Như Lai". Đời quá khứ có vô lượng vô biên Phật, đời hiện tại cũng có vô lượng vô biên Phật, đời vị lai cũng có vô lượng vô biên Phật.

"Hướng nhập bồ đề hành phương tiện". Tất cả chư Phật ba đời, lúc ban đầu các Ngài tu giác đạo, đều trải qua đủ thứ phương tiện pháp môn để tu hành, sau đó mới thành Phật được.

"Tất cả đều hiện nơi thân Phật". Các Ngài trải qua thời gian tu hành lâu dài, cuối cùng chứng được viên mãn giác ngộ cứu kính mà thành Phật đạo, cho nên nói tất cả đều hiện nơi thân Phật.

"Tự Tại Âm Thiên thấy môn này". Môn giải thoát này vị Quán Sát Ngôn Âm Tự Tại Phạm Thiên đắc được.

Tất cả nghiệp chúng sinh khác biệt Tùy theo nhân chiêu cảm quả báo Thế gian như vậy Phật đều hiện Tịch Tĩnh Quang Thiên ngộ nhập được.

"Tất cả nghiệp chúng sinh khác biệt". Tất cả chúng sinh mỗi người đều khác nhau về nghiệp báo. Làm lành thì quả lành, làm ác thì quả ác.

Lành là gì ? Phàm là việc có ích lợi cho chúng sinh tức là lành, ví như sửa đường làm cầu, xây trường học, mở nhà thương (lấy từ thiện làm mục đích, chẳng phải vì kiếm tiền làm mục đích). Ác là gì ? Phàm là việc lợi mình mà hại người tức là ác. Ví như mở lò sát sinh (lò thịt), mua bán vũ khí, lò chế bom đạn, lợi mình mà hại chúng sinh.

"Tùy theo nhân chiêu cảm quả báo". Tùy theo nhân của chúng sinh trồng mà cảm thọ quả báo. Tóm lại trồng nhân gì thì được quả đó. Ví như giết cha của người ta, thì người ta sẽ giết cha của mình; giết con của họ, thì họ sẽ giết con của mình. Người không giữ giới sát, thì tương lai nhất định sẽ bị người giết, đây là quả báo thế gian.

"Thế gian như vậy Phật đều hiện". Nhân như vậy, quả như vậy, nghiệp như vậy, báo như vậy, đó là đạo lý tự nhiên, cho nên Phật tại thế gian hiện ra đủ thứ cảnh giới để nói rõ đạo lý này, để đối trị nghiệp báo của chúng sinh, khiến cho chúng sinh thấy được cảnh giới này mà sinh ra tâm giác ngộ, cầu vô thượng đạo.

"Tịch Tĩnh Quang Thiên ngộ nhập được". Đạo lý này Tịch Tĩnh Quang Minh Nhân Phạm Vương minh bạch được. (còn tiếp)

Dấu mực trên trán

Sư tu hành rất tinh tấn nhưng lại gặp trục trặc về lòng dục khó ngăn, sợ phạm giới, bèn đến than với thầy mỗi khi sư vào sâu trong định lại có người con gái rất khêu gợi xuất hiện.

Vị thầy trao sư cây bút lông chấm mực sẵn:

- Đây! lần sau cô ta còn làm rộn, con đánh dấu thập lớn lên trán cô, để ta có thể nhận diện thủ phạm.

Sư nhận cây bút lông .

Cuối buổi tọa thiền tiếp theo trong thiền đường, sư đến gặp thầy thưa to:

- Hiệu quả rồi. Cô ta có khêu gợi con, con làm y lời thầy, cô biến mất.

- Tốt lắm. Giờ con có thể rửa mặt để đi ngủ.

Sư vào phòng tắm, nhìn vô gương và ngạc nhiên xiết bao khi thấy trên trán mình một chữ thập thật lớn.

Sư chạy đến gặp thầy cầu giải thích

Thầy bảo:

- Có thể đây là ví dụ cho thấy, biết bao lần ta đồ lỗi người khác gây rắc rối cho mình, mà chính mình mới là đầu mối thực sự của vấn đề.

Viên Thế.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Xá Lợi Phất ! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, làm tất cả những gì, thường vì một việc, đó là : mở bày cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật.

Xá Lợi Phất ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai, hoặc ba thừa nào khác. Xá Lợi Phất ! Hết thảy mười phương chư Phật cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, để vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng sinh đó theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến mà ta nói ở trước, khiến cho chúng sinh liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Đó tức là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật nói với Xá Lợi Phất : "Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa các Bồ Tát, làm tất cả những gì thường vì một việc" : Thường thường chỉ vì một đại sự nhân duyên, tức là mở bày cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật. "Xá Lợi Phất ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai, hoặc ba thừa nào khác" : Mười phương chư Phật Như Lai chỉ dùng một Phật thừa duy nhất, để giáo hóa chúng sinh, vì

chúng sinh mà nói pháp, chẳng có đại thừa, hoặc tiểu thừa. Hai hoặc ba tức là đại thừa, tiểu thừa; Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, chẳng có các thừa ấy, cũng chẳng có thừa nào khác. Chẳng có đại thừa, chẳng có tiểu thừa, cũng chẳng có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa vậy. Vậy đó là thừa nào ? Tức là duy nhất một Phật thừa. "Xá Lợi Phất, pháp của tất cả mười phương chư Phật cũng như thế" : Tất cả hết thảy mười phương chư Phật thuyết pháp, thì cũng chỉ nói duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên". Những nhân duyên gì ? Tức là bạn trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, đủ thứ nhân duyên quả báo. "Lời lẽ thí dụ" : Lại dùng đủ thứ thí dụ, đủ thứ lời lẽ tốt đẹp để giáo hóa chúng sinh. "Mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa" : Tuy nhiên nói là có tiểu thừa, đại thừa; hoặc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, song, bốn hoài cứu kính của Phật chỉ vì nói Phật thừa để tiếp dẫn chúng sinh sớm thành Phật đạo. "Các chúng sinh đó, theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí". Tất cả chúng sinh bắt đầu theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Trí gồm có :

1. Nhất thiết trí.
2. Đạo chủng trí.
3. Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí là thuộc về không, là sở chứng đắc về lý không của hàng nhị thừa. Đạo chủng trí là lý chứng đắc của quyền thừa Bồ Tát, cũng gọi là có, còn gọi là giả. Có này là giả có, chẳng phải thật. Cho nên Nhất thiết chủng trí tức là trung đạo, chẳng rơi về có, cũng chẳng rơi về không, đó là trí huệ trung đạo của chư Phật chứng đắc.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật vị lai sẽ xuất hiện ra đời, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì

chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Hiện tại chư Phật Thế Tôn, trong mười phương vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh, chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ ví dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật đó chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ vì chúng sinh thuyết pháp như thế. Còn chư Phật vị lai cũng như thế. Khi chư Phật xuất hiện ra đời, thì cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Pháp của chư Phật nói đều vì duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Các chúng sinh đó, theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả chúng sinh đắc được Nhất thiết chủng trí.

"Xá Lợi Phất ! Hiện tại chư Phật Thế Tôn trong mười phương vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh" : Hiện tại hết thảy cõi nước trong mười phương, cũng đều thấm nhuần lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được yên ổn và khoái lạc. Chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh diễn nói các pháp.

Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp, mục đích duy nhất là khiến cho chúng sinh đắc được nhất thiết chủng trí, viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật đó, tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Mục đích của các Ngài là giáo hóa khiến cho phát tâm Bồ Tát, thành Phật đạo.

"Vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật" : Hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời, đều vì duy nhất một Phật thừa, mà trước hết nói pháp môn thiện xảo phương tiện, mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả chúng sinh đắc được tri kiến của Phật, đắc được trí huệ của Phật, đắc được quả vị Phật.

Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế, biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm, chấp trước nơi thâm tâm, tùy theo bản tánh của họ, ta dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ sức phương tiện, để vì họ nói pháp.

"Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế" : Ta hiện tại giáo hóa chúng sinh, cũng dùng đủ thứ nhân duyên lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh nói pháp. "Biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm" : Ta biết hết thảy chúng sinh, mỗi chúng sinh đều có vô lượng vô biên dục niệm. "Chấp trước nơi thâm tâm" : Những dục niệm này chẳng phải một đời một kiếp, hoặc mấy kiếp tích tập nên, mà là từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp tập nhiễm mà ra. Những dục niệm này, tích tập thâm sâu ở trong tám thức của chúng sinh, do đó chẳng thể nào xả bỏ được, sức tập nhiễm này lớn vô cùng, do tâm chấp trước nên chẳng dễ gì đắc được giải thoát. Vì nhân duyên đó, cho nên ta tùy theo bản tính của họ, dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ, sức phương tiện mà vì họ nói pháp.

Xá Lợi Phất ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí. Xá Lợi Phất ! Ở trong mười phương thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba. Xá Lợi

Phát ! Chư Phật xuất hiện ra đời ác năm trước : Kiếp trước, phiền não trước, chúng sinh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế Xá Lợi Phát ! Vào thời kiếp trước loạn thì chúng sinh cấu nặng, xan tham, đố kỵ, thành tựu các căn chẳng lành. Chư Phật dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa mà phân biệt nói ba.

Xá Lợi Phát ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán, Bích Chi Phật, mà chẳng nghe chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, những người đó chẳng phải đệ tử của Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Bích Chi Phật.

"Xá Lợi Phát ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí" : Như ở trước có nói, chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai nói pháp đều giống nhau, đều vì đắc được một Phật thừa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí.

"Xá Lợi Phát ! Ở trong mười phương thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba" : Ở trong mười phương thế giới của chư Phật, còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba ? Hai thừa có thể nói là đại thừa và tiểu thừa ; lại có thể nói là tạng giáo và thông giáo. Ba thừa tức là chỉ biệt giáo. Kinh Hoa Nghiêm là đốn giáo, là pháp giáo hóa Bồ Tát, song cũng bao quát bất định giáo. Tạng giáo và thông giáo là pháp giáo hóa A La Hán và Duyên Giác. Biệt giáo là đối với Thanh Văn và Duyên Giác, sẽ phải hồi tiểu hướng đại, phải hồi hướng đến viên giáo. "Hà huống có ba" : Ba ở đây cũng có thể nói là tạng, thông và biệt giáo. Vì Kinh Pháp Hoa là thuần viên diệu. Thuần viên, tức là chỉ nói về viên giáo ; diệu tức là chỉ có Kinh Pháp Hoa mới là diệu nhất, ngoài ra tạng, thông, biệt giáo đều chẳng sánh bằng. Do đó, duy chỉ một Phật thừa, tức cũng là nói viên giáo. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa đều là quyền giáo.

"Xá Lợi Phát ! Chư Phật xuất hiện ra đời ác năm trước.

Kiếp trước : Kiếp tức là thời gian. Bỏ lại thời

gian chẳng tồn tại, nhưng vì ở tại phần của chúng sinh, sinh ra tâm phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai ba đời, cho nên gọi là kiếp. Kiếp là tiếng Phạn, nếu nói đủ là Kiếp ba, dịch là "thời phần". Vào thời đại tội ác đầy dẫy này, cho đến thời gian cũng ô nhiễm.

Phiền não trước, tức là có năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi. Đó là gốc rễ của phiền não. Kiến trước, tức là năm lợi sử : Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến. Độn, là vì nó đến chậm ; lợi là vì nó đến nhanh. Chúng sinh trước : Chúng sinh có đủ thứ nhân duyên thiện ác xen tạp, mỗi chúng sinh đều có nghiệp ác đặc biệt của họ, cho nên chúng sinh cũng ô trước.

Mạng trước, mạng tức là một đoạn thời gian của báo thân chúng sinh, tức là mạng sống. Mạng sống cũng ô trước. Trước là gì ? Trước cũng giống như bùn ở dưới nước, dùng tay khuấy thì đục ngầu, nhìn chẳng rõ. Thế giới này do năm thứ trước đục này tạo thành, cho nên thế giới cũng chẳng sạch sẽ, cho nên gọi là đời ác năm trước.

"Như thế, Xá Lợi Phát ! Vào thời kiếp trước loạn thì chúng sinh cấu nặng" : Tội cấu của chúng sinh nặng vô cùng. "Xan, tham, đố kỵ" : Xan tức là keo kiệt, không thể xả bỏ một đồng xu. Tham tức là chẳng những không xả bỏ, mà còn tham lam tài vật của người khác, tham chẳng biết chán. Người xan tham thì tương lai phải chịu quả báo nghèo cùng.

Bây giờ kể về chuyện tham cho mọi người nghe. Có một người nọ, sau khi chết rồi thì đến chỗ Vua Diêm Vương, Vua Diêm Vương hỏi y rằng: - "Ông là người thông minh, khi ông còn sống thì cũng chẳng thiệt thòi gì. Ông kiếp sau làm người, thì muốn ăn của người khác hay ăn của chính mình ?"

- Ông ta nghĩ : "Ăn đồ của mình thì hao tốn, còn ăn đồ của người thì chẳng tốn hao gì của mình." Bèn nói với Vua Diêm Vương :

- "Tôi thích ăn của người, chẳng thích ăn của mình."

Vua Diêm Vương nói :

- "Tốt, vậy ông đi làm heo, heo thì chuyên môn ăn của người, chẳng ăn của mình."

Do đó, người tâm tham này mới biết ăn của người khác là sai lầm, nhưng đã yêu cầu với Vua Diêm Vương, chẳng thể nào thay đổi được nữa, do đó bèn đi làm heo. Heo thì suốt ngày đến tối ăn đồ của người, tức là vì tâm tham mà phải gánh chịu.

Đố kị, đố tức là đố hiền, nghĩa là thấy bất cứ người nào, nếu tốt hơn mình thì chẳng vui; kị, là kị năng, nếu người nào mà giỏi hơn mình, thì sinh tâm ganh tị, cho nên hợp lại gọi là đố kị, tức là ghen ghét người hay, người giỏi hơn mình. Người có tâm ghen ghét thì tương lai sẽ đọa lạc, kiếp sau hoặc làm súc sinh vì tâm sân hận quá nặng !

"Các căn chẳng lành" : Vì chúng sinh tham, xan, đố kị, cho nên làm được những gì, cũng đều chẳng phải việc tốt, mà trở thành căn chẳng lành. Căn chẳng lành tức là căn ác. "Chư Phật dùng sức phương tiện" : Chư Phật dùng sức phương tiện quyền xảo. "Nơi một Phật thừa mà phân biệt nói ba" : Vốn chỉ là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác, nếu lúc khởi đầu kêu chúng sinh thành Phật, thì tất cả chúng sinh đều chẳng tin, cho nên mười phương chư Phật, trước hết đều nói pháp tiểu thừa, dần dắt tất cả chúng sinh, từ nhỏ đến lớn.

"Xá Lợi Phất ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán" : Nếu như họ tự nói đã chứng được quả A La Hán. "Bích Chi Phật" : Đã đắc được quả vị Bích Chi Phật. "Mà chẳng nghe chẳng biết" : Cũng chẳng từng nghe đến một Phật thừa duy nhất chân thật diệu pháp này. "Cũng chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Họ cũng chẳng biết chư Phật Như Lai vì giáo hóa Bồ Tát để thành Phật quả. "Những người đó chẳng phải đệ tử của Phật. Những người đó chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Thanh Văn Thừa, chẳng phải Bích Chi Phật, cũng chẳng phải là Duyên Giác". Tại sao họ chẳng phải là Bồ Tát ? chẳng phải là A La Hán ? chẳng phải là Bích Chi Phật ? Vì nếu như họ thật sự đắc được quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, thì nhất định sẽ tin diệu pháp của Phật nói, căn tánh của họ nhất định rất sâu dày. Nếu họ không tin thì họ chẳng thật sự chứng được quả A La Hán, chẳng chứng được quả Bích Chi Phật, cũng chẳng chứng được quả Bồ Tát quyền thừa, họ chỉ là kẻ tăng thượng mạn.
(còn tiếp)

hòn đá ném đi

Văn hào Nga Leon Tonstoi có kể câu chuyện ngụ ngôn như sau: Có một người hành khất nọ đến trước cửa nhà của một

người giàu có để xin bố thí. Một đồng xu nhỏ hay một miếng bánh vụn, đó là tất cả những gì người ăn xin chờ đợi nơi người giàu có. Nhưng, mặc cho người khốn khổ van xin, người giàu có vẫn ngoảnh mặt làm ngơ. Đến một lúc không còn chịu nổi những lời van xin của người hành khất, thay vì bố thí, người giàu đã lấy đá ném vào con người khốn khổ.

Người hành khất lặng lẽ nhặt lấy hòn đá cho vào bị rồi thì thâm trong miệng: "Ta mang hòn đá này cho đến ngày nhà người sa cơ thất thế. Ta sẽ dùng nó để ném trả lại người".

Đi đâu, người hành khất cũng mang theo hòn đá ấy. Tâm hồn ông lúc nào cũng curu mang sự báo thù.

Năm tháng qua đi. Lời chúc dữ của người hành khất đã thành sự thật. Vì biển lận, người giàu có bị tước đoạt tất cả tài sản và bị tổng giam vào ngục. Ngày hôm đó, người hành khất chứng kiến cảnh người ta áp giải người giàu vào tù ngục. Nổi căm hờn sôi sục trong lòng ông. Ông đi theo đoàn người áp tải. Tay ông không rời bỏ hòn đá mà người giàu đã ném vào người ông cách đây mười mấy năm. Ông muốn ném hòn đá đó vào người tù để rửa sạch mối nhục hằng đeo đẳng bên ông. Nhưng cuối cùng, nhìn thấy gương mặt tiều tụy đáng thương của kẻ đang bị cùm tay, người hành khất thả nhẹ hòn đá xuống đất rồi tự nhủ: "Tại sao ta lại phải mang nặng hòn đá này từ bao nhiêu năm qua? Con người này, giờ đây, cũng chỉ là một con người khốn khổ như ta".

Tha thứ là điều khó khăn nhất nhưng cũng là điều cao cả nhất. Trao ban tiền của, trao ban thì giờ, trao ban chính mạng sống mình là điều xem ra dễ làm hơn trao ban lòng tha thứ.

Tha thứ là tuyệt đỉnh của yêu thương bởi vì tha thứ là yêu thương chính kẻ thù của mình.

**Phật ở đâu xa Phật ở lòng
Cõi lòng thanh tịnh tự hư không
Mùi hương phảng phất phát hương
thơm ngát
Át cả bùn nhơ chốn bụi hồng !**

khuyết danh

Chú Lăng Nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

119. Yết la ha.

Kệ :

Hộ trì thiên giới chúng thần binh
Oai phong lẫm lẫm quý ma kinh
Chư thiên chúng tộc tề hướng thiện
Yêu tà quyến thuộc các bên đằng.

Tạm dịch :

Binh chúng thần hộ trì ngàn cõi
Oai phong lẫm liệt quý ma sợ
Dòng dõi chư Thiên đồng hướng thiện
Quyên thuộc yêu tà đều bỏ chạy.

Giảng giải : “Binh chúng thần hộ trì ngàn cõi.”
Đây là binh thần trên trời bảo hộ ba ngàn đại
thiên thế giới.

“Oai phong lẫm liệt ma quỷ sợ.” Ma quỷ khi
thấy chư Thiên oai phong lẫm liệt thì rất sợ hãi.

“Dòng dõi chư thiên đồng hướng thiện.” Chúng
tộc chư Thiên đều dạy người hướng thiện, chính
họ cũng làm việc thiện.

“Quyên thuộc yêu tà đều bỏ chạy.” Yêu ma quỷ
quái khi thấy họ thì chúng đều bỏ chạy khắp nơi.

120. Sa ha tát la nhạ xà.

Kệ :

Nhẫn giới kiên cố bất thoái chuyển
Dẫn lãnh quy vãng câu toả nã
Phổ tập thiện tín y Tam Bảo
Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.

Tạm dịch :

Kham nhẫn kiên cố không thoái chuyển
Dùng móc hàng phục kẻ cang cường
Khấp khiến thiện tín nương Tam Bảo
Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.

Giảng giải : Sa Ha tức cũng là "Sa Bà", tức là thế
giới Sa Bà. Sa Ha dịch là "kham nhẫn", cũng gọi
là "nhẫn giới". Sa Ha dịch là "kiên cố". Chúng
sinh hoặc chư Phật đều kham năng nhẫn thọ sự
khổ của thế giới Sa Bà. Vậy biết rồi thì phải kiên
cố phát bồ đề tâm không thoái chuyển.

“Dùng móc hàng phục kẻ cang cường.” Tức là
nói tắt cả thiện thần trong ba ngàn đại thiên thế
giới, tất cả hộ pháp chúng thần, nếu gặp chúng
sinh không nghe lời thì dùng móc kéo họ trở về.

“Khấp khiến thiện tín nương Tam Bảo.” Khiến
tất cả thiện nam tín nữ tụ tập lại với nhau quy y
Tam Bảo.

“Pháp hội cát tường Ma Ha Tát.” Pháp hội này
rất cát tường, hương quang vòng chung quanh,
vân tập các đại Bồ Tát.

121. Tỳ đa băng sa na yết li.

Kệ :

Phá bình chương nạn hoặc ha khiến
Nhất thiết như ý cánh an tường
Thiên giới thần lâm trừ ma hại
Phổ khiến khâm phục lễ Năng Nhân.

Tạm dịch :

Phá trừ chương nạn hoặc quát mắng
Hết thảy như ý và cát tường
Ngàn cõi thần đến trừ ma hại
Đều khiến khâm phục lễ Năng Nhân.

Giảng giải : Tỳ Đa Băng Sa Na Yết Li tức là "phá
trừ tất cả chương nạn", khiến cho tất cả chương
nạn đều được bình an, khiển trách hoặc la mắng
tất cả bất thiện.

“Hết thảy như ý và cát tường.” Khiến cho tất cả
sự việc không lý tưởng đều được cát tường như
ý.

“Ngàn cõi thần lâm trừ ma hại.” Trừ khử tất cả

ma hại.

“Đều khiến khâm phục lễ Năng Nhân.” Đều khiến tất cả thiên ma ngoại đạo không thiện quy y Tam Bảo, đánh lễ Thích Ca Mâu Ni Phật.

122. A sắt trá băng xá để nằm.

Kệ :

Hộ giới hộ pháp hộ già lam
Vô lượng sắc quang chiếu đại thiên
Thành tựu diệu thủ đắc tự tại
Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.

Tạm dịch :

Hộ giới hộ pháp hộ già lam
Vô lượng quang minh chiếu ngàn cõi
Thành tựu diệu thủ được tự tại
Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.

Giảng giải : A Sắt Trá Băng là "thần hộ giới", "thần hộ pháp", "thần hộ già lam". Già lam là đạo tràng.

“Vô lượng sắc quang chiếu đại thiên.” Các vị thần ấy phóng quang minh vô lượng, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Sắc cũng vô lượng, quang cũng vô lượng, xanh, vàng, đỏ, trắng, đen đều có.

“Thành tựu diệu thủ đắc tự tại.” Thành tựu là thành tựu đệ nhất khiến người đắc được tự tại.

“Thường lạc ngã tịnh chứng Niết Bàn.” Khiến cho tất cả đắc được thường lạc ngã tịnh Niết Bàn bốn đức.

123. Na xoa sát đất la nhĩ xà.

Kệ :

Câu toả tử diễm sắc quang mang
Lực sĩ hình trạng đại Kim Cang
Giải ách chứng tai tiêu chư nạn
Nhiếp thọ chúng sinh yết Pháp Vương.

Tạm dịch :

Câu móc lửa tía sáng nhấp nhóang
Hình trạng lực sĩ đại Kim Cang
Giải ách tiêu tai trừ các nạn
Nhiếp thọ chúng sinh lễ Pháp Vương.

Giảng giải : Na Xoa dịch là "câu móc" hoặc dịch là "ngọn lửa màu tía". Cho nên nói : “Câu móc lửa tía sáng nhấp nhóang.” Sắc quang của nó sáng nhấp nhóang hàng vạn trượng.

“Hình trạng lực sĩ đại Kim Cang.” Sát Đất La dịch là "lực sĩ" hoặc là "hình trạng", tức là đại Kim Cang thiện thần hộ pháp.

“Giải ách tiêu tai trừ các nạn.” Các vị thần ấy chuyên giải trừ tất cả tai nạn khôn khổ.

“Nhiếp thọ chúng sinh lễ Pháp Vương.” Nhiếp thọ tất cả chúng sinh đến chôn Phật lễ Phật. Đây là giải thích đơn giản, nếu giảng tỉ mỉ thì vô cùng tận.

124. Ba la tát đà na yết li.

Kệ :

Diệu pháp chuyên tu đạt bị nạn
Phát dũng mãnh tâm cầu bồ đề
Chiết phục thiên ma quy Tam Bảo
Thu nhiếp ngoại đạo ngộ bốn nguyên.

Tạm dịch :

Chuyên tu diệu pháp đến bờ kia
Phát tâm dũng mãnh cầu bồ đề
Hàng phục thiên ma nương Tam Bảo
Thu nhiếp ngoại đạo ngộ nguồn gốc.

Giảng giải : Ba La dịch là "diệu pháp". Tát Đà Na dịch là "dũng mãnh", là nói “Chuyên tu diệu pháp đến bờ kia.” Bạn phải y chiếu diệu pháp tu hành, không giải đãi, không ngủ gật khi nghe Kinh, thì nhất định sẽ đến bờ bên kia. Nhất định đến nơi bình an nhất, đến bờ bên kia Niết Bàn, đắc được thường lạc ngã tịnh, khoái lạc Niết Bàn bốn đức. Nếu bạn đắc được pháp môn không thể nghĩ bàn, thì chắc chắn sẽ đạt đến bờ bên kia, tức là bạn đạt được mục đích hy vọng, cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

“Phát tâm dũng mãnh cầu bồ đề.” Chúng ta tu hành thì phải phát tâm dũng mãnh, đừng có nửa tu hành, nửa không tu ; một ngày nóng mười ngày lạnh. Cho nên phải phát tâm dũng mãnh, cầu bồ đề cầu giác ngộ. Bồ đề là giác đạo, như thế thì sẽ “Hàng phục thiên ma nương Tam Bảo.” Thiên ma có oai lực rất lớn, nhưng oai lực của chúng lớn bao nhiêu, cũng chẳng bằng oai lực của diệu pháp, đều hàng phục chúng được. Hàng phục này chẳng phải dùng sức để đàn áp chúng hàng phục. Vậy dùng gì ? Dùng đức hạnh để cảm hóa chúng, khiến cho chúng triết phục, quy y Tam Bảo, tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

“Thu nhiếp ngoại đạo ngộ nguồn gốc.” Thu nhiếp là dùng lực hấp dẫn để hấp thu, cũng giống như hút sắt đá, làm cho ngoại đạo nhiếp phục. Nhiếp phục ngoại đạo bạn làm thế nào ? Sẽ so sánh lớn hơn chúng. Đây chẳng phải nói khí lực so với chúng lớn hơn, mà là lượng khí so với chúng lớn hơn. Đều bao quát chúng ở trong, cho

nên tôi thường nói với quý vị : Không màng là tin Thiên Chúa Giáo, tin Gia Tô Giáo, tin Do Thái Giáo, tin bất cứ tôn giáo nào, tôi đều xem bạn là Phật Giáo, có người nói : Tôi không tin. Tôi không màng bạn tin hay không tin, tôi đều xem bạn tin. Bạn không tin Phật đều kể bạn là Phật Giáo đồ, tôi không để bạn đi bên ngoài Phật Giáo. Giống như Vạn Phật Thành vậy, bạn không đến thì đợi bạn, đợi bạn đến trong Vạn Phật Thành cùng nhau tu hành. Tôi không để bạn đi bên ngoài, đều làm cho bạn vào bên trong. Cho nên “Thu nhiếp ngoại đạo bổn lai nguyên.” Bổn nguyên này tức là minh bạch bổn lai như thế nào. Bổn lai tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật, nhưng vì hỗn hợp với trần ai, làm cho trí huệ bị ô nhiễm, không nhận thức được bộ mặt thật. (còn tiếp)

**Một cũng chấp mà hai cũng chấp
Chất chứa trong lòng chi mà khó
Trăm điều bỏ, ngàn điều cũng bỏ
Thông dong tự tại thế mà vui !**

CẢ ĐỜI NGƯỜI

Một ông đi du học ngoại quốc trở về với văn bằng tiến sĩ, nào văn chương, nào sử ký, nào pháp luật, nào kinh tế học, nào xã hội học, nào triết học, ngoài ra có cả phần y khoa bác sĩ và bằng kỹ sư cầu cống nữa. Bởi thế thiên hạ gọi ông là một “Bác học”. Nhưng người đời trọng ông bao nhiêu, thì ông lên mặt bấy nhiêu. Thậm chí với ai ông cũng chê là dốt, và ngồi với ai, dù người ấy là người cùng nước ông cũng thao thao xỏ ra những tiếng ngoại quốc và những tiếng ngoại quốc...

Bữa nọ, nhà “Bác học” đáng kính phải qua một con sông rộng bằng chiếc thuyền tam bản. Thấy anh lái đò vừa chèo vừa ngêu ngao hát, ông nhỏ nước miếng xuống sông đánh phì rồi hỏi:

- Anh cũng biết văn nghệ nữa à?

Anh lái đò lễ phép:

- Thưa ông tôi chỉ có biết chèo đò, chớ đâu có biết văn nghệ là cái gì?

Nhà bác học nói:

- Văn nghệ mà anh không biết thì anh chết nửa đời người rồi. À mà anh có biết tiếng Anh hay tiếng Pháp gì không, có biết chính trị là gì không?

- Dạ, không biết!

- Thế thì anh chết nửa đời người nữa rồi.

Vậy anh có biết sử ký, pháp luật, kinh tế và khoa học gì không?

- Dạ thưa ông, tôi đã nói tôi là dân ngu khu đen, chỉ biết chèo đò kiếm ăn, chớ không biết gì cả...

Không biết thật sao, trời ơi như thế thì anh cũng chết nửa đời người nữa vậy!

Nói đến đây ông định thuyết thêm, nhưng trời bỗng thành linh nổi gió, nước sông cuộn sóng lên âm âm, mà thuyền mới lênh đênh ra giữa sông. Anh lái đò sợ một mình chèo không kịp bên, muốn nhờ nhà bác học giúp đỡ một tay cho mau chóng thoát hiểm, nên hỏi:

- Dạ thưa ông biết chèo không ạ?

Nhà bác học la:

- Hừ, cái anh này, chèo, tôi đâu có biết!

Anh lái đò vừa chống chỏi với phong ba, vừa cười bảo:

- Dạ thì hôm nay ông chết nửa đời người rồi đấy!

Nhà bác học ta lúc đó mới cảm thấy nóng mặt nóng tay, nhưng rồi sóng càng to, thuyền càng bị đánh, bị nước ào ạt tràn vào, biết không thể nào tránh khỏi bị đắm giữa sông sâu, sóng cả, anh lái đò hốt hoảng hỏi:

- Chết, chết. Thưa ông, ông biết lội (bơi) không ạ!

Nhà bác học tái xanh mặt mày lại:

- Dạ thưa anh, tôi không biết lội, lạy anh, anh cứu tôi, không thì tôi nguy mất!

Anh lái đò nhìn nhà bác học đáp:

- Không biết lội nữa à! Chèng đéc ơi, thế thì hôm nay ông chết cả đời người, còn gì?

Thỉnh Kinh

Những Kinh Hoa Nghiêm giảng giải từ tập 1 đến tập 14. Kinh Pháp Hoa giảng giải từ tập 1 đến tập 5 (trọn bộ). Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 2 và tập 3. Quý vị nào thỉnh xin liên lạc về Chùa, hoàn toàn miễn phí, chỉ trả tiền cước gởi, tùy hỉ sự phát tâm để tiếp tục ấn tống những tập kế tiếp.

Chú Đại Bi

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước.

24. Tát Bà Tát Bà.

Các bạn có biết câu Chú này thuộc về Thủ Nhân nào chăng ? "Tát Bà Tát Bà", là tiếng Phạn, dịch ra là "Nhất thiết lợi lạc". Nhất thiết là tất cả, bạn tu Thủ Nhân (tay mắt) này thì có thể lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Bạn có "bảo ấn" này thì chư thiên trên trời đều nghe hiệu lệnh của bạn, quỷ vương dưới địa ngục cũng đều nghe hiệu lệnh của bạn; bạn kêu họ như thế nào thì họ như thế ấy. Bạn kêu họ thả người có tội ra thì họ lập tức phải thả họ ra. Tại sao ? Vì bạn có mạng lệnh này. Bảo ấn này cũng giống như ngọc tỷ của hoàng đế; ấn ngọc tỷ của hoàng đế in vào trong chiếu thư, phổ cáo thiên hạ, đến đâu thì mọi người đều phải chiếu theo chiếu thư mà hành sự, chẳng có ai dám phản đối. Bạn có Bảo Ấn Thủ này thì có thể lợi ích tất cả chúng sinh; bạn kêu tất cả chúng sinh được lợi ích gì thì họ sẽ được lợi ích đó, cho nên dịch ra nghĩa là "lợi ích tất cả".

Người Trung Quốc hầu như đều có nghe rằng thần tiên thời xưa có một cái ấn gọi là "phiên thiên ấn". Huỳnh Thành Tử có phiên thiên ấn tức là cái ấn này; Đạo giáo gọi là phiên thiên ấn, ở tại Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là Bảo Ấn Thủ. Bạn dùng Bảo Ấn Thủ này tu hành thì tu sẽ thành công; bạn mang theo bảo ấn này dù người nào chết, hoặc sắp chết thì vua Diêm Vương chẳng dám kêu họ chết, có diệu dụng có thể cải tử hồi sinh. Song, bạn phải tu hành, nếu không tu hành thì chẳng có ích lợi gì. Tu hành thành công thì giống như bạn đi học, bắt đầu học từ tiểu học, trung học sau đó lên đại học, đậu bằng bác sĩ. Bạn tu Bảo Ấn Thủ thành công thì cũng giống như đậu được bằng bác sĩ, song còn cao hơn nhiều.

Cho nên "Tát Bà Tát Bà" tức là "lợi lạc tất cả", hay trợ giúp tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái

lạc. Bạn thấy có diệu chăng ! Cho nên gọi là Bảo Ấn Thủ. Nếu bạn muốn dùng Bảo Ấn Thủ này tu Bốn Mươi Hai Thủ Nhân (tay và mắt) thì "Tát Bà Tát Bà" là một Thủ Nhân trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhân, ngoài ra còn có bốn mươi một Thủ Nhân nữa.

Có người nghe tôi giảng Bảo Ấn Thủ có đại dụng như thế, anh ta bèn nghĩ : "Tôi phải mau tu Bảo Ấn Thủ này; tu xong rồi, tất cả mọi người sắp chết thì tôi đều khiến cho họ đừng chết." Có thể được ! Bất quá bạn đừng kêu người khác chết hoặc là thọ mạng đến lúc chết thì không có ai có thể dùng ấn này được nữa.

Tôi đã dùng qua hai lần cái ấn này. Tại Đông Bắc Trung Quốc tôi đã dùng qua một lần, tại Hương Cảng cũng dùng qua một lần. Tại Đông Bắc nhân duyên như thế nào ? Đó đều là bất đắc dĩ. Bất đắc dĩ như thế nào? Tức là nhất định phải làm việc này, không thể không làm. Tôi còn nhớ khi tôi ở Chùa Tam Duyên tại Đông Bắc thì vào ngày 18 tháng 4, có người tên là Cao Đức Phước, nhà anh ta cách Chùa khoảng gần hai mươi dặm. Vào một buổi chiều hôm đó, anh ta đến Chùa. Để làm gì ? Để chặt cánh tay; anh ta cầm một thanh đao dùng giấy báo bao bọc lại, chuẩn bị chặt cánh tay của anh ta để cúng Phật. Bạn có cho rằng anh ta thông minh chăng ? hoặc là ngu si ? Đương nhiên rất là ngu si. Nếu là người thông minh sao lại chặt cánh tay của mình ? Không sai, rất là ngu si. Song, anh ta ngu si là vì hiểu thuận mà ngu si.

Tại sao anh ta muốn chặt cánh tay ? Vì mẹ của anh ta bệnh nặng. Mẹ của anh ta bình thường hay hút nha phiến, bệnh nặng đến độ chẳng hút nha phiến được nữa. Nha phiến đã không thể hút được nữa thì đương nhiên cũng chẳng ăn cơm được, chẳng uống nước được nữa. Lưỡi cũng đã biến thành màu đen. Trung y, bác sĩ Trung Quốc, bác sĩ ngoại quốc đều bó tay. Anh ta nói : "Bồ Tát là linh cảm nhất, bây giờ tôi đến Chùa Tam Duyên, chặt cánh tay của tôi xuống để cúng dường Phật;

dùng tâm thành này để cầu Phật gia hộ cho mẹ của tôi khỏi bệnh". Đến chùa rồi mở đao trong giấy báo ra, tự mình duỗi cánh tay ra, còn tay kia thì cầm đao muốn chặt tay; từ phía sau có người đến giữ thanh đao của anh ta lại, nói : "Ê ! Anh làm gì thế ? Đùng có tự sát, tại đây không nên tự mình giết mình !" Anh ta nói : "Tôi vì mẹ của tôi bệnh nặng, tôi phải chặt cánh tay của tôi xuống để cúng Phật, Thầy đừng cản trở tôi, đừng làm tôi không chặt được !" Người đó cũng chẳng chịu buông đao ra, bèn đi báo cáo với Hòa Thượng phương trượng (Thầy trụ trì), Hòa Thượng phương trượng cũng chẳng có biện pháp. Đương lúc đó có vị cư sĩ tên là Lý Cảnh Hoa là hộ pháp đắc lực nhất của Hòa Thượng phương trượng. Hòa Thượng bèn sai Lý Cảnh Hoa đi tìm tôi nói : "Thầy ơi Thầy ! Có người đến muốn chặt cánh tay, vì mẹ của anh ta bệnh nặng, Thầy hãy tìm cách giúp anh ta".

Lúc đó tôi làm thủ tòa ở trong Chùa, ngoài Hoà Thượng phương trượng ra tức là tôi. Lúc đó tôi còn là Sa Di, chẳng phải như Sa Di hay ăn, Sa Di hay ngủ, Sa Di hay uống, chẳng phải như thế. Lúc tôi làm Sa Di thì mọi người chẳng dậy thì tôi dậy; chẳng phải đợi mọi người dậy mà mình thì chưa dậy. Việc người khác không làm thì tôi làm.

Tìm tôi rồi, tôi bèn nói với Hòa Thượng : "Họ đến tìm Ngài, Ngài lại thêm phiền phức đến con, Ngài chẳng lo mà kêu con lo". Hòa Thượng phương trượng nói : "Con hãy từ bi, giúp anh ta".

Tuy nhiên tôi chẳng muốn lo việc ấy nhưng Hòa Thượng đã nói lời đó làm cho tôi rất cao hứng. Tôi nói : "Tốt, con đi đây". Tôi lại nói với anh muốn chặt tay là Cao Đức Phước : "Anh hãy về đi". Anh ta leo lên xe đạp về nhà, anh ta đi xe phải đi đường lớn, tôi thì đi đường nhỏ. Lúc đó mặt trời đã lặn sớm khoảng năm giờ chiều, tôi nói : "Anh đi trước". Anh ta nói : "Thầy có biết đường chẳng ?". Tôi nói : "Anh đừng lo cho tôi, anh hãy đi trước thì tốt rồi".

Cách mười tám dặm đường, anh ta đạp xe đạp đi trước, tôi thì cũng đi theo con đường nhỏ. Tôi đến nhà anh ta mà anh ta chưa về tới ! Anh ta về đến nhà thì thấy tôi nói : "Ồ ! Lạ quá, sao Thầy lại đến trước con ?". Tôi nói : "Chắc trên đường đi anh ham chơi, hoặc đá cầu, cho nên anh mới về nhà trễ". Anh ta nói : "Không đâu ! Con đạp xe rất nhanh để về sớm mà !". Tôi nói : "Hoặc là xe của anh chẳng nhanh bằng xe của tôi, cho nên tôi đến trước".

Tôi đi xem bệnh nhân, thật chẳng có cách nào sống lại được, thử xem sao ! Đến sáng sớm ngày thứ hai thì dậy.

Mẹ của anh ta vốn đã bảy tám ngày chẳng biết gì, cũng chẳng nói, cũng chẳng nhận ra ai, gần như đã chết. Ngày thứ hai thì bà ta ngồi dậy gọi tên con trai lớn, ở nhà thường gọi anh Cao Đức Phước : "Tụ ơi, Tụ ơi, có cháo không, bây giờ mẹ muốn ăn cháo". Anh con trai lớn cũng đã bảy tám ngày chẳng nghe mẹ của anh ta gọi, bây giờ đột nhiên ngồi dậy được để gọi anh ta, anh ta rất đổi vui mừng. Anh ta chạy lại nói : "Mẹ, mẹ bệnh trầm trọng đã nhiều ngày không nói được, bây giờ mẹ có khỏe không ?". Mẹ của anh ta nói : "Mẹ cũng chẳng biết bao nhiêu ngày rồi, mỗi ngày đều ở trong chỗ tối tăm u ám, cũng chẳng có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có đèn lửa gì hết ! Chạy khắp nơi tìm chẳng được nhà, chạy đã rất nhiều ngày khổ nhọc, kêu ai cũng chẳng có ai. Tối hôm qua, mẹ nhìn thấy một vị Hòa Thượng nghèo, trên thân mặc áo rách rưới, ông ta đưa mẹ về, cho nên hôm nay mẹ muốn ăn cháo". Con của bà ta nghe mẹ nói như thế bèn nói : "Hòa Thượng đó như thế nào ?". Bà ta nói : "Ông ta rất cao, nếu nhìn thấy chắc sẽ nhận ra ngay". Lúc đó tôi đang nằm trên cái bục ngủ, anh ta đi đến chỗ của tôi ngủ chỉ nói : "Mẹ có biết vị Thầy này chẳng ?". Bà ta nhìn chăm chăm nói : "Phải rồi, mẹ thấy ông ta, ông ta đưa mẹ về".

Lại thêm nhiều sự rắc rối ! Cả gia đình hơn mười người đều đến quỳ ở trước tôi nói : "Thầy đã cứu mạng mẹ của chúng con, cả gia đình chúng con lớn nhỏ đều xin quy y với Thầy, sau này bất cứ Thầy có việc gì kêu chúng con làm, chúng con đều hoan hỉ làm hết mình". Đó là tôi đã dùng qua một lần. Dùng qua một lần thì bệnh khỏi, bạn nói như thế nào ? Sao lại nói nhiều sự rắc rối đến ? Cả nhà đều đến lạy, về sau ở trong làng đó, người này cũng nói có bệnh, người kia cũng nói có bệnh, rất là nhiều bệnh nhân. Vì có nhân duyên này nên tôi nói : "Các vị những người có bệnh đều phải đánh". Lúc đó tôi cầm cây phát trần đánh mỗi người ba cái, sau đó tôi hỏi những bệnh nhân : "Các vị có còn bệnh chẳng ?". Họ trả lời : "Hết đau rồi, khỏi rồi". Tôi nói : "Các vị đều là bệnh đánh đòn, để tôi đánh thì hết bệnh". Đó là việc rắc rối phiền phức ở tại Đông Bắc (Manchuria) bên Trung Quốc.

Còn ở Hương Cảng là ai ? Tức là cha của cô Madelena Lew. Cha của cô ta khoảng 79 tuổi, coi bói, xem tướng đều nói ông ta nhất định phải chết, do đó ông ta bèn đến ghi danh quy y. Khi

quy y thì ông ta hỏi tôi : "Su Phụ, Ngài có thể làm tôi không chết chẳng ?". Tôi nói : " Ông thích không chết chẳng ? Tốt, có thể được, tôi để cho ông sống tới mười hai năm nữa được không ?" Ông ta nói : "Đương nhiên là tốt !", tôi cũng làm cho ông ta việc này, về sau quả nhiên ông ta sống thêm mười hai năm nữa.

Song, vừa mới nói, dù bạn có pháp này cũng không thể dùng cho người chết. Nếu bạn cứu họ lại, không để cho họ chết thì tức là biến thành đối đầu với vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương sẽ nói với bạn rằng : "Tốt ! Ông không để cho họ chết thì bây giờ tôi kêu ông chết trước". Khi bạn chết thì chẳng có ai thay bạn dùng ấn đó. Bạn nói : "Chính tôi dùng ấn đó cho tôi". Vậy thì không được. Tại sao ? Giống như một thanh đao, đây là bề lưỡi, kia là bề sống đao; đao của chính bạn không thể chặt bề sống đao . Dù bạn có pháp thuật, nếu chính bạn có việc gì tức cũng như Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, khó bảo vệ được thân mình, bạn bảo vệ cho mình chẳng được. Cho nên nếu có được pháp này còn phải tự mình tu hành. Vì vậy, cho nên hiện tại tôi chẳng lo việc nhân rồi, muốn chết thì chết, tôi chẳng lo, tôi sợ Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, thân mình khó giữặng. (còn tiếp)

Học thức và Học vấn

Có những người cho rằng mình có bằng cấp cao, thì có quyền coi thường những người ít học, nhưng thực tế trong cuộc sống, thì chưa chắc những người học cao, lại biết cách đối nhân xử thế bằng người kiến thức thấp. Bởi vì cái học ở trên sách vở, học cho mình có một kiến thức cao, để mình trở thành người tài giỏi để phục vụ cho chính bản thân mình, và cao hơn nữa là cống hiến cho nhân loại. Gộp gọn lại đó là kiến thức khoa học tổng hợp. Chắc chắn rằng người có học, có lợi thế hơn người ít học, vì họ kiếm tiền bằng chất xám, công việc thật nhẹ nhàng, ngồi mát mà ăn thì bát vàng. Họ đứng trên thiên hạ là vì họ giỏi giang.

Nhưng cái kiến thức ở cuộc đời có quan trọng hay không? Đó là học cách sống và đối nhân xử thế ở đời. Tôi nghĩ rằng: rất cần thiết. Vì con người ta sinh ra và lớn lên ở trong một cộng đồng xã hội, không thể sống riêng rẽ, cô lập được. Tạo lập cho mình một mối quan hệ tốt với mọi người, là việc mà mỗi con người sống cần phải có. Nếu cho rằng ta giỏi hơn mọi người vì ta học cao có địa vị, mà coi thường mọi người, ta sẽ thật cô độc. Ai có thể cho rằng mình giỏi và giàu rồi và không cần sự giúp đỡ của ai cả người đó quá tự mãn.

Về nghề nghiệp thì chẳng có nghề nào cao quý hơn nghề nào cả. Bởi tất cả mọi ngành nghề đều hỗ trợ cho nhau cả. Ai cũng làm thuê cho nhau mà thôi. Đừng tưởng giám đốc các công ty là những ông chủ. Họ chỉ là chủ một công ty của họ, nhưng họ lại là người làm công cho một công ty khác mà thôi.

Tôi đơn cử như thế này: anh là giám đốc của nhà máy xi măng, chính xác là như thế. Nhưng anh vẫn chỉ là người làm công cho các đơn đặt hàng của các công trường xây dựng. Họ đặt hàng cho anh, mà anh không giao đủ số lượng chắc rằng anh sẽ bị chủ hàng phiền trách. Một bác sỹ khám bệnh cho mọi người, rõ ràng là rất oai vì nhất Y mà. Thật đạo mạo khi ông bác sỹ khoác chiếc áo blouse trắng, học vị bác sỹ thật đấy. Nhưng chính khi ông ta đi khám bệnh cho bệnh nhân lúc đó ông cũng chỉ là người đang làm công cho bệnh nhân mà thôi. Chỉ cần sơ suất khi viết một đơn thuốc sai thôi là đối mặt với sự kiện tụng của gia đình bệnh nhân ngay.

Do vậy, ở đời thì dù ở cương vị nào thì cũng cần phải nhún mình xuống sống bằng mọi người. Đừng đứng trên đầu mọi

người mà trịch thượng.

Dù có học thức cao thì cũng phải hòa mình với mọi tầng lớp con người, để hiểu họ và sống chan hòa. Học thức cao mà không có học vấn ở đời thì dễ bị người đời ghét bỏ và cô lập.

Thỉnh các pháp lữ
Chớ nên ưu phiền
Phục nghiệp sanh tử
Như tầm vướng tơ.
Tham mê không ngừng
Giám trong ưu hỷ
Muốn trừ hoạn kia
Nỗ lực tu hành.
Điều khế vô danh
Thông suốt đất tâm
Đoạn tâm thương ghét
Thoát hiểm luân hồi.
Hành ba tịnh học
Kiên trì bốn niệm
Thệ nguyện viên thành
Huyễn chất sương mai.
Chứng ngộ chân không
Muôn pháp nhất thể
Ly hợp bi hoan
Bọt nước tùy duyên.

h.t TH

KINH BÁT NHÃ

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

"Cứu cánh viên tịch hiệu niết bàn, (cứu cánh viên tịch gọi niết bàn)".

Tất cả chúng ngại không còn nên gọi là viên tịch, cũng là niết bàn. Niết bàn là chữ Phạn, dịch qua tiếng Tàu là viên tịch. Viên tịch tức là đạo không gì mà không tròn đầy, đức không gì mà không tịch. Đạo đã viên mãn. Đức đã đạt đến nơi tịch tĩnh. Sao nói đức không gì mà không tịch? Đức đã đạt đến tột điểm nghĩa là đạt đến điểm cùng tột của đức tánh thường lạc ngã tịnh, đức và tướng khế hợp nhau. Thế nên đắc được nơi an lạc tịch tĩnh.

"Quá khứ vị lai cập hiện tại, (quá khứ vị lai cùng hiện tại)

Tam thế chư Phật bốn đồng nguyên, (ba đời chư Phật vốn đồng nhau)".

Ba đời chư Phật cũng là chư Phật trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Không những chư Bồ Tát y chiếu theo pháp môn niết bàn cứu cánh tu hành mà chư Phật trong ba đời cũng đều y theo đó mà tu hành.

"Y thứ bát nhã ba la mật, (y theo bát nhã ba la mật)

Chí chánh giác đẳng vô thượng tiên, (đạt chánh giác tiên vô thượng)".

Ba đời chư Phật đều y chiếu theo trí huệ vi diệu của bát nhã mà đắc được a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nghĩa là đắc đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng có nghĩa là không gì cao siêu sánh bằng được. Là ai? Tức là Phật. Chánh đẳng là Bồ Tát. Chánh giác là nhị thừa. Chánh giác cùng phàm phu không đồng. Phàm phu không giác ngộ. Phàm phu luôn tạo việc sai lầm, mà không tự biết mình làm việc sai lầm, lại cũng không biết hối cải, nên gọi là bất giác. Chánh giác là người nhị thừa đã đạt đến. Thanh Văn Duyên Giác vì đã đạt được giác ngộ nên không đồng với phàm phu, nhưng không thể thành chánh đẳng được, không giống như Bồ Tát hành lục độ vạn hạnh, tự mình giác ngộ rồi lại dạy người giác ngộ theo: tự độ, độ người, tự lợi lợi người. Người nhị thừa chỉ tự liễu ngộ, không lo cho người khác, nên không phải là chánh đẳng.

Bồ Tát đạt đến quả vị chánh đẳng, nhưng chưa đạt được quả vị vô thượng. Đạt được quả vị chánh đẳng tức là gần quả vị Phật, gọi là Bồ Tát đẳng giác. Bồ Tát tuy đạt được quả vị chánh đẳng nhưng chưa đạt đến quả vị vô thượng. Chỉ có Phật mới đạt đến thôi, nên gọi Phật là đẳng vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, hay vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ba đời chư Phật đều y chiếu theo trí huệ bát nhã này mà đạt đến bồ giác. Do đó, bảo rằng đạt đến chánh đẳng giác vô thượng tiên, cũng tức là Phật. Phật cũng được xưng là vị tiên đại giác kim.

"Hành nhân dân năng cần tinh tấn, (người tu nên siêng cần tinh tấn)".

Người tu hành phải nên hướng về trước mà tinh tấn dũng mãnh, chớ thối lui quay lại. Chớ phơi nắng một ngày, rồi để lạnh mười ngày. Phải nên tu đạo năm này qua tháng nọ, ngày này qua ngày nọ, giờ này qua phút nọ. Thời thời khắc khắc tinh tấn tu hành. Ngày ngày, tháng tháng, năm năm năm, trong mọi thời gian đều tu hành tinh tấn. Không nên hôm nay tu, ngày mai thối, hay bước lên một bước nhưng lại lùi năm bước.

"Hà sâu bất hoạch pháp tánh điền, (lo gì không đến ruộng pháp tánh)".

Chư vị phải nên tinh tấn thì mới đạt đến ruộng pháp tánh. Pháp tánh ví như thửa ruộng. Nơi thửa ruộng này, chư vị gieo giống thì sẽ thu hoạch được, chỉ yếu là chư vị phải cần mẫn chăm sóc lúa mạ thì sẽ thu hoạch được. Thửa ruộng pháp tánh tức là chính tự pháp thân mà chư vị đang tu hành đây. Khi tự tánh viên mãn thì sẽ thành Phật, cũng giống như từ trong ruộng pháp tánh sanh xuất ra lúa thóc.

Có một vị tu hành rất tinh tấn. Tu mãi cho đến khuya chẳng ngủ, nhưng đợi đến sáng thì đi ngủ. Đó không phải là tu đạo, không thể gọi là tinh tấn được. "A! Chư vị ngủ mà tôi thì chưa ngủ". Nhưng đến sáng hôm sau người ta thức, còn chư vị thì đi ngủ. Đó không gọi là tinh tấn. Tối không ngủ mà sáng lại ngủ thì không đúng.

"Cổ tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư, (vì thế nên biết bát nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, luôn trừ tất cả khổ, chân thật không hư)".

*"Thị đại thần chú năng cùng trắc
Thị đại minh chú chiếu tam thiên
Thị vô thượng chú trần giác quả
Vô đẳng đẳng chú chí cực đỉnh
Trừ nhất thiết khổ luân hồi hư
Chân thật bất hư các hướng tiền
Dĩ thượng hiển thuyết thâm bát nhã
Lược giải đông tây tổ sư thiên"*

Dịch:

*Là đại thần chú khó đo lường
Đại minh chú chiếu ba ngàn cõi
Là chú vô thượng đạt quả giác
Chú không gì sánh tột cùng cực
Trừ tất cả khổ, ngưng luân hồi
Chân thật không hư đồng hướng trước
Trên nói rõ bát nhã thâm thâm
Lược giải đông tây tổ sư thiên".*

"Thị đại thần chú nan cùng trắc, (là đại thần chú khó đo lường)".

Trên đã bàn về lý bát nhã ba la mật đa là trí huệ vi diệu đạt đến bờ giác, là pháp đại thần chú. Sao gọi là đại (lớn)?

Lớn tức là so với nhỏ mà nói. Lớn này là cái lớn mà không ngoài cái lớn, lại không thể lớn hơn nữa. Nếu ngoài cái lớn này còn có cái lớn hơn nữa thì chính nó là nhỏ. Vì lớn mà không ngoài cái lớn, nên không có gì so sánh lớn bằng được. Sao gọi là thần chú? Thần tức là không thể nghĩ bàn. Chữ thần này gần giống với chữ tư và chữ diệu; diệu nghĩa là bất động; thần là động; diệu là ngay nơi bất động mà quan sát thấy rõ hết tất cả sự việc, nên không cần dùng động. Thần không động là không phải thần, nên phải động. Thần tức là thần thông. Thông tức là thông quá khứ. Thông này cũng nghĩa là động. Không dùng động mà có thể biết, đó là diệu. Chư Phật tại những cõi nước khác giáo hóa chúng sanh, thành đạo, nhập niết bàn, mình đều biết hết, giống như khi phóng phi thuyền lên mặt trăng, liền biết mặt trăng ra thế nào, đất như thế nào, cấu tạo ra sao? Đó là bàn về một điểm nhỏ của thần. "Diệu", không cần đến nơi đó mà vẫn biết mặt trăng ra sao, lại không

dùng toán số mà tính, không dùng lý khoa học mà luận bàn nhưng vẫn biết, lại không động đạo tràng mà biết tất cả. Thần phải cần động đạo tràng, phải đến nơi kia mới biết rõ.

Sao gọi là chú? Chú là lời bí mật không thể nghĩ lường. Chú có bốn ý nghĩa.

Thứ nhất là tất cả chú đều có tên của quý thần vương như Tỳ Xá Giá, Cưu Bàn Trà. Chư vị tụng niệm tên của các vua quý thần thì các quý nhỏ thần nhỏ cũng hiểu rõ. Tại sao? "A! Làm sao chư vị biết quý vương, thần vương của chúng tôi?" Các quý nhỏ thần nhỏ không dám không thủ quy củ.

Thứ hai là chú như mật lệnh trong quân đội. mật lệnh trong quân đội là khẩu lệnh. Trong quân đội, mỗi ngày khẩu lệnh khác biệt, không đồng, chỉ những người có chức vụ mới biết khẩu lệnh thôi, người ngoài không thể biết được. Ví như khẩu lệnh hôm nay là "thắng lợi". Trong quân đội đều biết khẩu lệnh đó là "thắng lợi". Nếu tôi không biết chư vị, nhưng khi gặp nhau thì hỏi khẩu lệnh. Chư vị bảo "thắng lợi". Như thế là đúng, chính là người trong quân đội của mình. Nếu tôi hỏi chư vị khẩu lệnh mà chư vị đáp "kiệt tường", thì là sai rồi, nên phải nổ súng. Tại sao vậy? Vì chư vị không phải là người thuộc quân tôi. Chú cũng như khẩu lệnh. Chúng ta tụng chú thì quý thần đều đến nghe. Khẩu lệnh của chúng ta cũng như thế, tất cả quý thần đều hiểu rõ và đều thủ quy củ, nếu không thì chúng cùng chư vị chiến đấu lẫn nhau.

Thứ ba là lời mật ngữ, người ngoài không thể biết được, chỉ có mình biết thôi. Ví như có người nghèo hèn, vì tham tiền của nên chạy ra nước ngoài. Người ngoại quốc không biết ông ta có sao mà bỏ nước đi. Khi được hỏi, ông ta đáp: "Tôi là vua của nước kia. Vì quân nhân đảo chánh. Quốc gia rối loạn, nên tôi chạy đến nước này tị nạn".

Vua nước đó tuy không biết là thật hay giả, nhưng cũng cho là thật, nên gả công chúa cho hắn. Sau khi gã nghèo hèn kia kết hôn cùng với cô công chúa, liền làm dạng như mình chính là một ông vua. Từ sáng đến tối khởi tâm nóng giận, càng ngày càng hung dữ thêm. Sau này, có người nhận ra hắn là kẻ nghèo hèn, nên đến nói với công chúa: "Khi hắn phát cáu, nóng giận, công chúa hãy nói như vậy " Ông vốn là kẻ nghèo hèn, nhưng khi đi qua xứ khác, sao nổi sân quá vậy?".

Sau khi biết là có người nhận ra lai lịch của mình, nên không dám khởi tâm nóng giận nữa. Chú này cũng như thế. Chư vị tụng niệm chú, quý thần

biết chữ vị nhận ra lai lịch, việc làm của chúng là gì, nên khi đối mặt với chữ vị, không dám không thủ quy cũ.

Thứ tư, chú là tâm ấn, mật ngữ của chư Phật, chỉ Phật và chư Phật biết thôi, còn chúng sanh thì không thể hiểu. Vì vậy không thể phiên dịch chú được. Lại nữa, dùng một âm thanh diễn thuyết chú, chúng sanh tùy loại mà tôn thủ. Loại chúng sanh nào thì nghe hiểu loại chú đó. Ví như hiện nay, tuy chúng ta không hiểu lời chú nhưng quý thần vương, A Tu La, súc sanh, yêu ma quỷ quái đều hiểu rõ. Do đó, một khi đọc chú, chúng đều hiểu cả. Xưa kia có ông vua cần tiên đà bà. Tiên đà bà là tiếng Phạn. Nó có bốn tên khác nhau, tức là muối, nước, ngựa, đại tiểu tiện. Thế nên, khi vua bảo rằng ta cần tiên đà bà thì những quan đại thần không biết là muối, nước, ngựa, hay đại tiểu tiện. Nhưng có một vị thông minh trí huệ, khi nghe vua nói tiên đà bà liền biết nhà vua cần gì. Khi ăn cơm, cần tiên đà bà, đương nhiên là không phải đại tiểu tiện mà là cần muối. Khi nhà vua chuẩn bị ra đường thì gọi "tiên đà bà". Người kia hiểu rõ là nhà vua cần ngựa. Khi vua khát mà gọi tiên đà bà thì chắc chắn là nhà vua cần nước. Khi thấy nhà vua không khát nước, không ăn cơm, không ra đường, thì biết là nhà vua muốn đi đại tiểu tiện. Thế nên, khi đọc chú ra, quý thần có trí huệ liền biết ngay, còn quý thần khác thì không biết đến. (còn tiếp)

hóa ra, mình cũng là một người giàu có

Chàng thanh niên nọ lúc nào cũng than vãn số mình không tốt, không thể giàu có được. Một ngày, một ông lão đi qua nhìn thấy vẻ mặt ủ rũ của anh bèn hỏi:

- Chàng trai, sao trông cậu buồn thế, có việc gì không vui à?
- Cháu không hiểu tại sao cháu làm việc chăm chỉ, vất vả mà vẫn nghèo
- Chàng trai buồn bã nói.
- Nghèo ư ! Cháu là một người giàu có đấy chứ.
- Chưa ai nói với cháu như vậy cả, cháu rất nghèo.
- Giả như ta chặt một ngón tay cái của cháu, ta trả cháu 30 đô la, cháu có đồng ý không?
- Không ạ!
- Giả như ta chặt của cháu một bàn tay, ta trả cháu 300 đô la, cháu có đồng ý không?

- Không bao giờ.
 - Vậy ta muốn lấy đi đôi mắt của cháu, ta trả cháu 3.000 đô la, cháu thấy thế nào?
 - Cũng không được.
 - Vậy, ta trả cháu 30.000 đô la, để cháu trở thành một ông lão như ta, già cả, lú lẫn được không?
 - Đương nhiên là không.
 - Cháu muốn giàu, vậy ta sẽ đưa cho cháu 300.000 đô la, để lấy đi mạng sống của cháu, cháu thấy thế nào?
 - Cháu cảm ơn ông ! Cháu đã hiểu cháu cũng là một người giàu có.
- Trong cuộc sống, thường rất nhiều người than thân trách phận mà không hiểu thật ra mình còn hạnh phúc hơn rất nhiều người khác.
- Bạn hãy xem :
- Nếu sáng nay tỉnh dậy, cảm thấy mình khỏe mạnh, thì bạn hạnh phúc hơn rất nhiều người không còn cơ hội sống đến ngày mai.
 - Nếu bạn chưa bao giờ trải qua sự tàn phá của chiến tranh, đơng độc, lạnh lẽo trong nhà tù, chưa bị đói rét rình rập, thì bạn đã may mắn hơn 500 triệu người trên trái đất này.
 - Nếu trong tủ lạnh nhà bạn có thức ăn, bạn có quần áo để mặc, có tiền để chi tiêu, thì bạn đã hạnh phúc hơn không biết bao nhiêu người nghèo đói vô gia cư trên thế giới.
 - Nếu bạn có tài khoản trong ngân hàng, thì bạn đã được xếp vào nhóm 8% những người giàu có trên thế giới.
 - Nếu bố mẹ bạn vẫn còn sống, và vẫn sống vui vẻ hạnh phúc bên nhau thì bạn thuộc số ít nhóm người hạnh phúc nhất trên thế giới.
 - Nếu trên khuôn mặt bạn lúc nào cũng nở một nụ cười tươi tắn, bạn luôn cảm thấy lạc quan yêu đời, thì bạn là người vô cùng hạnh phúc bởi trên thế giới có rất nhiều người muốn lạc quan như bạn mà cũng không được.
 - Nếu bạn được ôm người thân vào lòng hay được dựa vào bờ vai của họ để nói lên tâm sự của mình, thì bạn hạnh phúc hơn rất nhiều những người không bao giờ nhận được tình yêu từ người khác.
 - Nếu bạn đọc được những dòng chữ này, thì bạn hạnh phúc hơn 2 tỉ người không thể đọc được trên trái đất này.
- Sau khi đọc được những dòng chữ này, bạn có thể nhìn lại mình qua gương và mỉm cười rằng:
- " Hóa ra, mình cũng là một người giàu có ! "
- Hãy luôn luôn lạc quan yêu đời và sống tốt bạn nhé ! Đừng bao giờ than thân trách phận nữa nha

các bạn, không đủ đầy về vật chất thì chỉ ít bạn cũng đã giàu có về tinh thần nhiều hơn bao nhiêu người khác rồi đó.

Và quan trọng hơn nữa là mình cũng nên sống vì người khác nữa, hãy sẻ chia cuộc sống. "Sống trên đời cần có 1 tấm lòng".

Khách lữ hành

Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế,
Đi lang thang vô định đã bao đời
Vòng tử sanh, sanh tử, nẻo luân hồi,
Trong Tam giới xoay đi rồi chuyển lại,
Vô lượng kiếp khóc cha rồi khóc mẹ,
Khóc vợ con, quyến thuộc, kẻ thân yêu,
Khóc cửa nhà, tài sản sớm tiêu điều,
Từ vô thi khóc than bao cảnh khổ,
Những giọt lệ đắng cay người đã đổ,
Còn nhiều hơn nước mặn khắp trùng dương

Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế,
Đi lang thang vô định đã bao đời,
Vòng tử sanh, sanh tử nẻo luân hồi,
Trong Tam giới kiếp này rồi kiếp khác,
Từ vô thi mỗi đời người bỏ xác,
Khấp địa cầu phủ trắng đồng xương khô.

Sao người mãi ngủ mê chưa thức tỉnh,
Còn miệt mài theo tài sắc lợi danh,
Còn đắm say trong bể ái trường tình?
Nào có thấu vô thường thay vạn hữu,
Cõi giả tạm khur khur là vĩnh cửu,
Nên trầm luân biển khổ tự muôn đời,
Trên đường xa vô định lệ còn rơi,
Trên mặt đất xương tàn còn rải trắng,
Hãy tỉnh giấc, đứng lên tìm ánh sáng,
Đừng tối mê quờ quạng giữa đêm dài,
Tìm lối đi giải thoát ngục trần ai

Này lữ khách, đến đây tìm ngọn đuốc,
Ánh Đạo vàng soi sáng nẻo vô sanh,
Đức Phật Đà, Bạc Đại Giác Viên Minh,
Thương nhân loại đắm chìm trong bể khổ,
Đem chân lý diệu huyền Ngài phổ độ,
Dạy chúng sanh lià khỏi bến sông mê,
Bờ Niết bàn tịch tịnh thẳng đường về,
Dứt sanh tử, dứt luân giòng lệ thấm

Huỳnh thanh long

HỌC CÁCH QUÊN

Đời người không phải lúc nào cũng được như ý; muốn bản thân vui vẻ, đôi khi việc giảm áp lực cho chính mình là điều cần thiết. Và cách để giảm áp lực tốt nhất chính là học cách quên, bởi trong cuộc sống này có những thứ cần nhặt lên và bỏ xuống đúng lúc.

Cuộc đời con người giống như một cuộc hành trình dài không ngừng bước đi, ven đường nhìn thấy vô vàn phong cảnh, trải qua biết bao những gập ghềnh. Nếu như đem tất cả những nơi đã đi qua, đã nhìn thấy, ghi nhớ hết trong lòng thì sẽ khiến cho bản thân mình chất chứa thêm rất nhiều gánh nặng.

Sự từng trải càng phong phú, áp lực càng lớn, chẳng bằng đi một chặng đường quên một chặng đường, mãi mãi mang một hành trang gọn nhẹ trên đường. Quá khứ đã qua, thời gian cũng không thể quay ngược trở lại. Ngoài việc ghi nhớ lấy những bài học kinh nghiệm, còn lại không cần thiết để cho lòng phải vương bận thêm. Sẵn sàng quên đi là một cách cân bằng tâm lý, cần phải chân thành và坦然 nhiên đối mặt với cuộc sống.

Có một câu nói rất hay rằng: "Tức giận là lấy sai lầm của người khác để trừng phạt chính mình; cứ mãi nhớ và không quên khuyết điểm thì người bị tổn thương nhiều nhất chính là bản thân mình." Bởi lẽ đó, để có được niềm vui và cuộc sống thanh thản, ta không nên truy cứu lỗi lầm cũ của người khác.

Rất nhiều người thích câu thơ: "Xuân có hoa bách hợp. Thu có trăng. Hạ có gió mát. Đông có tuyết." Trong lòng không có việc phải phiền lo mới chính là mùa đẹp của nhân gian. Nhớ những cái cần nhớ, quên những cái nên quên, sống cuộc sống cởi mở, trong lòng không vương bận, thì cuộc sống này sẽ thật tươi đẹp.

Ấn tổng Kinh

Sang năm 2013, sẽ tiếp tục ấn tổng Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 15, tập 16, tập 17, tập 18, tập 19, mỗi tập 1000 quyển. Đồng thời tái bản Chú Lăng Nghiêm giảng giải tập 1, và Chú Đại Bi giảng giải của cố H.T Tuyên Hoá. Tuy hỉ sự phát tâm hùn phước ấn tổng, công đức vô lượng.

Pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

6. Ngày thứ sáu (27.2)

Cổ nhân nói:

- Ngày tháng qua mau như thoi đưa, thời gian vùn vụt trôi nhanh như tên bắn.

Đã thiền thất đến ngày mai là xong. Theo quy củ, sáng mai sẽ có tra khảo, vì đả thất là cách thức khắc kỷ thủ chứng. Chúng nghĩa là chúng ngộ, tức thấy tận bản địa phong quang, hay ngộ đến Như Lai diệu tánh. Vì muốn biết trình độ công phu của quý vị trong bảy ngày, nên mới tra khảo xem xét. Quý vị phải đối trước đại chúng mà thưa bạch rõ ràng những điều mình chứng biết. Khi đó, gọi là thâm nhập tiền vé của tất cả mọi người. Nói cách khác, chúng ta tham gia đả thiền thất, nghĩa là ai ai cũng có thể khai ngộ, hầu mong hoàng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh. Hiện tại, không nhất thiết ai ai cũng phải khai ngộ; nếu chỉ có một người liễu đạo, thì cũng thâm được tiền vé. Nghĩa là một người trả tiền ăn cho mọi người. Nếu mọi người đồng phát khởi đạo tâm tấn, thì ai ai cũng đều khai ngộ. Cổ nhân nói:

- Phàm phu thành Phật rất dễ dàng. Đẹp trừ vọng tưởng lại rất khó.

Từ vô thủy đến nay, chúng ta tham lam ái nhiễm, chấp trước nặng nề, nên mới bị lưu chuyển trong vòng sanh tử. Tám muôn bốn ngàn trần lao, cùng bao loại tập khí xả bỏ không nổi, khiến chẳng được ngộ đạo, nên khác hẳn với chư Phật chư Bồ Tát, những bậc thường giác không mê. Do đó đại sư Liên Trì nói:

*"Nhiễm duyên rất dễ,
Đạo nghiệp khó thành,
Mê việc trước mắt
Muôn duyên sai biệt
Cảnh như gió thổi
Hoại rình công đức*

*Lửa tâm cháy phừng,
Đốt hạt Bồ Đề,
Đạo đồng tình tâm
Thành Phật dễ dàng
Đối người như mình,
Đồng được tùy hỷ,
Chẳng thấy thị phi
Trên cung dưới kính
Phật pháp thường hiện
Chặt đứt trần lao!"*

Những câu kệ trên nói rõ đạo lý chân thật! Nhiễm, tức nhiễm ô. Phàm phu đều tham nhiễm tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, lợi lộc, cùng khởi tâm sân hận gây chiến tranh. Đối với hai chữ "Đạo Đức", như chân bị đá buộc. Từ sáng đến tối, cứ mãi sống trong vui buồn giận tức, thương mến, ghen ghét, tham lam, và ái nhiễm phú quý vinh hoa, nên chưa hề cắt đoạn bao loại thế tình, cũng không nghĩ gì về đạo. Thế nên, rừng công đức bị phá hoại và hạt Bồ Đề bị đốt rụi. Nếu lạnh nhạt với thế tình, đối xử bình đẳng với tất cả bè bạn, oan gia, cùng mọi chúng sanh, và xem người nghèo như mình nghèo, xem kẻ khác yếu như mình yếu, cũng không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu, lại thường phát tâm Bồ Đề, thì đạo nghiệp mới tương ưng, chóng lập địa thành Phật. Vì vậy bảo:

- Đạo tâm nếu đồng tình tâm, thì thành Phật mau chóng.

Chư Phật thánh hiền ứng hóa thế gian, và trong mọi việc làm đều vì lợi ích chúng sanh. Vì thế nói rằng cứu khổ ban an vui, khởi tâm từ tế độ muôn vật. Nếu chúng ta tự kiểm chế, nhả nhận khiêm tốn trong mọi trường hợp, cùng nơi các việc làm đều không nhằm vì mục đích hưởng thụ cá nhân, thì làm việc gì cũng thành công, và người người chẳng hề thọ khổ. Đồng thời, quả báo chơn thật thù thắng cũng được viên mãn tròn đầy, như thuyền nhấp nhô lên xuống đồng với mực nước. Nếu dùng tâm từ bi cung kính để đối đãi người, mà chẳng tự cao tự đại, cùng chẳng kiêu xa giả dối, thì khi gặp gỡ, người khác nhất định sẽ có tâm cung kính tôn trọng mình. Ngược lại, nếu chỉ cậy vào tài năng, nộ khí tung hoành ngang dọc, hoặc miệng trái với tâm, luôn vì âm thanh sắc tướng danh lợi, lại lập chước tính toán hầu mong người khác cung kính mình thì không thể được. Cho dầu họ có kính nể mình đi nữa, thì e rằng cũng là nguy tạo giả dối. Khổng Tử nói:

- Cung kính người, người hằng cung kính mình.
Thương mến người, người hằng thương mến mình.

Lục Tô Huệ Năng bảo:

- Người lỗi ta không lỗi, tức lỗi ta phân biệt người.

Thế nên, chúng ta chớ khởi tâm thị phi, mình người khác biệt. Ví như chư Phật Bồ Tát, các ngài làm mọi việc luôn vì lợi ích chúng sanh, nên thời thời thường gặt hái quả báo thiện lành. Nếu chúng ta làm được như thế, thì phiền não không thể trói buộc.

Đức Thế Tôn thuyết ba tạng kinh điển mười hai phần giáo, chỉ vì muốn cứu giúp chúng ta cắt đứt ba độc tham lam sân hận si mê, cùng dạy tu hành giới định huệ, khiến phát khởi tâm từ bi hỷ xả, và thực hành lục độ vạn hạnh, ngõ hầu viên mãn đức tướng trí huệ trang nghiêm pháp thân công đức. Nếu nương theo trên mà hành, thì nơi nơi đều biến thành thế giới Hoa Tạng.

Hôm nay tham gia đả thất, đa số là các vị tại gia đức độ. Chúng ta nên cố gắng hàng phục tâm mình, mau chóng rời xa trần phược. Tôi sẽ kể thêm một câu chuyện nữa. Mong rằng những ai đã phát tín tâm tu hành, sẽ đạt được bảo vật. Ngược lại, quý vị tự cô phụ tín tâm của mình, đi về tay không. Hy vọng mọi người hãy lắng nghe.

Xưa kia, vào đời Đường có cư sĩ họ Bàng tên Uẩn tự Đạo Huyền, người Hàng Dương tỉnh Hồ Nam, vốn theo nghiệp nhà Nho sau lại liễu ngộ trần lao khốn khổ, chí cầu đạo chân đế. Năm Trinh Quán nguyên niên, nghe đạo phong của hòa thượng Thạch Đầu, nên ông đến bái kiến.

Ông hỏi:

- Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?

Hòa thượng Thạch Đầu bèn lấy tay che miệng ông. Ông liền hoát nhiên nhận ra yếu chỉ. Ngày nọ, ngài Thạch Đầu hỏi ông:

- Từ khi gặp lão tăng cho đến nay, hằng ngày con làm những gì?

Ông thưa:

- Nếu hỏi việc hằng ngày, tức môi miệng không có chỗ mở.

Nói xong, ông liền trình kệ:

*"Hằng ngày làm không khác
Chỉ mình hòa với chúng
Nơi nơi không chấp xả
Chốn chốn chẳng tiếp thừa"*

*Sao phân chia đở tím
Núi xanh chẳng chút bụi
Thần thông và diệu dụng
Gánh nước cùng hái củi".*

Ngài Thạch Đầu chấp nhận, nói:

- Con muốn làm tăng hay tục?

Ông thưa:

- Bạch Hòa Thượng! Con muốn làm những gì con thích!

Ông không xuống tóc xuất gia. Sau này, ông đến tham vấn Mã Tổ:

- Bạch Hòa Thượng! Người không cùng muôn pháp làm bạn là ai?

Mã Tổ bảo:

- Đợi ông hớp cạn nước ngàn sông, Ta sẽ chỉ bày. Nghe thế, ông liền lãnh hội yếu chỉ, nên ở lại học hỏi về ngôn giáo. Từ khi hiểu rõ nguồn tâm, ông không màng việc thế gian, chỉ đan giỏ tre sống qua ngày. Trong nhà có mười ngàn lượng vàng bạc, ông liệng hết xuống sông Trường Giang. Hôm nọ, đang cùng bà vợ bàn về lý vô sanh, ông bảo:

- Khó! Khó! Khó! Đem hạt mè để trên đỉnh cây thật khó!

Bà vợ nói:

- Dễ! Dễ! Dễ! Ý Tổ Sư trên trăm đầu ngọn cỏ.

Con ông là cô Linh Chiếu nghe thế liền đáp:

- Hai ông bà già, sao lại nói như thế!

Ông hỏi:

- Vậy con nói như thế nào?

Cô Linh Chiếu bảo:

- Không khó cũng không dễ. Đói thì ăn. Mệt ngủ khò!

Ông liền vỗ tay, nói:

- Con trai không lấy vợ. Con gái không lấy chồng. Cả nhà thuyết vô sanh!

Từ đó, danh tiếng của ông vang dội khắp nơi. Lần nọ, thăm viếng chùa xong, vào lúc ông vừa từ biệt đại chúng để trở về nhà, ngài Lạc Sơn bảo mười vị thiên khách tiễn ông ra cổng. Đến cổng, ông lấy tay chỉ tuyết rơi trên không trung, nói:

- Tùng mảnh tuyết trắng, không bay lạc nơi khác.

Có thiên khách họ Toàn đáp:

- Bay lạc nơi nào?

Ông liền tát vị thiên khách này một bạt tay. Thiên khách họ Toàn nói:

- Không được cầu thả.

Ông bảo:

- Sao dám xưng là thiên khách. Vua Diêm La không cho Ngài thoát đầu.

- Cư sĩ thường làm gì?

- Mắt thấy như mù, miệng nói như câm.
Ông thường đến các giảng đường nghe thuyết pháp. Ngày nọ, nghe vị giảng sư thuyết kinh Kim Cang đến đoạn vô ngã vô nhân, ông bèn hỏi:

- Bạch Tọa Chủ! Nếu nói vô ngã vô nhân, vậy ai đang giảng kinh, ai đang nghe kinh?

Vị Tọa Chủ không lời đối đáp.

Ông nói:

- Tuy là người thế tục, con hiểu yếu chỉ thô thiển đôi chút.

Tọa Chủ hỏi:

- Theo ý cư sĩ thì như thế nào?

Ông đáp kệ:

*"Không mình cũng không người.
Sao có kẻ thân sơ!
Khuyên Ngài ngồi nghỉ ngơi,
Chớ cầu thêm chân lý.
Tánh Kim Cang Bát Nhã,
Ngoài không chút trần lao.
Nghe cùng tin hay nhận,
Chỉ là trần cảnh giả".*

Nghe thế, vị Tọa Chủ vui mừng khen ngợi ông đáo đê. Một hôm, ông hỏi cô Linh Chiếu:

- Cổ nhân nói rằng trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý Tổ Sư. Vậy, con hiểu như thế nào?

Cô Linh Chiếu nói:

- Ông già! Sao nói như thế được?

- Vậy con nói làm sao?

- Trên trăm đầu ngọn cỏ, rõ ý Tổ Sư.

Ông cười to. Lúc sắp mất, ông bảo cô Linh Chiếu:

- Con ra ngoài xem coi mặt trời mọc đứng ngọ chưa.

Cô Linh Chiếu bước ra ngoài, chốc lát rồi trở vào, nói:

- Mặt trời ở giữa không trung, bị nguyệt thực. Cha bước ra xem.

Ông tưởng thật, nên bước xuống tòa, đi ra ngoài cửa xem. Khi ấy, cô Linh Chiếu liền leo lên tòa ngồi của cha mình, xếp bằng chấp tay, rồi thị tịch. Trở vào, thấy con mình đã tịch, ông bèn cười nói:

- Con gái ta lanh lợi quá. Nó đi trước ta!

Sau đó, ông đình lại bảy ngày để lo đám tang con mình. Khi quan Vu Công đến thăm bệnh, ông làm kệ, bảo:

*"Chỉ mong dẹp sạch cái có,
Coi chừng những cái không,
Cuộc sống trên thế gian,
Như ảnh tượng và bóng".*

Nói xong, ông đặt đầu lên gối của quan Vu Công mà tịch. Theo di chúc, thi thể ông được hỏa táng

thành tro, rồi bỏ xuống sông. Bà vợ nghe tin, liền báo cho con trai biết. Cậu trai nghe xong, ngừng làm việc, đứng chống tay trên cán cuốc mà thị tịch ngay tại đồng ruộng. Bà mẹ thấy thế, cũng tự ẩn mình biệt dạng.

Quý vị hãy xem, bốn người trong gia đình, đều có thần thông diệu dụng như thế. Họ cũng là cư sĩ, nhưng dụng công rất thâm cao. Hiện tại, từ trong cư sĩ cho đến các tỳ kheo và tỳ kheo ny, những vị đồng như Hư Vân tôi, khó lòng mà tìm được những bậc nhân tài như thế. Thật là xấu hổ. Quý vị hãy cố gắng nỗ lực tinh tấn! (còn tiếp)

Hám Sơn

đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Bị Nạn

Năm bốn mươi lăm tuổi, Ngài có đệ tử tên là Hoàng Sanh Nạp, tự Tử Quang, là em của quan huyện họ Hoàng tại vùng Tứ Mặc. Khi Ngài đến vùng biên hải, Tử Quang được mười chín tuổi, đến quy y và xin làm đệ tử. Tử Quang thỉnh Ngài dạy Phật pháp. Ngài liền dạy kinh Lăng Nghiêm. Trong vòng hai tháng, Tử Quang thuộc lòng bộ kinh này. Từ đó, Tử Quang phát nguyện ăn chay trường mặc dầu cha mẹ cấm đoán. Tử Quang chưa hề thôi thất tâm Bồ Đề, thiết tha quyết chí tu Thiền, lưng chưa từng đặt xuống chiếu. Khi Ngài trở vào Nam, Tử Quang tự nghĩ: "Mình sanh nhằm vùng biên địa. Bao kiếp lâu dài không nghe danh Tam Bảo. Nay may mắn gặp đại thiện tri thức, không thỉnh mà đến. Nếu Ngài không trở về, mình sẽ mất nơi chỗ nương tựa."

Nói xong, Tử Quang cắt da, làm tim đèn, cúng dường và cầu đại sĩ Quán Âm gia hộ cho Ngài sớm trở về. Mặc dầu, chỗ lát da rất đau, nhưng Tử Quang vẫn cố chịu đựng và niệm danh hiệu đại sĩ Quán Âm. Ba tháng sau, vết thương lành lặn. Khi ấy, ngay tại vết thương hiện ra hình đại sĩ Quán Âm. Lông mi mắt mũi, thân hình, y áo, rất giống như tượng vẽ. Vợ và mẹ của Tử Quang chưa từng

biết đến việc này. Sau này, Tử Quang luôn cầu xuất gia, nhưng Ngài không khứng chịu. Tử Quang thưa: "Con đã đổi sao Bắc Đẩu rồi, sao Thầy lại không cho phép?" Việc này chứng minh rằng ngay cả tại vùng biên địa nghèo nàn khổ ải, hạt giống Phật vẫn không ngừng đâm chồi nảy nở.

Vì Lao Sơn vốn là đạo tràng của Đạo giáo bấy lâu nay, nên tín chúng theo Đạo giáo rất đông. Lúc Ngài vừa đến, họ rất khinh khi. Dần dần, do đức độ tu hành khổ hạnh, Ngài cảm hóa được rất nhiều người trong vùng. Nay chùa Hải Ấn vừa xây xong, các đạo sĩ rất ghen ghét nên nghị định cùng nhau lập kế hãm hại Ngài, bằng cách thưa kiện quan phủ là Ngài chiếm đạo quán của họ để lập tự viện. Sự tranh chấp giữa Phật giáo và Đạo giáo ngày càng căng thẳng. Theo tín đồ Phật giáo thì quyền sở hữu của chùa Hải Ấn và khu đất lân cận thuộc về người Phật tử. Lao Sơn xưa kia vốn có chùa chiền Phật giáo. Những năm đầu nhà Nguyên, các đạo sĩ đến đó xâm chiếm. Hiện tại bắt quá chỉ trùng hưng chùa chiền lại thôi. Các đạo sĩ bảo rằng núi Lao Sơn vốn thuộc quyền sở hữu của Đạo giáo, mà ngày nay bị tăng sĩ đến cưỡng đoạt.

Khi ấy, có một nhóm người muốn chiếm đoạt ngôi chùa của Ngài. Họ hợp tác với các đạo sĩ, tự đặt điều là đền miếu Đạo giáo bị xâm chiếm. Họ tụ tập rất đông đảo, rồi đến kiện tụng tại dinh phủ quan huyện. Quan huyện họ Lê, biết rõ đầy đủ sự kiện và rất chán ghét những kẻ đặt điều gian trá, nên bảo quan phủ Lai Châu điều tra sự việc rõ ràng. Ngài tự thân ra huyện đường nghe xử kiện. Vài trăm người la lối, làm nháo động trước dinh phủ. Khi đó, Ngài bị họ bao quanh. Có hai thị giả cùng đi theo hầu, nhưng Ngài bảo họ đi nơi khác. Một mình Ngài đơn độc đi vào giữa đám đông. Tên thủ lĩnh rút đao ra, định chém Ngài. Tuy cái chết nằm trong đường tơ kẽ tóc, Ngài vẫn ung dung tự tại bước đi chậm rãi, không hề lộ vẻ sợ sệt, bảo: "Ông giết tôi, có tốt lành gì đâu, vì chính ông tự đưa mình vào chỗ chết."

Đối mặt với một tăng sĩ điềm đạ lại nghe những lời này, khiến cho gã thủ lĩnh ấy nảy, nên từ từ bỏ đao vào vỏ, rồi đi cùng với Ngài cả hai dặm. Đến ngã ba đường, vừa gặp quần chúng thì gã thủ lĩnh liền khuyên họ hãy nên trở về thôn làng. Nghe thế, quần chúng tức giận, nghi hoặc gã phản bội, nên muốn giết gã. Ngài suy nghĩ: "Nếu bị quần chúng vây đánh, gã chắc sẽ bị nguy hiểm tánh mạng."

Ngài vội kéo gã thủ lĩnh ra khỏi đám đông, rồi dẫn ông ta đến nơi Ngài cư trú. Đóng cửa lại, Ngài bảo gã thay đổi quần áo, rồi cả hai giả bộ cười nói tự nhiên, cùng mang trái cây ra dùng. Lúc ấy, tin đồn các đạo sĩ giết tăng sĩ lan tràn khắp huyện. Quan thái thú nghe thế, liền sai quan tuần phủ đi bắt đám quần chúng hỗn loạn. Họ sợ hãi, chạy đến cầu Ngài giải cứu. Biết thời điểm xuất đầu lộ diện đã đến, Ngài an ủi quần chúng: "Chớ sợ sệt! Hãy để tôi nói chuyện với quan tuần phủ."

Khi quan tuần phủ đến, Ngài hỏi: "Không biết quan tuần phủ đến đây tìm ai?"

Quan tuần phủ đáp: "Nghe nói có người địa phương giết tăng sĩ, nên tôi đi tìm kẻ ấy."

Ngài nói: "Ô! Đó là việc hiểu lầm. Tôi vẫn còn sống và cùng ông thủ lĩnh đàm đạo và dùng trái cây tại đây!"

Tuần phủ hỏi: "Vậy thì tại sao dân chúng tụ tập cùng bảo nhau là có việc này xảy ra?"

Ngài đáp: "Chắc chỉ là những tin đồn nhảm thôi."

Tuần phủ bảo: "Tuy Đại Sư trần thuật sự tình như thế, nhưng xin để tiện nhân bắt chúng đem về huyện trừng phạt ngõ hầu làm gương cho những kẻ không coi trọng luật pháp."

Ngài ngăn lại và bảo: "Tôi có ý kiến là hãy phân tán họ đi. Bắt bỏ tù chỉ khiến họ lại tụ tập nữa."

Tuần phủ nghe thế liền đồng ý, nên ra lệnh cho quan quân địa phương đuổi họ trở về nhà. Trong ba ngày, quần chúng cuống tít đều giải tán. Trật tự được văn hồi trở lại. Các đạo sĩ thấy kế đó không thành, và thấy oai thế của Ngài quá mạnh, nên phải trở về.

Lúc về chùa, các đệ tử rất ngạc nhiên, hỏi han có sự. Họ không biết Ngài dùng cách gì mà giải quyết êm xuôi được việc náo loạn này. Ngài không đáp lời chi, chỉ đưa quyển "Luận Tâm Pháp" cho họ đọc, bảo:

"Lúc nhỏ, thầy không thích đạo của ông Không Tử hay Lão Tử, nên vào núi tập tu Thiên Định, quán tâm nhiếp ý. Nhờ thế mà trực nhận ba cõi đều do tâm tạo, muôn pháp do thức biến hiện. Thức quán duy tâm, nhận biết mọi cảnh vật đều là ảnh của tâm. Tất cả âm thanh đều là âm hưởng của tâm. Ảnh tượng của các bậc thánh nhân đều doan chánh. Âm hưởng của mọi ngôn giáo đều chánh thuận. Do biết vạn pháp duy tâm sở hiện, nên nói mọi ngôn ngữ trị thế, hay tạo dựng nghề nghiệp đều hợp với chánh pháp. Biết rõ ngoài tâm không có pháp, nên pháp pháp đều là chân. Kẻ mê vì

đảm chấp nên không thấy lẽ vi huyền. Người ngộ tự tâm thì thấy pháp muôn pháp đều vi diệu. Tâm và pháp cùng đồng vi diệu, mà chỉ có chư thánh hiền mới nhận biết."

Nhờ đức độ và tài hùng biện mà Ngài giải quyết êm xuôi sự kiện này. Song, ba năm sau triều đình lại đem việc này ra để bắt tội, bỏ tù và lưu đầy Ngài. Song, nguyên nhân chính là sự tranh giành quyền thế trong triều nội.

Năm đó, Ngài viết luận về sự ảnh hưởng của Lão Trang.

Năm Ngài bốn mươi sáu tuổi, Lý thái hậu tạo tượng Phật Tỳ Lô Giá Na bằng gỗ hương trầm. Năm đó, chánh điện chùa được hoàn tất. Mùa Thu, đệ tử Ngài là Hoàng Tử Quang ngồi Thiền mà thị tịch.

Năm 1592, vào tháng Bảy, Ngài lên Bắc Kinh thăm Thiền Sư Đạt Quán (pháp hiệu là Từ Bá, sanh tại Tô Châu, tên tục là Trâm. Vóc dáng to lớn. Năm mười sáu tuổi, bỏ nhà mang kiếm đi du phương. Tại Tô Châu, vì ngưỡng mộ đức hạnh của một Thiền Sư nên xuống tóc xuất gia. Thiền Sư có bầu nhiệt huyết hy sinh vì Phật pháp, nên đi khắp đó đây để phục hưng tông lâm tự viện. Thiền Sư tu sửa được mười lăm ngôi tông lâm tự viện. Thiền Sư tu theo hệ phái Thiền Lâm Tế. Những tác phẩm chú giải của Thiền Sư được ghi lại trong quyển "Từ Bá Tôn Giả Toàn Tập". Tại ngọn núi Phương Sơn gần kinh đô, vào đời Tấn (590-618), Thiền Sư Tịnh Uyển sợ nạn thiên tai gió lửa, không còn Phật pháp, nên khắc Đại Tạng Kinh vào thạch đá và để trong hang động. Tháp viện đó đã được bán cho chư tăng và nay được Thiền Sư Đạt Quán chuộc lại).

Khi thấy Ngài đến, Thiền Sư Đạt Quán rất vui mừng vì luôn nhớ đến và muốn Ngài viết lại di tích lịch sử đó. Vì thế, Ngài cùng đi với Thiền Sư Đạt Quán qua ngọn núi khắc Đại Tạng kinh. Nơi đó, Ngài viết sự ký 'Tháp Viện của Thiền Sư Tịnh Uyển' và 'Trùng Tạng Xá Lợi'. Ngài cũng viết theo thứ tự để sau này, trở về chùa Hải Ấn, viết lại hoàn hảo hơn. Tại vườn Tây Giao ở kinh thành, Ngài cùng với Thiền Sư Đạt Quán ngồi Thiền đối mặt nhau cả hơn bốn mươi ngày. Đây là cơ duyên hy hữu nhất trong đời của Ngài. Cả hai ngài đồng phát nguyện đến Tào Khê chấn hưng lại Thiền tông và tu chỉnh quyển 'Truyền Đăng Lục'. Bất hạnh thay! Vì thế sự biến chuyển, nên ước vọng của hai ngài không thể thực hiện được.

Đương thời, Ngài không còn ẩn cư, mà thường qua lại vùng Sơn Đông và Bắc Kinh. Trong vòng năm năm, Ngài lui tới kinh thành thường xuyên, nên danh tiếng ngày một vang xa. Việc Lý thái hậu tích trữ tiền của để giúp Ngài trùng tu lại chùa Báo Ân, trong kinh thành ai ai cũng đều biết đến.

* Lời bàn của Phước Chung *:

Ở vùng Phương Sơn có một núi đá, mà trong đó có trụ Đại Tạng kinh được khắc bằng đá. Vào đời Tấn, Thiền Sư Tịnh Uyển khắc Đại Tạng Kinh lên đá và tàng trữ trong thạch thất. Liên tục trong vài đời, càng có nhiều bộ kinh được khắc trên đá. Sau khi Thiền Sư Đạt Quán trông nom thạch thất tàng chứa Đại Tạng Kinh, có một vị tăng cũng phát tâm khắc thêm kinh lên đá tại đó.

Tôi nghe thị giả của ngài Hám Sơn thuật lại như sau:

Năm Vạn Lịch thứ hai mươi (1592-93), sau khi gặp nhau Ngài cùng Thiền Sư Đạt Quán ngồi Thiền đối mặt nhau, bất động không ngủ nghỉ cả bốn mươi ngày liền. Khi dự định viết quyển "Phật Tổ Tâm Đẳng" cho đời Minh, hai ngài định đặt thời gian để du hành đến chùa Nam Hoa tại Tào Khê, nơi thờ nhục thân của Lục Tổ Huệ Năng, hầu mong khai thông mạch pháp."

Năm Ngài bốn mươi tám tuổi, nạn đói kém xảy ra tại Sơn Đông, người chết đầy đường. Tất cả thức ăn, lương thực của chùa chiền đều được phân phát hết cho dân nghèo đói khát, nhưng vẫn không đủ. Ngài chèo thuyền đến Liêu Đông mua vài trăm tạ gạo để cứu đói. Nhờ thế dân chúng trong bốn xã chung quanh núi không có ai bị chết đói. Tích tụ thiện nghiệp tức có báo ứng. Sau này bị đại nạn mà Ngài không chết.

Năm 1594, vào tháng ba quan phủ tỉnh Sơn Đông, Trịnh Côn Nhai, đến núi tham vấn Phật pháp. Ngài thuyết lời phương tiện cho ông ta hiểu Phật pháp. Vào dịp lễ Đông Chí, Ngài vào kinh đô chúc mừng Lý thái hậu. Do thỉnh cầu, Ngài lưu lại chùa Từ Thọ tại kinh đô để giảng về giới luật. Được biết Lý thái hậu đã dành dụm đủ số tiền để sửa sang chùa Báo Ân, Ngài xin bà bắt đầu công việc trùng tu chùa. Đương thời, Nhật Bản xâm lược Triều Tiên, mà Triều Tiên được nước Tàu bảo hộ. Lây lý do đó, hoàng đế đột nhiên trưng dụng tiền tích trữ của Lý thái hậu vào quốc khố để dùng vào việc hưng binh sang Triều Tiên. Vì đây là việc quốc sự, nên Ngài không thể bàn tính gì được. Việc thương nghị trùng tu chùa bị đình hoãn.

Công sức vận động sửa chữa chùa chiền bị thất bại.

* Lời chú giải của Phước Chung *:

Nhân ngày lễ đông chí, Ngài đến Bắc Kinh chúc mừng Lý thái hậu. Sự thỉnh cầu thuyết giới của Lý thái hậu cho Ngài dịp may để khởi đầu sự liên hệ với chùa Từ Thọ (đã được xây vào niên hiệu Vạn Lịch năm thứ bảy). Đối với việc trùng tu chùa Báo Ân, Lý thái hậu đã dành dụm gần đủ số tiền để thực hiện dự án. Tuy nhiên, đến giờ phút chót lại bị đình hoãn. Như thế là cuộc hành trình về hướng Bắc với mục đích trùng hưng chùa Từ Ân của Ngài bị thất bại. Trong quyển "Tự Thuật Tiểu Sử", Ngài kể rõ rằng nếu không vì mục đích trùng tu lại chùa Báo Ân, Ngài sẽ không đến kinh đô để chúc mừng Lý thái hậu. Nếu Ngài không đến thăm viếng Bắc Kinh trong ba năm liền thì chắc Ngài sẽ không bị dính líu vào những chuyện rắc rối xảy ra sau này. (còn tiếp)

CUỘC ĐỜI CỦA H.T

TUYÊN HÓA

Tiếp theo kỳ trước

Phần II: Tỳ Duyên Tại Hương Cảng 35. Tham thiền trong Động Quán Âm.

Cuối năm 1949 nhân vì Thiệu Quan giải phóng, không trở về Vân Môn được, nên Ngài đi xe lửa từ Quảng Châu tới Hương Cảng. Tới Hương Cảng được một thời gian, Ngài đi thẳng qua Thái Lan tham gia phái Tăng-già và quán sát công cuộc truyền bá Phật pháp ở phương Nam, đồng thời tham cứu học hỏi những điểm khác biệt giữa Nam, Bắc Tông. Ngài tạm trú tại chùa Long Liên khoảng hơn bốn tháng rồi trở về Hương Cảng. Trên thân vẫn với bộ y phục cũ mềm, lại không có một đồng trong túi. Ít lâu sau Ngài gặp một nam cư sĩ, người này biết có một cái động ở núi Phù Dung, Toàn Loan phía Bắc Hương Cảng thích hợp cho Ngài tu hành, nên mời Ngài về động an tu. Hang động là một cái lỗ nhỏ tối tăm nằm ngay mặt tiền của triền núi. Khi vào động phải cúi mình sát xuống, phía trong có một phiến đá lớn bằng phẳng là nơi Ngài dùng để ngồi thiền.

Ngoài ra, trong động tuyệt nhiên không có giường, bàn ghế hay dụng cụ nấu ăn.

Có lần Ngài đã ngồi thiền theo thể kiết già khoảng một trăm giờ; đến lúc muốn đứng dậy, thì hai chân của Ngài không thể động dậy được. Có lẽ vì trong động quá âm thấp nhưng Ngài không vì đó mà lo sợ, Ngài liều bỏ thân mạng, coi thường sống chết và tiếp tục ngồi trở lại thể kiết già, tham thiền suốt ngày đêm thêm hai tuần lễ nữa. Sau đó khi xả thiền, thì hai chân của Ngài hoạt động lại như xưa. Kể từ đó, vì phải duy trì thân mạng cho sự tu hành nên vào mỗi buổi sáng Ngài xuống núi đến chùa Đông Phổ Đà gần bên để xin cơm. Ngài dành thời giờ còn lại, bế quan trong động nghiêm trì hành thiền.

Sau đó không lâu, Ngài di chuyển tảng đá lớn bên ngoài chuẩn bị dựng một am tranh ở đó. Có một Sư biết được việc này bèn nói với vị Trụ trì chùa Đông Phổ Đà rằng: Thầy An Từ ý mình có tiền nên muốn cất am trên núi. Ngay hôm sau đó khi Ngài xuống núi để xin thực phẩm thì liền bị từ chối. Từ đó Chùa đã cắt đi phần ăn của Ngài. Ngài chỉ biết lặng thinh và trở lên núi tiếp tục hành thiền thêm hai tuần lễ nữa. Bây giờ Chùa Đông Phổ Đà là nguồn cung cấp thực phẩm duy nhất của Ngài. Ngài cũng chẳng hề than van với ai về điều này.

Trong làng dưới núi Phù Dung có một Ông cư sĩ họ Trần khoảng năm mươi tuổi, dáng người nhỏ bé. Chân ông bị chó cắn đã qua ba tháng nhưng vết thương cứ làm mủ không lành. Nhiều y sĩ và lương y chuyên môn đã cố gắng giúp Ông chữa vết thương nhưng chẳng có hiệu quả gì. Rồi trong một đêm kia ông đã ba lần liên tiếp mơ thấy giống nhau. Ông mơ thấy Ngài đang ngồi thiền trong động và thấy Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát đến bảo rằng: “Ngày mai nếu con mang thức ăn cúng dường pháp sư An Từ đang tu trên núi Phù Dung trong động Quán Âm thì vết thương nơi chân con sẽ được lành.”

Sáng hôm sau, theo lời dạy trong giấc mơ Ông bèn mua hai mươi ký gạo và gom góp được bảy mươi đồng rồi mang lên núi. Vì chân đau nên ông leo núi thật khó khăn. Khi bà đi ngang cửa sau chùa Đông Phổ Đà và bắt đầu đi theo con đường mòn dẫn lên động Quán Âm, thì một vị Sư nhận biết ông là một cư sĩ Hộ pháp đang mang đồ cúng dường lên núi, nên Sư đón tiếp niềm nở. Ông vừa thở hắt hắt vừa hỏi:

- Bạch Thầy, Thầy An Từ có ở đây không ạ?

- Tôi là người quản lý vùng này, bà hãy để những phẩm vật cúng dường lại đây. Tôi sẽ giúp bà phân phối cho các thầy thật chu đáo.

- Thầy trông không giống như vị Sư mà tôi thấy trong mộng. Ngài Hộ pháp Vi Đà Tôn Thiên dạy tôi cúng dường cho Pháp Sư An Từ và tôi chỉ xin cúng cho Sư đó thôi.

Nghe lời này Sư kia nổi giận la:

- Tôi là quản lý ở đây, ai đến đây cúng dường đều phải giao cho tôi hết.

- Nhưng Thầy không phải là vị sư mà tôi thấy trong mơ. Tôi phải cúng cho Sư ấy, không phải cho Thầy.

Hai bên to tiếng qua lại với nhau. Nghe tiếng ồn ào bên ngoài, Ngài liền bước ra khỏi động xem xét.

Vừa chợt thấy Ngài, ông Trần vui mừng thốt lớn:

- A! Đây chính là Thầy An Từ mà tôi thấy trong mơ.

Thấy họ dẫn co không thôi, Ngài hòa hài bảo ông:

- Ông cúng dường cho tôi hay cúng dường cho các thầy khác đều không có gì khác biệt cả. Nếu ông muốn cúng dường cho tôi cũng được, nhưng bây giờ lại có thêm một Pháp sư nữa thì bà nên chia thành hai phần vậy.

Ngài bèn phân gạo và tiền thành hai phần.

Nhờ sự cúng dường này, mà Ngài thoát cơn đói kém và chân của ông Trần cũng được lành. Vì được cảm hóa bởi lòng từ bi của Ngài, từ đó Ông trở nên chăm chỉ học hỏi Phật pháp và rất thích nói Pháp đến nỗi người ta đặt cho ông cái biệt hiệu là “Bổn Địa Pháp Sư” (hay Pháp Sư của vùng).

Vừa lúc đó, có Cư sĩ Trần Thụy Xương thỉnh Ngài ra Hương Cảng lập Đoàn Thông Thiện để giảng Kinh. Cũng nhân vì vị Sư lảng giềng chưa giải tỏa được sự bất bình, Ngài quyết định rời khỏi động Quán Âm.

Một nữ cư sĩ khác tên là Dư Quả Mãn thường hay lui tới động Quán Âm để viếng thăm Ngài. Mỗi lần đến bà đều thỉnh nước suối ở động uống, vì nước này có vị rất ngọt như nước Cam-lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng lần sau cùng khi bà lên núi đánh lễ Ngài, bà đã thất vọng vì Ngài đã đi, và hai con suối dẫn đến hai hồ nước ở hai bên Động Quán Âm cũng từ đó mà khô cạn đi.

36. Đức độ hàng phục tà ma.

Ông Trần Thụy Xương, chủ công ty Đại Xương nổi danh ở Hương Cảng có cô cháu tên Trần Kiến Khai, mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Ông bà Trần nuôi dưỡng thương cô như con ruột. Khi Trần

Kiến Khai đến tuổi lập gia đình, ông bà lo lắng tìm người tương xứng cho cô. Sau cùng họ gả cô cho một gia đình họ Phan ở Cửu Long. Kết hôn chẳng bao lâu cô khóc tang chồng. Do thương tâm thái quá nên tinh thần bấn loạn. Cả ngày cô nói lảm nhảm nhí và có những cử chỉ như điên dại.

Ông bà Trần thấy cháu gái lâm bệnh như vậy, ruột đau như cắt, hoài nghi là do tà ma nhập vào, cho nên đã thỉnh nhiều Thầy đến nhà để tụng kinh, niệm chú cho Cô. Họ hy vọng sẽ đuổi con ma ra khỏi cô cháu, và tiêu trừ oan khiên đời quá khứ, giúp cô chấm dứt tình trạng điên cuồng. Nhưng trải qua năm, sáu ngày vẫn không có kết quả. Trong các Sư đó có một vị sớm đã biết rõ về Ngài nên nói với ông bà Trần nên tìm đến Pháp sư Độ Luân cầu cứu.

Ngày nọ đúng lúc Ngài vừa rời động Quán Âm đến Tánh Viên có việc cần. Ông Trần nghe biết vội đến tìm Ngài.

Ngài nghĩ rằng đối với loài ma này một mình Ngài không đủ năng lực để nhiếp phục nên từ chối. Ông Trần đã không nản chí, kiên quyết khẩn cầu Ngài một lần nữa vì cháu ông mà giải nạn. Thấy ông kiên thành nên Ngài nhận lời đến nhà quán sát bệnh tình cô cháu.

Khác biệt với các Sư đang ở trong phòng khách, y áo chỉnh tề với nhiều ảnh tượng, pháp khí, hương đèn, hoa quả... Ngài đã không chú trọng đến các hình tướng bên ngoài đó. Ngài vẫn mặc chiếc áo rách cổ hữu ngồi lặng yên trên ghế trong phòng bệnh nhân. Ngài không tụng kinh cũng không lớn tiếng trì Chú. Khoảng nửa giờ sau bệnh nhân đứng dậy chạy đến Ngài, quỳ xuống cầu sám hối và xin Ngài tha tội. Ngài liền bảo ma rằng: Người không được nhập vào bất cứ người nào để tác quái nữa nghe chưa? Ma kia chấp nhận và bỏ đi. Từ đó thần trí cô Trần được khôi phục, ngày một mạnh khỏe, dung mạo đoan nghiêm. Ông bà Trần thấy thế mới biết rằng duy chỉ có bậc tu hành chân chánh mới đủ oai đức để hàng phục tà ma. Vì vậy toàn gia đình họ xin Quy y Tam Bảo và tôn Ngài làm Thầy.

37. Đá tuôn nước cam lồ.

Năm 1951 Ngài từ Thái Lan trở về Hương Cảng, và được tín đồ Phật giáo nơi đây rất sùng kính nên thỉnh Ngài đến Đoàn Thông Thiện giảng Kinh Địa Tạng. Ngài đã giảng thuyết suốt hơn bốn mươi ngày. Mỗi ngày đều không dưới một trăm người đến tham dự. Thượng tuần tháng chạp, khi khóa giảng kinh Địa Tạng kết thúc, có nhiều vị cư sĩ

bàn thảo với nhau về việc tìm mua một khoảng đất cứng dường để Ngài cất Tịnh xá.

Chẳng bao lâu họ đã mua được một mảnh đất hoang trên vùng đất cao, thuộc làng Mã Sơn, Tây Loan Hà, Hương Cảng. Tuy vùng đồi núi khá cao đường xá lại quá xa xôi. Nhưng mỗi tấc đất ở Hương Cảng như một tấc vàng, vì vậy việc tìm được mảnh đất này không phải là chuyện dễ. Duy chỉ có một việc không may là trên triền núi này lại không có mạch nước nào, nên việc dùng nước ở đây là cả một vấn đề nan giải.

Dân cư vùng phụ cận phải dùng đường mòn xuống núi, rồi tiếp đi trên đường lộ đến khu phố chợ để lấy nước, nguồn nước này do thành phố Hương Cảng tiếp tế. Lấy nước xong họ phải gánh trở lên núi và phải leo lên cả ba trăm bậc tam cấp mới đến nơi. Nhiều người dùng nước mà chỉ có một nơi cung cấp, nên họ phải sắp thành những hàng rất dài để chờ đến phiên. Thảo nào dân chúng ở đó khi nghe bàn về vấn đề “nước” là họ sợ thất sắc.

Lúc khởi công xây cất Chùa, các vị cư sĩ đã trình lên Ngài vấn đề hiểm nước nhưng Ngài chẳng chút màng lo mà chỉ để tâm vào việc kiến dựng tu viện. Ngài đã không loan tin quảng cáo xin cúng dường, không phan duyên với các cư sĩ giàu có, và cũng không đến từng nhà để quyên góp; vì làm như vậy coi như lợi dụng sự hưng thịnh của dân Hương Cảng là đi ngược lại với những Tông chỉ mà Ngài đã từng dạy cho các đệ tử:

Dù chết vì rét, không phan duyên
Dù chết vì đói, không xin xỏ
Dù chết vì nghèo, không cầu cạnh
Tùy duyên nhưng không đổi lòng
Không đổi lòng nhưng vẫn tùy duyên
Ba tông chỉ ấy, ta phải giữ gìn
Xả thân vì Phật sự
Tạo mạng vì bản sự
Chánh mạng vì Tăng sự
Gặp sự, rõ lý
Rõ lý, hiển sự

Lưu hành mạch phái Tổ sư đã truyền.

Tất cả công trình xây cất đều do lòng tự nguyện phát tâm của tín chúng, chủ yếu là nhờ đạo lực quyết tâm đồng mãnh của Ngài, luôn muốn cho Đạo-tràng này sớm được đơm hoa kết trái. Ngài đã trang trí khung viên Chùa với những cây thông non nho nhỏ, những hàng đu đủ sai trái và những rặng trúc xinh xinh. Một đạo tràng thanh tịnh đã được hoàn thành vào cuối năm 1951, Ngài đặt tên là “Tây Lạc Viên”. Năm sau đó, lễ khánh thành

Chùa Tây Lạc Viên cùng Lễ An vị Tây Phương Tam Thánh đã được tổ chức đúng vào ngày Phật Đản mùng 8 tháng 4.

Sau khi dọn về Chùa mới, Ngài phát giác ra một tảng đá có khe nứt ở phía sau Chùa. Ngài bèn cắm vào đó một nhánh dương rồi cầu nguyện chư Phật, Bồ Tát gia hộ ban cho một mạch nước nơi khe đá này. Thế rồi mỗi ngày ở bên tảng đá bể, Ngài chân thành khẩn thiết trì chú Đại-bi. Chẳng bao lâu mặt đất nơi ấy trở nên ẩm ướt và sau đó một mạch nước từ khe nứt của tảng đá phun ra, nước chảy ra vừa ngọt vừa sạch thành ao nước đầy. Ngài liền nhờ người xây hồ chứa nước ngay nơi đó. Từ đó nạn khan hiếm nước đã được chư Phật, Bồ Tát từ bi giải quyết.

Khi nghe nói ở Chùa có một hồ nước nhiệm màu, mọi người trong vùng thấy đều kinh ngạc. Họ đã không tưởng tượng ra được là làm sao mà nước lại có thể chảy ra từ trong một tảng đá khô cằn tại một hòn núi hoang dã này? Họ vốn không tin Phật pháp, nhưng khi thấy rõ sự việc này, họ mới bắt đầu thâm tín ngôi Tam Bảo.

Vào dịp Lễ Quán Thế Âm thành đạo ngày 19 tháng 6 năm 1959, Ngài tổ chức Pháp hội trong bảy ngày tại chùa Tây Lạc Viên, có đến vài trăm người đến tham gia. Khi ấy trời hè nóng bức, chánh phủ Hương Cảng ra lệnh tiết kiệm việc dùng nước. Mỗi ngày chỉ mở nước công cộng ba giờ nên nhân dân Hương Cảng đều than van khổ. Vậy mà hồ nước tại Chùa Tây Lạc Viên vẫn đầy tràn với mạch nước chảy ra không dứt, đủ sức cung cấp nước cho cả trăm người dùng. Đây là một kỳ tích thật không thể nghĩ bàn. (còn tiếp)

HẠNH PHÚC HAY KHỔ ĐAU?

Người ta vẫn thường hay nói nghèo là khổ, nghèo khổ, chứ ít ai nói giàu khổ cả. Thực ra người nghèo có nỗi khổ của người nghèo, mà người giàu cũng có nỗi khổ của người giàu. Người nghèo vì không chấp nhận cái nghèo, oán ghét cái nghèo, muốn được giàu nên họ khổ. Người giàu sợ bấy nhiêu tài sản chưa đủ làm người khác nể phục, sợ bị phá sản, sợ người khác lợi dụng hay hãm hại mình nên khổ. So ra, cái khổ

của người giàu còn phức tạp và nan giải hơn người nghèo. Phải chi trong xã hội ai cũng như ai, ai cũng sở hữu tài sản như nhau thì chắc chắn ý niệm giàu nghèo sẽ không có. Cho nên, nếu ta thoát ra khỏi ý niệm giàu nghèo, không bị cuốn theo quan niệm của xã hội, ta thấy hưởng thụ vật chất không phải là lý do lớn nhất khiến ta có mặt ở trên đời này thì ta sẽ không bao giờ than khổ.

Cực cũng vậy, người ta vẫn thường gộp chung cực với khổ, cực khổ. Trong khi bản thân của sự cực nhọc chưa chắc đã là khổ. Chỉ vì ta bỏ thêm thái độ của mình vào, ta kháng cự lại nó, ta muốn mình không phải vất vả nhiều nhưng vẫn có đầy đủ mọi thứ như những người khác nên ta khổ. Ta chỉ so sánh, đòi hỏi, chứ không cần tìm hiểu căn nguyên sâu xa tại sao ta lại cơ cực. Ta đã từng chứng kiến có những người chỉ cần người thân của họ qua khỏi cơn bệnh hiểm nghèo, dù người ấy không thể tiếp tục lao động, thì họ vẫn vui lòng đem hết thân mạng của mình ra để bảo bọc. Có những người làm công tác cứu hộ, họ biết lao vào lửa dữ, chui xuống lòng đất hay đi ngang qua làn tên mũi đạn sẽ rất nguy hiểm đến tính mạng, nhưng vì tình thương mà họ không hề xem đó là nỗi khổ. Dù nhiều người cho rằng cái cực tâm trí mới thật là khổ, phải suy tính đủ điều mới gánh vác nỗi công việc; nhưng trong thời buổi kinh tế suy thoái như hiện nay mà còn có công việc để làm, để suy tính thì đã là hạnh phúc lắm rồi.

Và điều mà ta thường than thở với nhau nhiều nhất đó là đau khổ, hề đau là phải khổ, như là một sự thật không thể thay đổi. Ai đó tát vào mặt ta một cái có thể làm ta đau, nhưng nếu ta có lỗi với người ấy và sẵn sàng đón nhận thì cái tát đó sẽ không làm ta khổ. Đàng này bằng một thái độ khinh miệt, họ đã “tặng” cái tát để sỉ nhục ta trước mọi người thì ta khổ thật đấy. Làm ăn bị thất bại, tiền bạc mất trắng, ai mà chẳng đau vì đó là mồ hôi nước mắt mà ta đã chắt chiu dành dụm suốt bao năm trời. Nhưng từ cái đau ấy đến cái khổ vẫn còn một khoảng cách khá xa, nếu ta biết rõ nguyên nhân thất bại và hoàn toàn chấp nhận. Và có lẽ, cái đau thống thiết nhất của nhân sinh chính là sự chia lìa, nên thường được ví như khúc ruột cắt đứt làm đôi, “đoạn trường thương đau”. Nhưng nếu ta ý thức được hợp tan là chuyện nhân duyên, biết đâu đó cũng là cơ hội để hai người nhìn lại mà thay đổi chính mình để tạo ra cái duyên mới trong tương lai tốt đẹp hơn.

Cuộc sống luôn có những điều hợp với ý ta nhưng

lại trái với sở thích người khác, hoặc thỏa mãn nhu cầu người khác nhưng lại ngược với lòng ta. Ngay cả chính bản thân ta cũng có lúc “sáng nắng chiều mưa” mà ta còn không hiểu nổi. Có những cái trước kia ta ghét cay ghét đắng nhưng bây giờ lại thích. Có những thứ trước kia ta hết sức say mê nhưng bây giờ lại chán ngán không muốn nhìn tới. Có những vấn đề trước kia ta vốn xem thường nhưng bây giờ lại cảm thấy rất hệ trọng. Giả sử mọi mong muốn của ta đều thành tựu hết thì thử hỏi ta sẽ trở thành cái gì và cuộc đời này sẽ ra sao? Vậy mà ta cứ cố gắng đòi hỏi cho bằng được mà ít khi nào chịu suy xét căn kẽ những mong muốn của mình có thật sự hợp lý không, tức là nó có cần thiết và phù hợp với khả năng của ta hay hoàn cảnh hiện tại của ta không, và nó có ảnh hưởng hay liên quan đến người khác không. Vì vậy hầu hết những nỗi khổ mà ta thường kêu ca, thật ra, chỉ vì nó bất như ý với ta mà thôi. Rõ ràng cái khổ của ta không hẳn là cái khổ của kẻ khác. Cho nên thay vì than van “khổ quá” thì ta hãy nên nói “nó không như ý tôi” mới đúng. Cách gọi này sẽ đánh động vào ý thức để giúp ta nhìn lại thói quen phản ứng của mình thay vì rượt đuổi theo đối tượng khác. Từ đó ta sẽ hiểu quan niệm “đời là bể khổ” chỉ là do cách nghĩ, hay chỉ là định kiến.

Khổ đau màu nhiệm

Ta đừng bao giờ quên rằng ta không phải là một cá thể tồn tại biệt lập, mà ta phải luôn chịu sự tương tác của bao nguồn lực chung quanh, từ bạn bè, gia đình đến xã hội và cả thế giới bao la nữa. Dù ta có tài năng đến đâu, dù ta có chuẩn bị kỹ lưỡng đến mức nào, thì những điều bất như ý vẫn cứ xảy ra theo lẽ tự nhiên của nó. Hễ có thành thì phải có bại, có hợp thì phải có tan. Tại sao ta chỉ muốn thành và hợp, còn bại và tan để cho ai? Lúc may mắn sao ta không tự hỏi xem mình có thật xứng đáng với thành quả này và có nên đón nhận nó hay không, mà khi gặp xui rủi thì ta lại khóc than âm ỉ, đòi hỏi công bằng. Ta đã hưởng quá nhiều tặng phẩm của vũ trụ rồi thì lâu lâu bị vũ trụ lấy lại chia cho kẻ khác, thiết tưởng đó cũng là lẽ đương nhiên chứ đâu có gì là thua thiệt.

Đối với những mất mát quá lớn tất nhiên ta phải cần có thời gian mới chấp nhận và cân bằng được. Nhưng có những điều quá đổi bình thường, nếu không nói là tầm thường, mà ta cũng than khổ thì đó là lỗi của ta. Trời mưa cũng khổ, kẹt xe cũng khổ, bị lỗi hẹn cũng khổ, thức ăn không vừa miệng cũng khổ, chiều cao không như ý cũng khổ, mau già cũng khổ, không ai hỏi thăm cũng khổ,

được nhiều người thương cũng khổ... Tất cả chỉ do lòng tham của ta quá lớn mà nội lực của ta lại quá yếu kém nên nó đã chìm ta xuống khổ đau đó thôi. Ta đừng đổ thừa hoàn cảnh. Không ai có thể làm cho ta khổ được nếu ta có một hiểu biết đúng đắn và một khả năng chấp nhận đủ lớn. Để có khả năng chấp nhận rộng lớn đó ta cần phải biết “thu gọn” những mong cầu không cần thiết của mình. Ngay cả với những điều chính đáng, nếu không có nó mà ta vẫn sống vững vàng và hạnh phúc được thì ta cũng nên cố gắng khước từ để tâm ta bớt lệ thuộc vào hoàn cảnh, để khi hoàn cảnh biến động thì ta vẫn bất động.

Ngoài ra ta cũng nên luyện tập cho mình cách đối mặt với khó khăn, hoặc tự tạo cho mình một cách nghĩ, một cách sống đừng quá cầu mong sự an toàn, để sức chịu đựng trong ta mau chóng lớn mạnh. Một đứa trẻ lớn lên trong môi trường bảo bọc quá đầy đủ, muốn gì được nấy, nên khi bước vào đời không có chút vốn liếng kinh nghiệm nào để chống chọi với những khó khăn, nghịch cảnh, chỉ cần một tác động nhỏ xíu như bị chê bai là nó đã chao đảo và muốn bỏ cuộc ngay. Cũng như những loại cây mọc trên đất tơi xốp trông xanh tươi mơn mớn nhưng chỉ cần một cơn gió lớn đi ngang qua đã gãy đổ; còn những loại cây mọc trên đá núi tuy dáng dập khểnh khiu nhưng độ bám rất vững vàng, không gió bão nào xô ngã nổi. Cho nên ta không thể cầu nguyện cho cuộc đời đừng xô đẩy mình vào những hoàn cảnh nghiệt ngã, nhưng ta có thể làm cho mình không bị ngã trước những sóng gió cuộc đời bằng một trái tim vững chãi.

Để có được trái tim vững chãi, ta phải bớt chạy theo những cái mình vốn ưa thích và cố gắng chấp nhận những thứ mình vốn không ưa thích. Thích hay không thích đều là sự thể hiện của cảm xúc phục vụ cái tôi trong nhất thời, chỉ cần điều chỉnh lại nhận thức thì cái cảm xúc ấy sẽ tan rã ngay. Ta đừng vội kêu ca sống mà không hưởng thụ thì sống để làm gì? Có ai cấm ta hưởng thụ đâu. Nhưng cái gì cũng có cái giá của nó cả, ta cứ dung dưỡng cho cái tôi yếu đuối đi rồi đừng hỏi tại sao mình cứ khổ hoài. Lẽ dĩ nhiên, một người đã có trái tim vững chãi thì bao nhiêu danh lợi cũng không là vấn đề, họ có đủ bản lĩnh để vượt lên danh lợi hay sử dụng danh lợi một cách hữu ích cho đời. Song, thực tế số người có ý niệm muốn buông bỏ thói quen hưởng thụ rất hiếm, còn số người làm được lại càng hiếm hơn. Nhất là xã hội ngày nay, người ta dám đạp đổ cả thành trì đạo

đức để tranh giành quyền lợi, bất chấp hậu quả xảy ra cho chính mình, con cháu mình hay người khác. Vì vậy mà con người sống ngày càng khổ hơn. Cũng vì lẽ đó mà khổ đau đã vô tình trở thành bản trường ca bất tận, và không ai mà không một lần hòa giọng ngâm nga nó.

Đúng, khổ đau là một thực tại không ai chối cãi, nhưng tính chất của nó vốn không cố định. Khổ đau không phải là bản chất mặc định của cuộc đời này. Thật ra không có gì là khổ đau cả, chỉ là guồng máy tâm thức trong ta vận hành sai lệch nên nó đã tạo ra những phản ứng chống đối lại những hoàn cảnh mà nó cho là trái nghịch. Rất may guồng máy tâm thức ấy là một hợp thể linh động nên có thể điều chỉnh được. Bắt đầu từ nhận thức đúng đắn trở lại về những gì liên quan đến mình luôn tương quan với vạn vật để nó không tiếp tục tạo ra những phản ứng ích kỷ. Đồng thời, nó cần có một khả năng quan sát và phân tích thật tinh tường về những thói quen mà ta đã tạo dựng trong quá khứ đến nay. Tiến trình tháo gỡ những tâm lý tiêu cực ấy chính là tiến trình vượt thoát khổ đau. Càng bớt tự ái tổn thương là càng bớt khổ đau. Hết nghĩ cho cái tôi là hết khổ đau.

Suy cho cùng, ta cần phải biết ơn khổ đau. Bởi khổ đau vừa giúp ta ý thức được cái gì là hạnh phúc, vừa giúp khả năng chịu đựng trong ta lớn mạnh để ta có thể phát tiết hết bản năng sinh tồn tiềm ẩn của mình, cũng như hoa đào phải nhờ cái rét mùa đông mới tung cánh tỏa ngát hương khi nắng xuân về. Nếu không bị lạc đường ta sẽ khó biết mình sợ hãi, nếu không bị xúc phạm ta sẽ khó biết mình nóng giận, nếu không bị dối gạt ta sẽ khó biết mình dễ tổn thương, nếu không bị bỏ rơi ta sẽ khó biết mình yếu đuối. Thông qua bản năng sinh tồn mà ta thấy rõ từng ngõ ngách sâu kín của phiền não tạo nên khổ đau. Từ đó, ta biết cách điều chỉnh lại tâm thức và nếp sống của mình sao cho hài hòa với vũ trụ, để sự hiểu biết và tình thương trong ta bùng nổ, để ta có thể nắm tay nhau đi giữa thăng trầm của cuộc đời này một cách thông dong tự tại.

Vậy nên, tâm ta như thế nào ta sẽ cảm nhận khổ đau như thế ấy, vì khổ đau vốn từ tâm sinh ra cũng mà từ tâm diệt đi.

Nếu không có khổ đau
Biết đâu là hạnh phúc
Nhờ mộng寐 hôm nào
Ta tìm về tỉnh thức.

Khuyết danh

Tâm lành quả tốt

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Tâm lành quả tốt! Tâm lành quả tốt! Ba đời chư Phật thành tựu đạo quả Vô Thượng, bước đầu cũng chỉ có vậy mà thôi!

Thuở xưa, đã lâu xưa quá rồi, thuở Đức Phật Ca-diếp còn tại thế, ở một thôn làng ven chân núi Tuyết có hai vợ chồng làm nghề kiếm củi độ nhật. Họ nghèo, nghèo lắm. Tuy nghèo nhưng họ vẫn sống đời đức độ hiền lương. Hiếm nổi, đã lớn tuổi mà không con nên hai vợ chồng thường nhìn nhau thở vắn than dài.

Hôm kia đi qua làng một đạo sĩ xin ăn. Do nhân duyên tiền kiếp xa xăm nên hai vợ chồng phát tâm để bát cúng dường.

Vị đạo sĩ sau khi nhận vật thực, nói lời chúc phúc:

- Các người hãy ghi dạ: “Tâm lành, quả tốt”. Hãy làm các việc lành. Hãy tạo các công đức.

Hai vợ chồng thành kính nói:

- Chúng tôi đã lớn tuổi mà chưa con. Xin đạo nhân ban cho lời chỉ dạy.

Vị đạo sĩ nhìn hai vợ chồng một hồi rồi ôm bát, chống gậy bước đi, nói vọng lại:

- Tâm lành, quả tốt. Hãy làm các việc lành. Hãy tạo các công đức.

Từ đó, nhớ lời dạy bảo của vị đạo sĩ, hai vợ chồng người tiêu phu chí thú làm ăn và tích cực giúp đỡ mọi người. Ai bệnh hoạn họ sẵn sóc thuốc men. Ai lỡ đường họ cho ở trọ. Họ nhường cơm sẻ áo cho những kẻ cơ hàn. Họ đùm bọc, an ủi những người cô quả, già nua. Thấy con vật bị thương họ ân cần băng bó, vuốt ve. Họ sưởi ấm cho cả những cánh chim khi đông về giá lạnh.

Không bao lâu sau, mỗi thiện tâm và lòng từ ái của hai người đã lớn rộng bao trùm cả một vùng. Người và vật thầy thầy được tắm mát trong dòng suối từ vô hạn của họ. Suốt mùa xuân, mùa hạ, chim chóc các nơi tìm về đậu đầy cây, đầy nhà với những tiếng hót líu lo, ríu rít tưởng như bất tận. Các lũ nai, khỉ, vượn, thỏ, sóc... con đứng, con ngồi, con nằm, con chuyền nhau chơi trên cành reo vui thoải mái.

Chẳng có nơi nào bình yên, hạnh phúc, an lạc bằng nơi góc rừng bé nhỏ xinh xinh bên chân núi Tuyết của hai vợ chồng tiêu phu nhân đức.

Năm sau, người vợ nghe tin mừng mình đã đậu thai. Người chồng hoan hỷ, sung sướng, lại tích

cực thêm trong các công đức như xây cầu, đắp đường, bố thí... Trong thời gian này thì đời sống họ đã no đủ lắm rồi. Có thể họ không cần làm mà vẫn có ăn nhờ công đức trước đây họ đã ban bố cho mọi người. Biết bao là thứ ngon vật lạ mà kẻ này người kia biểu xén. Biết bao trái cây ngon ngọt bổ dưỡng mà khỉ vượn mang từ rừng sâu về. Chẳng những thế, loại thú rừng hiền lành này lại có thể đỡ đần các công việc chân tay giúp hai vợ chồng nữa.

Đến ngày mãn nguyệt khai hoa, ra đời một lúc ba trẻ khôi ngô tuấn tú, giống nhau như ba giọt nước. Cả ba rõ rờ như châu ngọc, đẹp đẽ như thiên tử nhà trời. Hai vợ chồng làm lễ tạ ơn thần thánh. Nổi mừng biết lấy chi cần?

Năm sau, vừa chẵn thôi nôi, vị đạo sĩ xin ăn năm xưa trở lại. Hai vợ chồng lại hớn hở để bát cúng dường, với khuôn mặt rạng rỡ, trình bày là đã thoả nguyện ước năm xưa.

Quanh nhà, trên cây cối, chim chóc thi nhau hót vang rân; nào thỏ, nào sóc đổ xô chạy lại bên đạo sĩ ve vẩy đuôi mừng rỡ. Ba con vượn lớn trân trọng bồng ba trẻ ra mắt đạo sĩ nghèo nàn.

Vị đạo sĩ gật gật đầu rồi mỉm cười nói:

- Tâm lành quả tốt, đúng vậy không sai! Tâm lành quả tốt, mình đã nhờ nương mà tất cả sinh chúng cũng được nhờ nương.

Hai vợ chồng kính cẩn cúi đầu.

Vị đạo sĩ tiếp:

- Vì nhân duyên hội ngộ năm xưa nên giờ đây bản đạo sẽ đặt tên cho ba trẻ.

Rồi ngài ngừng đầu nhìn trời:

- Bản đạo là một Sa-môn không cửa, không nhà, đang bốn phương lê gót lang thang khổ hạnh để tìm cho ra đạo lớn hầu cứu độ cho muôn loại chúng sanh đang đau khổ. Ba trẻ ra đời trong lúc này đúng là kẻ hữu duyên. Đúng là do nhân duyên sâu dày trong quá khứ. Ô! Bản đạo thấy rõ chúng rồi. Vậy bản đạo đặt tên cho ba trẻ theo thứ tự là: Trí Lợi, Ý Lợi và Tâm Lợi.

Nói xong câu nói hàm nghĩa sâu xa, chăm chú nhìn ba trẻ một hồi rồi đạo sĩ cất chân từ giã...

Quang âm thấm thoát, ngày tháng thoi đưa, ba trẻ giờ đã lớn.

Trí Lợi là anh, bất cứ công việc gì cũng tỏ ra thông minh, khôn ngoan, sáng suốt. Ý Lợi là em kế, là một trẻ đầy ý chí, cương nghị, dũng lược. Cùng với Trí Lợi, Ý Lợi giúp cha mẹ làm tất cả các công việc về rẫy bái, ruộng vườn. Ngoài ra, họ còn vào rừng sâu làm gỗ, tìm trầm. Đối với cả hai,

chỉ có thành công, thanh lợi chứ không có thất bại, thối giảm. Nhờ vậy, chẳng bao lâu, nhà cửa, điền trang đều được mở rộng, một đời sống hạnh phúc ấm no đã đến với gia đình.

Riêng Tâm Lợi thì hiền lành đến nhu nhược. Về “trí”, về “ý”, Tâm Lợi không bằng được hai anh nhưng về “tâm” lại tràn trề lai láng. Chàng thương người, thương vật đến quên ăn bỏ ngủ... Chỉ có thể thôi. Còn các công việc khác thì vụng về, chậm chạp. Hai vợ chồng thường ái ngại nhìn nhau thờ ngẩn, than dài:

- Thương người, thương vật mà đến độ như nó thì vợ chồng mình cũng không bằng được. Nhưng vụng về trong mọi công việc thế kia thì e rằng trong tương lai nó sẽ khổ thôi.

Thời gian sau, người chồng qua đời. Và cũng không lâu, đến phiên người vợ. Trước giờ lâm tử, bà kêu ba con đến mà dạy rằng:

- “Tâm lành quả tốt”. Cha mẹ chỉ nhờ học thuộc bốn chữ đó do lời dạy bảo của một vị đạo sĩ mà thành người, nhà cửa yên ấm và đồng thời sinh hạ được ba con. Mẹ vĩnh biệt các con trong lúc các con chưa nên gia thất, đó là điều hối tiếc nhỏ; nhưng các con đều đã khôn lớn, sống thuận hòa, thương yêu nhau như thế này lại là niềm vui to lớn hơn. Mẹ chẳng còn ao ước gì nữa cả. Gia sản để lại cho các con thì hãy cùng nhau gìn giữ, bảo bọc, chí thú làm ăn. Hãy bố thí, mở rộng lòng từ, thương yêu người và vật.

Câu nói cuối cùng, người mẹ thều thào:

- Hãy chiếu cố đến em!

Sau khi cha mẹ đã mờ yên mã ấm, Trí Lợi bàn với Ý Lợi rằng:

- Em ta vụng về, chậm chạp không biết làm ăn. Nếu toàn bộ gia sản này mà hai ta đồng nhượng lại thì em ta có thể sống trọn đời và làm các công đức. Hai ta đều có “trí” và có “ý” thì hãy chia tay nhau đến những phương trời xa để làm ăn. “Tâm lành quả tốt” thì lo gì chúng ta không nở mặt nở mày trong mai hậu.

Bàn thế xong, Trí Lợi và Ý Lợi mỗi người chỉ mang theo tiền lộ phí, để thư lại cho em, không từ già, bí mật lên đường, hẹn ba năm sau sẽ trở lại quê nhà...

Trên đường lưu lạc tha phương, băng đèo lội suối, khát thì uống nước sông, đói thì ăn trái cây rừng. Hôm kia, Ý Lợi đi đến một thành phố miền biển.

Chàng luôn tâm niệm lời cha mẹ dạy:

- “Tâm lành, quả tốt. Hãy làm các việc thiện, hãy làm các công đức.”

Không biết là bao nhiêu việc lành chàng đã làm được trên đường đi. Đẩy giúp một chiếc xe bò đang ì ạch kéo dốc. Gánh một gánh củi nặng cho một cụ già. Gỡ một con thú bị thợ săn sập bẫy. Băng vết thương cho một chú nai con. Khuôn đá sửa lại một đoạn đường bị nước lũ. Cho vật thực đang ăn đến một kẻ đói. Vớt một ô kiến đang bị trôi trên khe... Ban đầu, làm những công việc này dường như là chàng noi gương cha mẹ. Sau đó, chàng cảm thấy mình tình nguyện làm, làm một cách hoan hỷ, làm một cách tự nhiên. Quả thật chàng đã đạt được lạc thú khi làm các công đức.

Ngày kia, chàng đứng quan sát phu khiêng các bao hàng nặng từ thuyền to xuống. Có một cụ già đi sau cùng, dường như đôi chân đã run run dưới bao hàng quá lớn. Chàng đến vác giúp. Thấy một chị phụ nữ vác người quá mảnh mai, chàng lại đến phụ một vai. Thế là suốt một ngày, chàng đứng đó, hết khiêng cho người này một đoạn lại khiêng giúp cho người khác một đôi. Chàng không tỏ vẻ mệt nhọc, mà khuôn mặt vốn đã đẹp như thiên thần lại càng rạng rỡ hơn lên vì hoan hỷ. Mọi người cảm kích nhìn chàng, chàng gật đầu đáp trả lại bằng một nụ cười hồn nhiên như con trẻ. Người ta bắt đầu bàn tán về anh chàng thanh niên đẹp trai kỳ dị.

Ngày hôm sau, Ý Lợi lại đến chỗ tàu cũ và tiếp nối công việc của mình. Cuối ngày, người ta vây lại, hỏi chàng từ đâu đến và đến đây có việc gì? Chàng thành thật trả lời, sau đó mỉm cười kết luận rằng:

Dầu chưa có công việc gì để tự nuôi sống bản thân, nhưng không phải vì vậy mà không thể giúp được cái gì đó cho mọi người xung quanh. Tâm lành thì quả tốt mà. Mẹ tôi đã từng dạy như vậy.

Chuyện đến tai ông chủ, được kêu đến hỏi và chàng cũng chỉ trả lời được có bấy nhiêu với nụ cười rất dễ mến. Thế là chàng được vào làm việc với cái nhìn thiện cảm của ông chủ và của nhiều người khác. Chỉ mấy tháng sau, sự tài năng, tháo vác, lương thiện và lòng từ tâm, hỷ tâm của chàng làm cho ông chủ yêu thương lạ lùng. Chàng được làm cai coi sóc một trăm phu khiêng ở bến tàu. Thế là chàng cảm thấy trách nhiệm của mình nên đã làm việc một cách hăng say, nhiệt huyết và đầy thiện chí. Chẳng bao lâu, khắp cả bến tàu, không ai là không biết tên chàng, mang ơn chàng và thương yêu chàng. Từ giọng nói, dáng đi, cử chỉ, nụ cười của chàng dường như ban rải cho người ta niềm tin yêu và năng lượng thanh bình, an lạc. Ông chủ “ghiền” chàng. Phu khiêng “mến yêu”

chàng. Trẻ em “mê” chàng. Và con gái thì “tương tư” chàng.

Năm thứ hai, ông chủ gã cho chàng một lúc hai cô tiểu thư yêu quý cùng một chiếc tàu lớn làm của hồi môn. Chàng lại đi buôn muối và trao đổi hàng hoá, vải vóc lẫn những thổ sản đó đây khắp các thành phố miền duyên hải. Người ta lại rủ chàng tìm ngọc trai và buôn bán ngọc trai. Đối với chàng, chưa bao giờ nghe đến hai chữ thất bại nên cuối năm, trong tay chàng đã có đến hàng trăm ngàn đồng tiền vàng.

Ông chủ mắt, chàng được kế thừa một gia sản lớn cùng mấy chục chiếc tàu buôn. Chưa dừng lại ở đó, chàng còn tậu một trăm con lạc đà để chở và vận chuyển hàng hoá giao thương với các nước vùng sa mạc tây bắc...

Thế là Ý Lợi đã trở thành một tay “Phú gia địch quốc” trong chưa đầy ba năm áp dụng bí quyết gia truyền: Tâm lành quả tốt – theo như lời trăng trối của mẹ.

Hôm kia, chàng bồi hồi nhớ lại lời ước hẹn cũ với anh và em, Ý Lợi chuẩn bị một cuộc trùng phùng huynh đệ suốt ba năm xa cách nhớ nhung.

“- Chẳng biết anh và em ta giờ ra sao?”

Trí Lợi lang thang vất vưởng đến một tiểu quốc. Trên đường, chàng cũng tâm tâm niệm niệm lời cha mẹ dạy. Cũng như Ý Lợi, chàng cũng đã làm vô lượng công đức trên đường đi.

Một buổi chiều, chàng lạc vào một kinh thành hoa lệ, phố phường rộn rịp, đèn treo hoa kết như sao sa. Đây một nhóm người đang sơn quét. Kia một nhóm người đang làm đường. Một nhóm khác đang chưng bày bàn trầm hương hoa bái vọng.

“- Đâu cần thì ta có, đâu khó thì ta làm.”

Nghĩ thế, chẳng biết quen hay lạ, chàng hăm hở lao vào giúp mọi người. Việc khó, chàng giúp ý kiến cho trở thành dễ. Việc nặng, chàng giúp ý kiến cho trở thành nhẹ. Chàng hăng hái bắt tay làm với sự thông minh, sáng dạ của mình.

Người ta đưa mắt ngạc nhiên nhìn chàng thanh niên đẹp trai lạ mặt. Chẳng mấy chốc, tiếng đồn lan xa rồi các vị bộ lão đến xin chàng ý kiến về cách thức bài trí phố phường như thế nào để đón tiếp một vị Phật.

- Một vị Phật? Chàng ngạc nhiên hỏi lại.

Một vị trưởng lão cận kề giải thích:

- Phải rồi. Ngài, đầu tiên là một Sa-môn không cửa, không nhà. Sau, Ngài đã giác ngộ chân lý cao cả và huy hoàng của đời sống. Và bây giờ, Ngài đang lê gót khất sĩ khắp vạn nẻo đường để cứu độ

chúng sanh.

Trong tâm Trí Lợi chợt hiện ra hình ảnh của vị Sa-môn năm xưa qua lời thuật lại của cha mẹ chàng. Đúng rồi! Chính là Ngài! Vị đạo sĩ tình nguyện sống đời bần hàn xin ăn đó đây với đại nguyện tìm cho ra phương thuốc cứu độ chúng sanh. Vậy thì phải rồi: Tâm lành quả tốt!

Nghĩ thế xong, chàng nói:

- Đối với một vị Phật, bậc Vô Thượng như vậy thì không có hình thức đón tiếp nào cho xứng đáng được cả. Mọi hình thức đều cần thiết, nhưng cái quan trọng hơn là: Tâm lành quả tốt – tâm dẫn đầu, tâm sinh ra mọi nghi lễ, hình thức. Các vị tiền bối hãy như vậy thọ trì.

Chàng chỉ nói thế, không trả lời thêm, dẫu được hỏi. Vị trưởng lão cố vấn nghi lễ và khánh tiết cũng không hiểu bèn cùng nhau cử người đại diện đi vào nội thành.

Tiểu quốc này là Đạt Xa, Quốc vương tên là Bồ Đức. Dẫu là nước nhỏ nhưng thanh mậu và phú cường do nhờ đức liêm khiết, lòng nhân hậu của đức vua cũng như bá tánh. Hôm kia, đức vua nghe tin tại Hy Mã Lạp Sơn đã xuất hiện một vị Phật, một bậc Toàn Giác, một đấng Siêu Nhân. Ngài đã lần lượt hàng phục chúng ma suốt cả mấy trăm tiểu quốc dọc theo thung lũng sông Hằng. Và, hiện giờ, Ngài và Tăng Chúng trên mười ngàn vị đang du hành qua xứ sở này. Hoan hỷ và kính mộ xiết bao, đức vua cho họp triều thần lại, cử người tức tốc dùng khoái mã đến quỳ phục bên chân Đức Thế Tôn thỉnh mời Ngài và Tăng Chúng bi mẫn quang lâm hoá độ Đạt Xa.

Đức Thế Tôn im lặng nhân lời.

Công chúa nước này tên là Đoan Nghi, tán thán việc làm ấy của cha rồi xin phép được góp phần công đức. Nàng đích thân đứng ra tổ chức buổi lễ long trọng này. Tuy thế, tự trong thâm tâm không ai hiểu được cách thức nghinh tiếp một vị Phật ra sao, nên họ chỉ có việc treo đèn kết hoa, sửa sang lại đường sá cùng bày bàn trầm hương bái vọng.

Mọi việc đang diễn tiến êm thấm, ngờ đâu gặp chàng thanh niên đẹp như thiên thần từ đâu hiện ra, nói những lời hàm súc biết bao ý nghĩa?

Sau khi vị trưởng lão cố vấn nghi lễ và khánh tiết trình bày cốt cách, nghi dung, việc làm, sự thông minh lẫn lời nói của chàng thanh niên, Công chúa Đoan Nghi nghe lòng xúc động mạnh. Một niềm tin tưởng lẫn hỷ lạc đến với nàng.

Công chúa phán truyền:

- Xem chừng thanh niên kia là người hiểu đạo lý

sâu xa. Hãy làm theo tất cả những gì mà y nói.
Vị trưởng lão tìm gặp Trí Lợi, nói lại lời của Công chúa rồi xin ý kiến.

Chàng hỏi:

- Thực hành tất cả những gì mà tiểu bối nói ư?

Vị trưởng lão gật đầu mạnh mẽ:

- Phải rồi! Không sai được!

Trí Lợi cất tiếng đồng dục:

- Để đón tiếp một vị Phật, trước tiên là hãy chuẩn bị cái tâm. Cái tâm tức là cái tâm lòng. Hãy làm cho “chính cái tâm”.

Vị trưởng lão khẽ cau mày:

- Thế nào là “chính cái tâm lòng”?

Trí Lợi nói:

- Chớ giết hại, hận thù. Không được tham lam trộm cướp, tà vạy, bắt chước... mà phải sống giữa mọi người như tình ruột thịt huynh đệ. Điềm thứ nhất đó, hãy thọ trì.

Vị trưởng lão ngẫm nghĩ một hồi:

- Xin cho nghe điều thứ hai?

Trí Lợi nói:

- Cái tâm lòng đã chính rồi thì việc lành sẽ từ cái tâm ấy mà ra. Hãy xuất một trăm ngàn đồng tiền vàng mua vải vóc lương thực chẵn bản cho những kẻ đói rách ở phương đông. Hãy xuất một trăm ngàn đồng tiền vàng mua vải vóc lương thực chẵn bản cho những kẻ đói rách ở phương tây. Cứ như thế... phương nam, phương bắc. Đây là điều thứ hai, hãy như vậy mà thọ trì.

Vị trưởng lão lại gật đầu.

Trí Lợi sang sáng tiếp:

- Còn điều thứ ba, mọi nghi lễ, hình thức thì tùy nghi. Có hình thức nào khả dĩ xứng đáng để cung nghinh một vị Phật được? Hơn nữa, một vị Phật, một vị Toàn Giác, một đấng Toàn Thiện chẳng bao giờ muốn chúng ta xa xỉ về của cải, mà hãy dùng của cải sao cho hợp lẽ đạo thì thôi. Hãy làm với tất cả tâm lòng. Hãy làm với tất cả tâm lòng.

Đến ngày, một vị Sa-môn dung sắc thù thắng, dáng đi trầm tĩnh uy nghi như chúa sư tử lông vàng dẫn đầu hơn mười ngàn Tăng Chúng về đến kinh đô. Đây là Đức Thế Tôn Ca-diếp.

Tin truyền đi rất nhanh. Quốc vương, Hoàng hậu, Công chúa cùng thị nữ hơn ngàn người cả thầy đều đi chân đất từ nội thành bước ra. Các hàng bô lão, quý tộc đã túc trực sẵn, cùng tháp tùng đi cung nghinh Đức Phật và Tăng Chúng.

Trí Lợi trong lúc này đã được Quốc vương và cả triều đình sùng ái giao cho tất cả mọi công việc. Cuộc trai tăng làm phước diễn ra bảy ngày. Đức Thế Tôn Ca-diếp tỏ vẻ tán thán đức vua và triều

thần đã làm đúng Chánh pháp; lại khen ngợi cuộc chẵn bản vĩ đại chưa từng có song song trong cuộc lễ. Đức Thế Tôn biết rõ mọi chuyện, Ngài cho gọi Trí Lợi đến nói rằng:

- Bánh xe Chánh pháp của Như Lai rồi sẽ có một cánh tay công đức của con.

Trí Lợi, sau đó, được Quốc vương chọn làm Phò mã. Và chàng trở thành một cận sự nam, một đại thí chủ trong giáo pháp của Đức Thế Tôn Ca-diếp...

Ý Lợi trở về làm quà cho em với một trăm con lạc đà chất đầy hàng hoá. Nhưng khi đến quê hương thì nương dâu đã biến đổi; nhà cửa ruộng vườn đã qua tay người khác; khắp lối hoang lá rụng toi bời; người em giờ đã bóng chim tăm cá, biết đâu mà tìm?

Chàng gục khóc trên lối vào nhà cũ. Khi tỉnh dậy, chàng thấp thoáng thấy một bóng vàng đứng ở trước mặt và trên trán có một bàn tay ai âm ỉm dịu dàng?

Ý Lợi mê sảng nói:

- Ai đây? Em tôi đâu? Em tôi giờ ở đâu?

Bóng vàng khẽ cất giọng nhỏ nhẹ:

- Ý Lợi thân huynh! Đệ đây! Đệ chính là Tâm Lợi đây!

Câu nói kia có mãnh lực đánh thức Ý Lợi vùng đứng dậy. Chàng đã tỉnh táo hoàn toàn. Đúng là Tâm Lợi, người em út của chàng. Chàng nghẹn ngào nắm tay vị Sa-môn, không cầm được nước mắt.

Khi ấy một chiếc xe tứ mã nạm ngọc dát vàng từ hướng đông chạy đến. Trước sau những kẻ tùy tùng hộ vệ uy nghi nghiêm cẩn. Dân chúng lũ lượt kéo ra xem.

Trí Lợi bước xuống, tất tả chạy đến khu vườn năm xưa gọi lớn:

Ý đệ! Tâm đệ!

Cả ba gặp nhau đứng sững lại. Kẻ này nhìn người kia. Kẻ kia nhìn người nọ. Ngơ ngác. Ngỡ ngàng. Hồi lâu, họ chột ồm chằm lầy nhau khóc lóc, mừng rỡ.

Sau ba năm, ngày hẹn trở về, Ý Lợi đã là nhà tỷ phú, Trí Lợi đã là một kim thân phò mã. Ai cũng thành công cả. Nhưng riêng Tâm Lợi, giờ chỉ là một Sa-môn khát sĩ nghèo nàn.

Cả ba lần lượt kể chuyện mình.

Đến phiên Tâm Lợi chàng lẳng lặng không nói gì, lâu lắm mới khẽ ôn lại chuyện cũ.

Đọc được thư hai anh, Tâm Lợi khóc mùi mẫn.

Khi nước mắt đã vơi, lòng chàng ngổn ngang trăm

môi. Tình thương của hai anh đối với chàng thế là cùng rồi.

Trước đây ý lại vào cha vào mẹ, sau này ý lại vào hai anh, chàng chẳng làm việc gì. Chỉ có chạy nhảy vui đùa với muông cầm điều thú. Nay bỗng dung đã mất cha mẹ, lại mất luôn hai anh, chàng đâm ra lúng túng. Chàng đi tới đi lui nghĩ ngợi lan man.

Buổi sáng chàng cho chim ăn, cho thỏ ăn. Buổi chiều chàng thơ thẩn vườn trên lại thơ thẩn vườn dưới. Đêm nằm ngủ, Tâm Lợi bản thân lo lắng đủ mọi bề. Ôn gẫm lại lời dạy của cha mẹ, của hai anh, chàng lắm bảm:

“- Tâm lành quả tốt. Cha mẹ ta nhờ bốn chữ đó, hai anh ta cũng thực hành theo bốn chữ đó. Vậy thì ta cũng nương tựa nơi bốn chữ đó mà lập thân thôi.”

Sáng ngày, chàng cho treo lên trước cổng một tấm bảng đề câu:

“- Nơi đây làm tất cả các việc lành, các công đức. Ai cần gì cứ hỏi.”

Không mấy chốc, tiếng lành đồn xa, người ta lần lượt tìm đến. Đầu tiên, người ta xin một bữa cơm, một manh vải. Chàng hoan hỷ cho. Những ngày hôm sau, không những xin cơm xin vải mà người ta còn xin thêm tiền bạc. Chàng hoan hỷ cho. Cứ thế, tùy theo nhu cầu của mỗi người, chàng lần lượt bố thí tiền bạc, nhà cửa, điền trang...

Chẳng bao lâu, chàng hoàn toàn khánh kiệt, chỉ còn một manh áo che thân. Thế nhưng lòng hoan hỷ nơi chàng không vì vậy mà thối giảm, chàng tin tưởng mãnh liệt vào bốn chữ “Tâm lành quả tốt”.

Hôm kia, xuất hiện một vị đạo sĩ to lớn, quàng chiếc y sáng rực rỡ như vùng dương, dung sắc trang nghiêm thù thắng; vị đạo sĩ đứng tịch nhiên bất động trước cửa, bình bát trước mặt, nụ cười an nhiên trầm lặng.

- Kính bạch Ngài – Tâm Lợi bước ra cung kính chấp tay thốt. Đệ tử chẳng có gì để bố thí nữa.

Đạo sĩ khẽ nói:

- Chẳng ai là “không còn gì”. Chỉ sợ thí chủ không rộng lượng với kẻ ăn xin này thôi.

Tâm Lợi sững sốt nhìn lại mình thì chợt thấy manh vải cuối cùng; chàng sợ hãi nói:

- Quả thật đệ tử còn một manh áo đang mặc trên thân. Nhưng... như thế thì có bất kính với Ngài chăng?

Vị đạo sĩ cười:

- “Tâm lành quả tốt”. Lòng thí chủ không bất kính thì của bố thí làm sao lại bất kính được?

Câu chuyện của hai người lôi kéo một số đông đến vây kín xung quanh. Khi nghe chuyện đạo sĩ cố ý xin cả manh áo cuối cùng, họ hét lên:

- Đồ bất nhơn. Tu hành mà bất nhơn!

Người lại nói:

- Người ta chỉ còn một cái khố rách mà cũng đến xin. Đồ ác nghiệt!

Người lại than:

- Ôi chao! Vô lễ rồi y sẽ trần truồng sao?

Người ta định đánh đuổi vị đạo sĩ.

Nhưng chuyện lạ xảy ra.

Khi Tâm Lợi thò tay định cởi áo... thì một tấm áo vàng từ đâu giữa hư không rơi xuống quàng vào người chàng. Râu tóc chàng lại tự động rơi rụng nhẵn nhụi. Tâm Lợi đã biến thành một Sa-môn khát sĩ, y bát đạo mạo trang nghiêm thoát tục.

Vị đạo sĩ tự nãy giờ vẫn an nhiên tự tại đứng bên, bây giờ chợt cao lên mười trượng. Người khề nắm tay Tâm Lợi rồi bay lên giữa hư không, theo đường kinh hành bằng ngọc xanh đi về phía chân trời mất hút...

Tâm Lợi vừa kể xong thì Trí Lợi chợt quì xuống, khẽ nói:

Chính Ngài đây! Vị đạo sĩ nghèo nàn năm xưa đã tế độ cho cha mẹ ta. Ngài giờ là Đức Thế Tôn Ca-diếp.

Ý Lợi khuôn mặt chợt sáng lên một cách kỳ dị, chấp tay giữa hư không:

- “Con xin hết lòng thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy!” Con xin nguyện được là một cận sự nam, sẽ bỏ cả gia tài tỳ phú này để hộ trì cho Đức Thế Tôn cùng thập phương Tăng Chúng cao cả.

Ngay khi ấy, từ bầu trời phương tây, một Sa-môn hùng vĩ như chúa sư tử lông vàng, hiện ra; tiếng nói như Phạm âm vọng lại:

- Tâm lành quả tốt! Tâm lành quả tốt! Ba đời chư Phật thành tựu đạo quả Vô Thượng, bước đầu cũng chỉ có vậy mà thôi!

Nguồn gốc mê tín

Mê tín là cái bệnh những nhà trí thức đều chê trách, chánh quyền cũng chủ trương dẹp trừ mê tín. Thế mà bệnh mê tín mỗi ngày một tăng, càng lúc càng lan rộng. Thậm chí có những nước tự cho mình là văn minh nhất thế giới, mà dân chúng trong nước ấy vẫn còn mê tín. Đó là tại sao?

Trước tiên chúng ta phải biết mê tín là thế nào? Mê tín là lòng tin mù quáng không thấy lẽ tất, không đúng chân lý. Đơn cử một số thí dụ để chúng ta biết rõ. Như tin ông đồng bà cốt, tin xin xăm bói quẻ, tin ngày lành tháng dữ, tin số mạng sang hèn, tin coi tay xem tướng, tin cúng sao cúng hạn, tin thầy bùa thầy chú, tin cầu cúng tai qua nạn khỏi v.v... Những lối tin này không có lý luận, không đủ bằng chứng, không có lợi ích, nên gọi là mê tín.

Mê tín không phải là sự ngẫu nhiên phát sinh mà có nguồn gốc phát xuất cụ thể. Có hai thứ nguồn gốc mê tín:

Mê tín do tâm mong cầu - Con người khi mong cầu một điều gì mà quá khả năng mình thì dễ sinh mê tín. Ví như có một người muốn vay một số vốn lớn làm ăn, không biết việc làm ăn này sẽ kết quả tốt hay xấu. Tự nhiên lòng họ thấy băn khoăn lo lắng không biết hỏi ai, tin ai. Nghe nói có ông đồng bà cốt nào đó linh ứng, nói quá khứ vị lai rất trúng, họ liền muốn tìm tới hỏi han. Chỉ tốn tiền quẻ có năm bảy trăm, mà biết việc làm của mình thành công hay thất bại thì an ổn biết mấy. Hoặc trên đường công danh có những học sinh, sinh viên đến kỳ thi cử, lo âu thân phận mình không biết thi đậu hay rớt. Nghe đồn Lăng này, Miếu kia linh hiển xin xăm bói quẻ sẽ báo đúng những điều sắp đến, các cô, các cậu không tin vào khả năng học hành của mình, nhất định đi đến xin xăm để hỏi thăm thần thánh xem thế nào.

Mê tín do tâm sợ hãi - Sợ hãi là gốc sinh ra mọi mê tín. Một gia đình nọ tiếp tục xảy ra đôi ba người chết "bất đắc kỳ tử", những người còn lại đâm ra hoảng hốt, nghe đâu có thầy bùa thầy chú giỏi liền đi rước về êm đôi để mình khỏi bị chết trùng. Chính vì sợ hãi mà những người này sanh mê tín. Có những người bị tai nạn dôn dập, vừa té xe bị thương lại bị người giựt nợ, con trai thi rớt, con gái bị bệnh.. mắt bình tĩnh, nghe đồn ông đồng này hay bà cốt kia giỏi, họ liền tìm đến để cầu cứu hộ, xin phép lạ về để trừ tai ách. Lại có người sắp làm điều mạo hiểm, lo sợ không biết vượt qua mọi hiểm nguy được chăng, họ vào am vào miếu để thưa hỏi thần linh bằng cách rút xăm bói quẻ.

Nếu được xăm tốt quẻ lành thì họ mới mạnh dạn xông pha. Có những người mắc bệnh nan y, họ buồn khổ sợ chết. Nghe bất cứ nơi đâu có sự linh thiêng màu nhiệm, họ đều đi đến để xin thuốc cầu bùa. Dù phải làm những điều quái dị, họ thấy đều

chấp nhận, miễn sao lành bệnh là vui. Hoặc có người sợ vận sui hạn xấu, nên đầu năm đến chùa cúng sao cúng hạn, cầu cho tròn năm cuộc sống được hanh thông, gia đình được an vui may mắn. Hoặc có người vì thương cha mẹ đã quá cố, sợ cha mẹ chết rơi vào địa ngục chịu đói khổ nhọc nhằn, họ bèn nhờ thầy cúng dán lầu kho, xe cộ, giấy tiền giấy bạc, lễ cúng đốt xuống cho cha mẹ được an hưởng nơi âm ty... Mọi sợ hãi đều là cội nguồn của mê tín.

Là con người có ai không mong cầu, không sợ hãi, đã có hai thứ này thì nhất định sẽ rơi vào mê tín dị đoan. Khi chưa gặp việc thì chúng ta chống đối mê tín, nhưng gặp lúc có việc khắc khoải mong cầu, kinh hoàng sợ hãi, chúng ta cũng trở thành mê tín như ai. Dù là người có bằng cấp cao, có kiến thức rộng, nếu trong tâm có mong cầu sợ hãi, họ cũng sẽ rơi vào hố mê tín. Có những người đứng trước quần chúng thì miệt thị chê bai kẻ mê tín, song về nhà gặp lúc gia cảnh rối rùi bà xã vẫn đi bói quẻ xin xăm, hỏi quá khứ vị lai nơi ông đồng bà cốt. Bởi con người mang sẵn tính tham lam, thói hèn nhát, nên khi muốn thỏa mãn sự mong cầu, muốn được bình an khi nguy hiểm, đều nảy sinh mê tín dị đoan. Thế nên bệnh mê tín dị đoan là bệnh bẩm sinh có sẵn nơi mọi con người. Muốn chữa lành bệnh này phải là bậc Thánh y và thần dược mới mong điều trị được.

Pháp Phật dạy trị bệnh mê tín

Phật là bậc Thánh y, pháp của Phật dạy là thần dược, nếu ai tin nơi Phật, dùng thuốc Phật dạy trị mê tín chắc chắn sẽ được lành. Pháp Phật dạy trị bệnh mê tín có hai thứ:

Nhân quả - Nhân quả là sự thật, là lý đương nhiên mà người đời ít ai nghĩ đến. Bởi con người cố mong cầu cái quả mà không cân xứng cái nhân. Hoặc họ ước mơ nhận được những cái quả ngoài tầm tay của họ. Hoặc họ không có tâm tự tin nên làm việc gì cũng ngờ vực lo âu. Đó là những lý do khiến họ đâm ra mê tín. Nếu mọi người tự biết rõ rằng mọi hậu quả nên hư tốt xấu, thành công thất bại đều do nguyên nhân hay dở đủ thiếu của con người tạo nên. Không có cái quả nào tự trên trời rơi xuống, hoặc dưới đất bỗng dung hiện lên, mà đều do trí sáng suốt và sức lao động cần cù của con người tạo ra.

Chúng ta cứ tạo nhân tốt thật đầy đủ thì quả tốt nhất định đến. Ví như chúng ta muốn có quả một cây cam mật, trước chúng ta phải chọn giống từ cam

mật, hoặc chiết cành từ cây cam mật. Kế đó, chúng ta phải lựa chỗ đất màu mỡ ương giống xuống tời tưới nước bón phân đúng thời đúng lúc, chăm sóc sâu bọ đừng cho phá hại. Sau này chúng ta sẽ thu hoạch được quả cam mật không sai. Chúng ta khỏi phải mong cầu, khỏi phải trông đợi mà quả sẽ thành tựu viên mãn theo sở nguyện của mình. Cũng thế, mọi sự nên hư thành bại trong đời mình không phải ngẫu nhiên mà đến, không phải từ ai ban cho, mà do những cái nhân chúng ta tạo nên từ trước, khi nhân duyên đầy đủ thì quả thành.

Không phải chúng ta cầu xin mà nó đến, không phải chúng ta xua đuổi mà nó đi, một khi nhân đã thành thì quả phải chịu. Chúng ta cứ sợ tai ương đổ lên đầu chúng ta, mà lại không sợ những nhân xấu do mình đã gieo từ trước. Chúng ta cầu thần khẩn Phật ban bố phúc lành cho chúng ta, mà chúng ta không chịu ban ơn bố đức cho những người chung mình. Những nhân xấu kết hợp thành quả xấu, những nhân tốt tụ hội thành quả tốt. Cầu mong quả tốt mà không chịu gieo nhân tốt, sợ hãi quả xấu mà không dùng tay tạo nhân xấu, sự cầu mong sợ hãi ấy chỉ là việc không đâu. Chỉ bằng chúng ta ngày cứ tạo nhân lành, tránh nhân dữ, chớ cầu mong sợ hãi chi hết.

Song nhân quả không phải đơn thuần mà đa dạng, chẳng phải chỉ do trực tiếp ở đời hiện tại mà lại gián tiếp của nhiều đời. Biết rõ nhân quả tự mình gây tạo, chúng ta can đảm nhận những quả khổ mà không chút sợ hãi buồn phiền. Mình làm chủ tạo nhân, chính mình làm chủ thọ quả, còn cầu xin cái gì, cần hỏi han ai nữa. Chỉ mình sáng suốt khi tạo nhân, cần cù nuôi dưỡng bảo vệ cho nhân tăng trưởng, thì quả chín mọng sẽ đến tay mình một cách dễ dàng. Chúng ta tin chắc lý nhân quả như thế, mọi mê tín sẽ tan theo mây khói. Đây là quyền con người sẽ nằm trọn trong bàn tay của chúng ta.

Ba cửa giải thoát (Tam giải thoát môn) - ba cửa này là Không, Vô Tướng, Vô nguyện (vô tác). Đây là người tu được trí tuệ thâm hậu thấy suốt con người và ngoại cảnh đúng như thật. Không là từ con người cho đến muôn vật đều do nhân duyên kết hợp thành không có chủ thể nhất định. Bởi căn cứ trên lý nhân duyên, thấy vạn vật không có chủ thể nên nói là "Không". Từ một cái nhà cho đến cái bàn, cái ghế, cây bút chì ... tìm thử cái gì là chủ thể của nó. Nếu có chủ thể thì không đợi duyên hợp, đợi duyên hợp mới có thì nhất định không có chủ thể. Đến con người chúng ta thử tìm xem cái gì là

chủ thể của thân này? Như Phật dạy thân này do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) hợp thành, thiếu một trong bốn thứ thì thân phải hoại. Đã là bốn thứ thì thứ nào là chủ? Có một thứ làm chủ thì thiếu một thứ khác tại sao nó không còn? Bốn thứ này lại thù địch chống đối nhau, đem bốn đũa thù nhốt chung một chỗ thì có an ổn không? Chúng ta có bốn phận phải nuôi dưỡng điều hòa bốn kẻ thù này bằng cách chọn những thức ăn uống nào để quân bình chúng. Về tinh thần cũng thế, nội tâm chúng ta có mặt tốt xấu thiện ác đủ thứ, thử hỏi cái nào là chủ.

Cho nên nói là đời sống của ta, mà thực sự cái gì là ta? Cái ta chỉ là tướng tượng chớ không có thực thể. Từ lãnh vực không có thực thể nhìn sang lãnh vực "vô tướng" thực hợp lý vô cùng. Bởi vì vạn vật không có thực thể nên không có tướng thật (vô tướng) của nó. Cái mà chúng ta trông thấy, sờ mó được chỉ là giả tướng của duyên hợp mà thôi. Người, vật chỉ là tướng hư giả. Đã là hư giả chúng ta có mong cầu để được, sợ hãi khi mất hay không? Thế là tiến đến "vô nguyện". Bởi thấy thân hư dối, mọi vật hư dối, chúng ta không còn tham sống sợ chết, không còn ham mê vàng ngọc. Đã thấy trên thế gian này không có cái gì đáng mong cầu, đáng sợ hãi, thì còn gì phải khẩn nguyện, phải van xin, phải thưa hỏi các vị thánh thần. Dùng trí tuệ này dẹp tan mê tín, như chế nước sôi trên băng. Ba cửa giải thoát này là đỉnh cao trí tuệ, thấy tận cùng bản chất con người (ngã) và vạn vật (pháp). Chính do thấy rõ bản chất hư dối của chúng, nên gỡ bỏ mọi mê lầm cố chấp, mọi tham lam trói buộc, được tự tại an vui, gọi là giải thoát.

Tóm lại, mê tín là một tệ nạn của xã hội, nó tạo dựng những con người yếu hèn, mất tự tin, không sáng suốt. Muốn có một xã hội văn minh lành mạnh chúng ta không thể nào chấp nhận nạn mê tín hoành hành. Huống nữa trong giới Phật Giáo chúng ta đang kế thừa chánh pháp giác ngộ giải thoát của đấng Thế Tôn mà nuôi dưỡng chấp nhận mê tín được sao? Thế mà có nhiều Tăng sĩ trụ trì, khi nghe Phật tử than làm ăn sa sút, liền bảo đến chùa thầy cầu nguyện cho; nghe con cháu Phật tử sắp thi cử, bảo ghi tên để thầy cầu nguyện cho; nghe Phật tử than gia đình xảy ra tai nạn, bảo đến chùa thầy cúng sao cúng hạn cho ... Ôi thôi vô số chuyện, cái gì thầy cũng lãnh hết, lo hết và bao thầu hết. Đó là chúng ta đang truyền đăng tục diêm hay chúng ta dụi tắt ngọn đuốc chánh pháp của đức Như Lai?

Khuyết danh

TÔI LÀ PHẬT TỬ

Bạn bè cứ xâm xì về tôi rằng bố là một Phật tử, tôi nào bố cũng đi chùa kinh kệ mà tôi thì cứ bạn bè đàn đúm không tư tưởng chi đến chùa chiền. Đúng như vậy đó bạn ạ! Gia đình tôi có truyền thống đạo Phật từ thời ông bà, trải qua chiến tranh loạn lạc sơ tán, thay đổi chỗ ở nhiều lần từ tỉnh này sang tỉnh nọ, nhưng đến khi hòa bình lập lại, hồi hương về quê cũ, có nơi ăn chốn ở ổn định thì bố mẹ tôi lại bố trí một phòng thờ Phật và tổ tiên ông bà thật là trang nghiêm và tôn kính.

Đêm nào không đi lễ chùa thì trên căn gác lại nghe tiếng chuông mõ và tiếng cầu kinh của bố lúc trầm lúc bổng, khi nhỏ khi to. Người ta thì ngợi khen bố tụng kinh hay còn tôi nghe bố tụng kinh thì chán lăm, rất buồn ngủ và sợ ma vì phòng ngủ của tôi có cửa sổ nhìn ra một tiệm bán quan tài, khi nhìn những cỗ áo quan và nghe tiếng kinh thì tôi lại liên tưởng đến một cái đám ma buồn bã. Nhưng riết rồi cũng quen dần theo năm tháng, cái sợ ma cũng biến mất khi tôi khôn lớn vào đại học và ra trường đi làm.

Một hôm tình cờ đọc nhật ký của bố có một đoạn khiến tôi chú ý: "... Đến chùa học Phật làm cho con người ta hiền lành. Biết như vậy, nhưng tôi chưa có cách nào thuyết phục đưa con gái duy nhất của tôi đến chùa. Có lẽ con gái tôi chỉ biết đạo một cách ngây thơ là người ta đến chùa dâng lễ cúng Phật để cầu xin Phật ban cho họ một điều gì đó như con từng nghe lời khẩn của mẹ làm thăm... nào là cầu xin Ngài cho con mua may bán đắt, tiêu trừ bệnh tật, chân cứng đá mềm, bình an vô sự. Lễ vật chỉ có một nải chuối cau, một chùm bông phượng, hai chén nước trong, lễ bạc lòng thành, mà mẹ khoán cho Phật Thánh quá nhiều điều như vậy, liệu ông Phật có đáp ứng nổi không? Không sao, niềm tin của bà mẹ rất lớn. Nhưng còn đưa con gái tội nghiệp bé bỏng của tôi vẫn hoài nghi ông Phật..."

Đạo này, tôi thấy con gái đi làm về hay than thở về áp lực công việc, chứng khó ngủ là biểu hiện của sự căng thẳng, con phải đọc một trang báo mới có thể ngủ được. Nhân cơ hội này, tôi đã lặng lẽ để trên đầu giường con gái một sổ sách Phật học, loại sách mỏng và dễ hiểu của HT.Thích Thanh Từ như cuốn: Bước đầu học Phật, Phật pháp xây dựng thế gian, Cành lá vô ưu và Những cánh hoa đàm. Hy vọng con sẽ đọc..."

Bố tôi đã truyền đạo cho tôi bằng cách đó. Bạn biết không? Tôi đã đọc từng đêm, từng đêm lúc đầu chỉ tò mò khám phá, nhưng tôi thực sự đã thích ông Phật rồi. Tôi chợt nhớ đến câu thơ của ai đó rất hay: "Yêu thương là điều tự nhiên. Không một nhân danh nào bắt tôi thương yêu một người mà tôi không thể". Khi tôi chưa đủ duyên để gần ông Phật (mặc dù ông Phật ở sát phòng tôi) thì bố tôi chưa bao giờ bắt ép con gái phải thích ông Phật. Đó là điều khiến tôi suy nghĩ và kính trọng một người bố Phật tử có trí tuệ và tình thương, vì bố biết chắc sớm muộn gì con gái bố cũng sẽ hiểu ra và cái kho sách Phật học của bố sẽ giúp cho con gái rất nhiều.

Và thiệt đúng như vậy, tôi đã quy y thọ giới chính thức là một người Phật tử, tôi đã hiểu tu hành căn bản của người Phật tử là gì? Kinh Pháp cú, kệ 183:

"Chớ làm các việc ác
Nên làm nhiều điều lành
Giữ tâm ý trong sạch
Là lời chư Phật dạy".

Nền tảng tu theo đạo Phật là chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện. Trên thế gian này có biết bao người làm những điều tàn bạo độc ác đem lại khổ đau cho người khác khiến người có đạo đức lương thiện nhìn thấy mà đau lòng. Cái tàn bạo độc ác xuất phát từ thân miệng ý con người. Vì người đời không biết chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, nên thân mới làm điều ác, miệng mới nói lời ác, ý mới nghĩ việc ác, gây khổ đau cho nhau. Cho nên người có duyên lành tu học Phật đều biết cách chuyển những nghiệp ác thành nghiệp thiện lành. Đó là pháp tu hành căn bản của người học Phật phải biết để thực hiện.

Cái học Phật của tôi quá ít, tôi vẫn tiếp tục học thêm nhiều hơn nữa vì tôi biết chắc chắn rằng học Phật sẽ đem đến lợi lạc cho tôi, và khi đã có cái lợi lạc rồi thì tôi sẽ có cái để mà san sẻ cho mọi người xung quanh. Mẹ may cho tôi chiếc áo dài lam để đi chùa lễ Phật, tôi được quý thầy, quý sư cô, quý đạo hữu gọi tôi bằng hai tiếng Phật tử thân thương.

Đêm nay ba mươi, tôi đi chùa làm lễ Sám hối. Đi xe máy đeo cái túi xách may bằng vải màu nâu, trong đó có cuốn kinh Nhật tụng, chiếc áo tràng lam do sư cô trụ trì may tặng và chiếc điện thoại di động. Đang đi có một cuộc gọi, tôi lấy máy:

- "A Di Đà Phật! Dạ, Phật tử bố đó hả! Phật tử con Diệu Ý xin nghe ạ!..."

Phật tử - Cách gọi nhau rất hay của những người

con Phật.

Xin cảm ơn Phật tử, bố đã giúp cho con gái trở thành người con Phật giống như bố. Đêm nay quỳ dưới chân Đức Phật con sẽ xin sám hối những lỗi lầm của mình đã gây ra từ kiếp này và vô lượng kiếp trước. Bố ạ! Lòng con rất vui và tự hào vì con là Phật tử, là người con của Đức Phật.

Đan Lê

Bữa cơm của thầy Khổng Tử

Một lần Khổng Tử dẫn học trò đi du thuyết từ Lỗ sang Tề. Trong đám học trò đi với Khổng Tử có Nhan Hôi và Tử Lộ là 2 học trò yêu của Khổng Tử.

Trong thời Đông Chu, chiến tranh liên miên, các nước chur hầu loạn lạc, dân chúng phiêu bạt điêu linh, làm than đói khổ. Thầy trò Khổng Tử cũng lâm vào cảnh rau cháo cầm hơi và cũng có nhiều ngày phải nhịn đói, nhịn khát. Tuy vậy, không một ai kêu than, thoái chí; tất cả đều quyết tâm theo thầy đến cùng.

May mắn thay, ngày đầu tiên đến đất Tề, có một nhà hào phú từ lâu đã nghe danh Khổng Tử, nên đem biếu thầy trò một ít gạo. Khổng Tử liền phân công Tử Lộ dẫn các môn sinh vào rừng kiếm rau, còn Nhan Hôi đảm nhận việc thổi cơm.

Tại sao Khổng Tử lại giao cho Nhan Hôi – một đệ tử đạo cao đức trọng mà Khổng Tử đã đặt nhiều kỳ vọng nhất – phần việc nấu cơm? Bởi lẽ, trong hoàn cảnh đói kém, phân công cho Nhan Hôi việc bếp núc là hợp lý nhất.

Sau khi Tử Lộ dẫn các môn sinh vào rừng kiếm rau, Nhan Hôi thổi cơm ở nhà bếp, Khổng Tử nằm đọc sách ở nhà trên, đối diện với nhà bếp, cách một cái sân nhỏ.

Đang đọc sách bỗng nghe một tiếng “cộp” từ nhà bếp vọng lên, Khổng Tử ngừng đọc, liếc mắt nhìn xuống thấy Nhan Hôi từ từ mở vung, lấy đĩa xới cơm cho vào tay và nắm lại từng nắm nhỏ. Xong, Nhan Hôi đập vung lại, liếc mắt nhìn chung quanh rồi từ từ đưa cơm lên miệng.

Hành động của Nhan Hôi không lọt qua đôi mắt của vị thầy tôn kính. Khổng Tử thờ dài... ngửa mặt lên trời mà than rằng: “Chao ôi! Học trò nhất của ta mà lại đi ăn vụng thầy, vụng bạn, đốn mạt như thế này ư? Chao ôi! Bao nhiêu kỳ vọng ta đặt vào nó thế là tan thành mây khói!”

Sau đó, Tử Lộ cùng các môn sinh khác mang rau về. Nhan Hôi lại luộc rau. Khổng Tử vẫn nằm im đầu khỏ.

Một lát sau rau chín. Nhan Hôi và Tử Lộ dọn cơm lên nhà trên: tất cả các môn sinh chấp tay mời Khổng Tử xơi cơm.

Khổng Tử ngồi dậy và nói rằng: Các con ơi! Chúng ta đi từ đất Lỗ sang Tề đường xa vạn dặm, thầy rất mừng vì trong hoàn cảnh loạn lạc, dải nắng dầm mưa, đói khổ như thế này mà các con vẫn giữ được tấm lòng trong sạch, các con vẫn yêu thương đùm bọc nhau, các con vẫn một dạ theo thầy, trải qua bao nhiêu chặng đường đói cơm, khát nước.

Hôm nay, ngày đầu tiên đến đất Tề, may mắn làm sao thầy trò ta lại có được bữa cơm. Bữa cơm đầu tiên trên đất Tề làm thầy chạnh lòng nhớ đến quê hương nước Lỗ. Thầy nhớ đến cha mẹ thầy, cho nên thầy muốn xới một bát cơm để cúng cha mẹ thầy, các con bảo có nên chăng?”

Trừ Nhan Hôi đứng im, còn các môn sinh đều chấp tay thưa: “Dạ thưa thầy, nên ạ!” Khổng Tử lại nói: “Nhưng không biết nồi cơm này có sạch hay không?”

Tất cả học trò không rõ ý Khổng Tử muốn nói gì nên ngơ ngác nhìn nhau. Lúc bấy giờ Nhan Hôi liền chấp tay thưa: Dạ thưa thầy, nồi cơm này không được sạch.”

- Khổng Tử hỏi: “Tại sao?”

- Nhan Hôi thưa: “Khi cơm chín con mở vung ra xem thử cơm đã chín đều chưa, chẳng may một cơn gió tràn vào, bồ hóng và bụi trên nhà rơi xuống làm bẩn cả nồi cơm. Con đã nhanh tay đập vung lại nhưng không kịp. Sau đó con liền xới lớp cơm bẩn ra định vất đi nhưng lại nghĩ: cơm thì ít, anh em lại đông, nếu bỏ lớp cơm bẩn này thì vô hình chung làm mất một phần ăn, anh em hẳn phải ăn ít lại. Vì thế cho nên con đã mạo phép thầy và tất cả anh em, ăn trước phần cơm bẩn ấy, còn phần cơm sạch để dâng thầy và tất cả anh em.

Thưa thầy, như vậy là hôm nay con đã ăn cơm rồi. Bây giờ, con xin phép không ăn cơm nữa, con chỉ ăn phần rau. Và thưa thầy, nồi cơm đã ăn trước thì không nên cúng nữa ạ!”

Nghe Nhan Hôi nói xong. Khổng Tử ngửa mặt lên trời mà than rằng: “Chao ôi! Thế ra trên đời này có những việc chính mắt mình trông thấy rành rành mà vẫn không hiểu được đúng sự thật! Chao ôi! Suýt tí nữa là Khổng Tử này trở thành kẻ hồ đồ!”

Muốn hiểu biết tường tận một vấn đề gì, cần phải là người trong cuộc!

Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

15. Jeuner durant le crachin

Durant la période où IL pratiquait sa piété filiale envers sa mère, et bien déterminé de pratiquer le Bouddhisme, il formulait le vœu de respecter, et d'observer scrupuleusement les Préceptes instaurés par Bouddha, parmi lesquels il existait un qui consistait à ne manger qu'un repas par jour avant midi, car il se disait qu'en ce monde il existait énormément de gens qui avaient faim et il voulait donc leur offrir sa nourriture.

Pour cela, vivant à côté de la tombe de sa mère, IL ne se faisait pas la cuisine, mais, quand on LUI faisait offrande de quelque nourriture, il s'en privait, et préférait jeûner pour en faire don. A l'époque, un vieux Upasaka s'est proposé de LUI apporter tous les jours de la nourriture.

C'était le début de l'été, il pleuvait tous les jours, les routes étaient boueuses, rendant très difficiles ses allées et venues. Pris de pitié pour ce pauvre Upasaka, vieux et faible, IL lui proposait :

« Par ce temps pluvieux, les routes sont impraticables, d'ailleurs, il me reste encore suffisamment de nourritures pour une vingtaine de jours ; donc, inutile de venir tous les jours, vous pourrez rester chez vous jusqu'à ce que cesse la pluie, vous reviendrez alors m'apporter vos offrandes ». En fait, il ne restait plus, pas même un grain de riz dans sa cabane.

Croyant à ces paroles, durant les jours pluvieux, le vieux Upasaka restait chez lui. Au bout d'une vingtaine de jours, la pluie cessait, le beau temps revenait, le vieux recommençait à LUI apporter son déjeuner. Arrivé à la cabane, il découvrit que pendant ces vingt-trois jours d'affilée, Le Vénérable avait fermé les yeux, médité profondément, et bien sûr, jeûné durant tout ce temps. Le Vénérable lui demandait :

« Combien de jours se sont-ils écoulés depuis votre dernière visite ? »

« Exactement, vingt-trois jours »

Le vieux Upasaka s'informa alors, non sans quelque inquiétude sur l'état de sa santé. Le Vénérable lui répondit que durant tout ce temps il

s'était plongé dans la Méditation, aussi il n'avait pas senti la moindre faim.

Ces paroles augmentaient davantage l'admiration du vieux Upasaka pour la conduite et la pratique vertueuses du Vénérable.

16. Vœu de sauver tout être vivant

Parmi ses dix-huit immenses vœux, le douzième était : « Je jure de subir toutes les souffrances de tous les êtres vivants à leur place ».

Pour réaliser ce grand vœu, chaque fois qu'une personne tombait gravement malade et venait LUI demander de l'aide, si la malade LUI paraissait sincère IL cherchait par tous les moyens à la guérir. Car IL savait exactement que toutes les maladies ne proviennent pas de l'extérieur, que le corps est artificiellement formé de quatre éléments : terre, eau, air, et feu ; que si on ne s'y attache pas trop qu'on peut le sacrifier ; alors, comment peut-on tomber malade ?

« Sacrifier son corps » Cela veut dire : Ne pas s'y attacher. Cela veut dire aussi : se débarrasser de tous les plaisirs, des jouissances matérielles pour se consacrer à l'étude et la pratique du Bouddhadharma afin de profiter tout être vivant ; détruire le « moi égoïste », se concentrer dans la récitation du Nom du Bouddha. Cette pratique nous permet de nous libérer de ce fleuve de ténèbres, de cet océan de souffrances, pour parvenir à : La Permanence, la Béatitude, le Moi-Universel, et la Pureté du NIRVANA.

Tous les événements qui vont être enregistrés ultérieurement, constituent des preuves irréfutables montrant que : grâce à sa force spirituelle méditative combinée à la parfaite sincérité et un cœur fervent de la part des fidèles, IL arrive à sauver plusieurs vies humaines. Sa renommée se répandait de plus en plus largement.

a). Se repentir permet de se racheter

Dans son village, vivait une femme nommée Truong-Lý-Thị âgée d'environ un peu plus de quarante ans. Durant quatre ans d'affilée, elle ne cessait d'être malade, vomissant jours et nuits, une maladie étrange devant laquelle tous les médecins occidentaux et orientaux restaient impuissants, et les médicaments inefficaces.

Apprenant la conduite vertueuse de la piété filiale du Vénérable toujours prêt à voler au secours des malades en détresse, elle se rendit alors à la tombe

de sa mère, et le sollicita de la guérir. Après avoir examiné les symptômes, IL commença par lui expliquer les principes moraux du devoir de l'homme, ensuite les causes des maladies qui n'étaient autre que l'œuvre du principe de la Causalité. IL lui conseillait alors de se repentir pour racheter ses fautes commises antérieurement, et de pratiquer de tout cœur, consciencieusement la Récitation du Nom du Bouddha. Obéissant à ces instructions, la malade se lançait sérieusement et assidûment dans la Récitation du Nom du Bouddha et la pratique du Repentir. Au bout de vingt-et-un jours, la malade se rétablit complètement sans avoir recours à aucun médicament.

b). Une femme enceinte échappée au danger

En dehors du village, une femme enceinte, était sur le point d'accoucher mais depuis quatre jours, elle n'arrivait pas à mettre le bébé au monde. Le médecin restait impuissant. La chance de survie de la future maman était extrêmement mince. Voyant cet état critique de l'accouchée, les gens de sa famille se renseignaient sur l'existence du Vénérable. Connaissant l'endroit où il habitait, ils y coururent et le sollicitèrent de venir la sauver. IL leur conseillait de rentrer chez eux, et que toute la famille se mette à offrir de l'encens, à se prosterner devant l'autel du Bouddha, à réciter : « Namô Bodhisattva Avalokitecvara » et à formuler le vœu de consommer de la nourriture purement végétarienne durant cent jours. S'il en était ainsi, l'accouchement se passerait sans aucun incident.

Toute la famille rentrait à la maison, exécutait, à la lettre, selon ses instructions. En très peu de temps, la femme accouchait. La maman ainsi que le nourrisson se portaient à merveille.

c). Guérir la paralysie

Dans le village Bình-Phong, vivait Mme Trương, atteinte de paralysie depuis trois ans. Plusieurs médecins ainsi que magiciens étaient appelés, mais aucun d'entre eux n'arrivait à la guérir. Connaissant la réputation de sauvetage des vies humaines du Vénérable, sa famille la fit transporter jusqu'à sa cabane, et le sollicita de la guérir. IL leur disait :

- « Je n'ai aucune connaissance dans le domaine de la Médecine, mais ceux qui possèdent une

croissance sincère, peuvent se guérir naturellement (grâce à leur sincérité) ». S'adressant à la malade, IL disait : « Vous n'avez qu'à vous repentir sincèrement, de tout cœur, d'avoir commis antérieurement des péchés ; et dans le futur, vous devez vous promettre d'abandonner tout acte maléfique et d'accomplir toute bonne action. Et si, en plus, vous vous mettez à réciter le Nom du Bouddha et cesser de consommer de viande, je suis sûr que vous obtiendrez des réponses positives, et bientôt vous serez sur pieds, guérie ».

Au retour chez elle, tous les jours, elle se prosternait respectueusement devant son image, récitait le Nom du Bouddha, consommait de la nourriture végétarienne. Au bout de cent jours, la paralysie a disparu. Elle remarquait normalement. Toute la famille en fut tellement surprise et reconnaissante que tous vinrent chez LUI, se jetèrent à genoux et se prosternèrent devant LUI, L'honorant comme leur Maître, et formulèrent le vœu de protéger, d'entretenir Le Triple-Joyau, de multiplier encore d'actes bienfaisants.

d). Consommer de la nourriture végétarienne permet de se racheter

A une distance d'environ quarante miles de son village, vivait un homme nommé Đới-Quốc-Hiền atteint d'une maladie des poumons, phase terminale. Tous les médecins s'avouaient vaincus. Il n'y avait plus aucun espoir. Et pourtant, le malade voulait encore vivre. Aussi, il LE cherchait et venait se prosterner devant LUI, LE suppliait de le soigner. CELUI-CI lui conseillait de rentrer chez lui, de réciter : « Namô Bodhisattva Avalokitecwara », de faire le serment de consommer de la nourriture végétarienne jusqu'à la fin de sa vie, de cesser de commettre de mauvais karmas de tuerie. D'un cœur absolument ravi, le malade promit d'y obéir. Ensuite, de sa main, Le Vénérable aspergeait de l'eau sur sa tête, en guise de bénédiction, tout en récitant Le Mantra et le Nom du Bouddha. A mesure qu'IL aspergeait, le malade ressentit une sensation de fraîcheur circulant dans son corps, en même temps, son esprit devint extrêmement détendu, satisfait. Ensuite, il a pris Refuge auprès du Triple-Joyau, s'investissait totalement dans la pratique du Mantra de l'Immense – Compassion et dans la récitation du Nom du Bodhisattva – Avalokitecwara. En très peu de temps, il fut complètement guéri.

e). Sauvé dans un rêve

Ses disciples étaient de plus en plus nombreux. Rien que la famille Vương-Phụng-Nghi comptait déjà plus d'une trentaine de personnes. Ils consommaient tous de la nourriture végétarienne et s'investissaient assidûment dans la propagation du Bouddhadharma. Le frère de Vương-Phụng-Nghi s'appelait Vương-Phụng-Cửu avait un fils, celui-ci, soudain, tomba gravement malade.

Le père du petit garçon venait supplier Le Vénérable de sauver son fils. Ensuite, de retour chez lui, tous les jours, il s'agenouillait, se prosternait devant l'autel du Bouddha et priait. Au bout d'une semaine, une nuit, il rêvait. Dans son rêve, il LE voyait donner à son fils, un comprimé. A son réveil, il découvrit que le petit garçon était guéri. A partir de ce jour, son respect et son admiration pour le Bouddhadharma se renforçaient de plus en plus ; il n'arrêtait pas d'encourager toute sa parenté ainsi que ses amis de prendre Refuge auprès du Triple-Joyau.

f). Sa piété filiale a sauvé sa mère

A la ville Hợp-Nhĩ-Tân, Đai-Nam-Câu, vivait Cao-Đức-Phúc, un homme de nature extrêmement pieuse. Quand sa mère tombait gravement malade, il formulait le vœu de se rendre à la pagode Tam-Duyên, pour faire offrande à Bouddha de sa main, sollicitant les Bouddhas et Bodhisattvas de sauver sa mère. Pour réaliser son vœu, il s'est rendu à la pagode, et après avoir prié et s'être prosterné devant l'autel des Bouddhas, il sortit un couteau, s'appêta à trancher sa main. Mais un homme qui s'y trouvait à côté, l'en empêcha. Connaissant la raison de cet immense sacrifice, ce dernier le conduisit auprès du vieux Vénérable Thường-Nhân, celui-ci le conduisit ensuite auprès de LUI. Profondément touché par la piété filiale de cet homme, IL accepta immédiatement de sauver sa mère. IL lui disait de rentrer avant, en vélo, chez lui. Quant à LUI, IL y allait à pied, après. Mais, bizarre ! Quand il arriva chez lui, Le Vénérable y était déjà depuis longtemps. A son arrivée, Le Vénérable se rendit compte que la malade était dans le coma, cela faisait déjà sept ou huit jours. Elle était gravement malade. Ses heures étaient comptées ; ses lèvres et le bout de sa langue noircissaient déjà, sa respiration s'arrêtait par intermittence. Voyant la gravité de la situation, IL se mit tout de suite à écrire un placet, puis, les yeux mi-clos, il commença à réciter des Mantras ;

et IL récitait ainsi jusqu'à minuit, et s'arrêtait seulement à trois heures du matin.

Le lendemain à l'aube, soudain, la mère se leva et appela son fils : Cao-Đức-Phúc, celui-ci fut extrêmement et agréablement surpris et terrifié en même temps, transporté de joie et de bonheur extrêmes. Sa mère lui disait :

« Je me suis égarée, ne sachant où aller depuis plusieurs jours ; heureusement, hier, j'ai rencontré un vieux moine qui m'a ramenée à la maison. Maintenant, j'ai très faim, dépêche-toi de me préparer du riz mouillé ».

Absolument ravi et enthousiasmé, Cao-Đức-Phúc demanda à sa mère :

« Le moine dont tu viens de parler, est-ce Celui-ci ? »

Sa mère regardait Le Vénérable un moment, puis disait :

« Mais oui ! Absolument ! C'était ce Moine qui m'a ramenée chez moi ! J'en suis sûre ! »

Après cet événement, toute la famille de Cao-Đức-Phúc a pris Refuge auprès du Triple-Joyau.

g). Combattre l'épidémie

En Automne de la trente-quatrième année Dân-Quốc, peu de temps après la reddition des Japonais, au Nord-Est règnaient des troubles, des désordres chaotiques, à la campagne, sévissaient des épidémies tuant énormément de gens y compris des vieux et des jeunes. A la bourgade Du-Phường située au Sud de la ville Hợp-Nhĩ-Tân vivait la famille Mai composée de onze personnes qui, en trois jours ont été emportées par la mort à cause des épidémies. Il n'en restait qu'un employé et son gendre vivants quoique, atteints déjà de maladies dans un état critique extrêmement grave.

Apprenant cette situation tragique, douloureuse, Le Vénérable se dépêcha de s'y rendre, et là, tout en aspergeant de l'eau bénite, IL récitait le Mantra de l'Immense-Compassion. Miracle ! Là où l'eau bénite a été aspergée, on n'entendait plus parler de maladie, ni de mort causées par l'épidémie.

h). Neutraliser un mille-pattes venimeux

Une fois, un petit garçon, en jouant dans la cour, touchait par mégarde un mille-pattes qui entra, par la suite dans son oreille, puis dans son cerveau, lui causant de terribles maux de tête ; le visage pâle,

essoufflé, il ne cessait de pleurer, de crier, tellement il souffrait. Il s'agissait malheureusement d'un mille-pattes extrêmement venimeux. Dès qu'on le touche, c'est la mort subite, car il n'existait aucun antidote. On transporta tout de suite le petit garçon chez Le Vénérable pour LE solliciter de le sauver. IL se mit immédiatement à pratiquer la récitation du Mantra. Au bout de quelques heures, le petit garçon reprit ses couleurs et sa bonne forme. On en déduit que : les mérites du Mantra sont vraiment merveilleux, inimaginables et indiscutables. Mais pour y arriver, il faut que le pratiquant soit absolument sincère, honnête et pur, qu'il observe scrupuleusement les Préceptes, il pourra alors bénéficier de la protection des Bodhisattvas et du soutien des Dieux et Dragons célestes naturellement. Si vous ne pratiquez pas de cette façon, même si vous récitez des incantations jusqu'à en perdre le souffle, ou qu'importent vos amulettes, tant que vous n'observez pas les Préceptes, vous sombrerez dans le sentier des démons, et finirez par vous transformer en roi-démons.

i). Sauver un suicide

Au Nord de la province de Hiệu-Nam, à la bourgade Đông-Bình-Tử, ville Hợp-Nhĩ-Tân, vivait le chef de la bourgade, nommé Lý-Thắng-Ti. A cause d'un petit désaccord, il s'est disputé avec sa femme. Celle-ci, hyper-nerveuse, sans réfléchir, avala deux bols de liquide « lỏ » (c'est une sorte de produit chimique extrêmement toxique, une gorgée suffit pour tuer une personne, n'en parlons pas d'un bol) dans l'intention de mettre fin à ses jours. Au moment où on l'a découverte, elle était déjà dans un état critique. Paniqué, tout le monde dans la maison, s'inquiétait, se désespérait.

Heureusement, il y avait quelqu'un qui connaissait bien Le Vénérable, qui savait aussi qu'en ce moment IL logeait chez Mr Quách, tout de suite il informa la famille : « Dépêchez-vous d'aller LE solliciter, il y aurait, peut-être encore une chance de la sauver ! ».

Le fils de Lý-Thắng-Ti, à ces paroles, courut immédiatement chez Mr Quách, se jeta à genoux devant LUI, LE sollicita d'aller sauver sa mère. IL lui disait :

« Je n'ai aucun remède efficace pour sauver ta mère. Va chercher les médecins pour la sauver ».

Complètement désespéré, le fils rentrait, informait son père. Celui qui L'a présenté à la famille Lý, LE connaissant bien, disait au petit garçon de revenir LE supplier encore, jusqu'à ce qu'IL accepte de la sauver, il rajoutait encore :

« Il faut que tu sois vraiment sincère, car, en aucun cas, il ne veut perdre du temps avec des histoires futiles ! ».

Encore une fois, le fils se précipita chez LUI, se jeta à genoux devant LUI, pleurant de toutes ses larmes. Au bout de quarante cinq minutes, sachant pertinemment que le fils était vraiment sincère, IL accepta d'accompagner le petit garçon chez lui pour sauver sa mère. Celle-ci était mourante, ses bras et jambes déjà froids. Les préparatifs de funérailles étaient commencés.

LE voyant arriver, tout le monde se précipita vers LUI, se prosterna, LE supplia de sauver la mère mourante. IL leur disait de ne pas trop désespérer. Se servant d'une baguette en bambou, IL entrouvrit la bouche de la mourante, y versa de l'Eau-Bénite du Mantra de l'Immense-Compassion. Quelques instants après, la mère se mit à vomir et petit à petit, se réveilla.

Toute la famille Lý fut extrêmement touchée jusqu'à en verser des larmes, elle ressentit également le caractère miraculeux, et inexplicable du Bouddhadharma. Elle LUI offrait deux sentences suivantes :

« La Compassion, La Miséricorde sauvent tout être vivant,

Tout homme à la foi sincère se libère et parvient à la Bouddhité »

« Les calamités épargnées, on recouvre son esprit, on s'éveille à l'état du Non-Né »

Accompagnées d'un panneau où était écrit :

« La Béatitude du TATAGATHA »

(à suivre)

La clé de l'éveil

Vénérable Maître Hsuan-Hua

Que doit faire l'homme pour s'éveiller ?
S'éveiller c'est comme ouvrir une serrure. On utilise une serrure pour fermer la porte de la maison interdisant toute entrée et sortie.

C'est pourquoi, vous devez posséder une clé pour l'ouvrir. Sinon, vous restez enfermé à jamais, à l'intérieur. Mais alors, où est cette clé ? Elle se trouve juste en vous, facile à la trouver. Et comment faire pour la chercher ? En pratiquant sérieusement la méditation, la récitation du nom du Bouddha, du Mantra, vous êtes en train de la chercher. Quand est-ce qu'on la trouvera ? Cela dépend de votre capacité pratiquante pour pouvoir en décider. Celui qui progresse rapidement la trouvera en très peu de temps. Par contre, celui qui se laisse aller, qui se relâche, ne la trouvera jamais, non seulement, le long de cette vie, mais également dans la vie future. C'est une théorie toute simple.

Si vous êtes enfermé dans votre conscience, vous êtes dans l'obscurité, cela s'appelle : ignorance (manque de lumière). Cette ignorance cache, voile la lumière de votre conscience et la transforme en une conscience obscure (souillée). Face à des circonstances, si vous n'êtes pas doué suffisamment de clairvoyance de sagesse pour juger, distinguer le bien du mal, alors vous agiriez d'une façon plus au moins insensée. Mais si vous aviez pratiqué d'une façon intensive, de toutes vos forces, vous arriveriez à briser cette ignorance. Vous auriez trouvé votre clé, votre conscience enfermée jusque là s'ouvrirait, deviendrait transparente. Apparaîtrait alors la lumière de la sagesse qui vous aiderait à résoudre tous les problèmes sans le moindre souci.

Que veut dire ignorance ? C'est tout simplement : ténèbres, obscurité, pas de connaissance. Ignorant la vérité, l'homme s'enferme dans cette conscience, c'est pourquoi, il ne s'éveille jamais. Sous la dynastie des Đường, à l'époque du roi Tông-Đế, il existait un eunuque nommé Ngu-Triêu-Ân. Celui-ci, un jour, posait au conseiller du roi la question suivante : « Que veut dire ignorance ? ». Ce dernier lui répondit : « Vous n'êtes qu'un simple esclave, vous n'êtes pas en mesure de poser des questions concernant le Bouddhadharma ? » Ayant à peine entendu ces paroles, l'eunuque se mit en colère. Tout en souriant, le conseiller lui répondit : « Voilà, c'est précisément le sens du mot : ignorance ». On dit aussi que : « Le feu de l'ignorance peut détruire toute une forêt de bénédictions ».

Celui qui a réuni toutes les conditions pour s'éveiller dans cette vie, c'est parce qu'il avait

déjà planté de bonnes semences durant plusieurs vies précédentes. Sinon il ne se serait jamais éveillé dans cette vie. Vous voulez tous vous éveiller, n'est-ce pas ? Tout d'abord, vous devriez vous préparer et vous mettre à pratiquer, c'est votre seule chance qui puisse vous aider à vous éveiller.

Pourquoi Bouddha Sakyamuni est-il devenu Bouddha durant cette vie ? En réalité, durant trois Asamkhyaskalpas, Bouddha avait pratiqué des bénédictions et sagesse, et durant cent Grands Kalpas il avait pratiqué pour obtenir ses trente-deux signes divins et quatre-vingt traits magnifiques. De ce fait, durant cette vie présente, en s'asseyant au pied de l'Arbre Boddhi, et au milieu de la nuit, en regardant l'étoile du matin scintillant dans le ciel, Il s'éveilla. S'Il n'avait pas pratiqué dans ses vies antérieures, Il ne se serait jamais éveillé dans cette vie présente.

Conférence donnée le 12-07-1980

Nourritures spirituelles

Vénérable Maître Hsuan-Hua

La raison qui pousse l'être humain à se plonger en enfer, à se réincarner en démon, en esprit affamé, ou en animal, n'échappe pas à l'influence des six organes des sens. Qu'il soit réincarné en Azura, en habitant céleste ou humain, c'est aussi l'œuvre de ces six organes des sens, jusqu'à devenir Arhat, ou Prateykat Bouddha ou Bodhisattva ou même Bouddha, c'est toujours l'œuvre de ces six sens. Comment se fait-il qu'ils possèdent un aussi grand pouvoir ? A tel point que l'homme, qu'il soit monté dans le monde céleste, ou sombré en enfer, n'échappe pas à leur influence ! N'est-il donc pas vrai que ces organes possèdent un immense pouvoir d'influence sur le fait que l'homme devienne Bouddha ou démon ?

En réalité, il n'est pas vrai que ces organes nous influencent, mais c'est nous qui ne savons pas les utiliser. A l'intérieur de chacun d'entre nous, il existe « un maître absolu ». C'est précisément notre Nature du Bouddha fondamentale. Quand ce « maître absolu » détient le pouvoir dans ses mains, autrement dit, quand cette nature du Bouddha domine, apparaissent des pensées justes, tout ce que nous entreprenons nous apporte satisfaction, sans le moindre obstacle. Par contre, il suffit qu'apparaisse une seule, stupide et sombre

pensée, pour que ces six organes se transforment en six bandits. Ils oppriment « le maître de maison », s'emparent de son pouvoir de chef, et cherchent à nous nuire. Ces six bandits sont précisément : nos yeux, nos oreilles, nos narines, notre langue, notre corps, et nos pensées. Ces six bandits vont nous piller, enlever de force toutes nos précieuses fortunes. C'est pourquoi, il existe cette phrase :

« La pensée s'absente, la nature du Bouddha se présente »

« Les six organes se présentent, l'esprit se voile »

Autrement dit : Initialement, nous étions sur le chemin du Bouddha, mais ensuite, nous bifurquons, et tombons dans le chemin du démon. Comme, un conducteur de voiture qui devrait normalement, prendre la grande route principale, mais voulant prendre un raccourci, bifurque et tombe dans la mer. Résultat, voiture et conducteur se retrouvent au fond de l'océan. Encore un autre exemple, un homme rêvant d'histoires lointaines, chimériques, court, monte au sommet des montagnes, pour tomber en chute libre, du haut des montagnes, le corps en mille morceaux. La raison de ces deux mésaventures, c'est uniquement, leur manque de connaissances et d'expériences ; c'est pourquoi, en présence des obstacles, ils ne savent pas quoi faire, alors désorientés, égarés, ils y perdent leur vie.

Or, la nature fondamentale de l'homme est immense, recouvrant le ciel et la terre, parfaitement accomplie, merveilleuse, illuminante, omniprésente dans tous les coins de l'univers. Doué de cette puissance inégalable, l'homme réussit toujours dans tout ce qu'il entreprend. Par exemple, un homme qui, dans le passé, savait déjà conduire, mais, une fois réincarné en ce « sac de chairs puantes », il devient ignorant, aveuglé par ses six sens, il agit à tort et à travers, ne reconnaissant plus ni le Nord, ni le Sud, ni l'Est, ni l'Ouest, ni le haut, ni le bas ; résultat, il roule partout, dans tous les sens. Au début, il voulait devenir Bouddha ou Bodhisattva, mais, à cause d'une petite erreur, d'un moment de faiblesse, d'inattention, il pourrait devenir cheval, bœuf ou mouton immédiatement !

Quelle pitié, surtout, pour un certain nombre de fidèles bouddhistes qui, initialement, voulaient se libérer des trois mauvais sentiers, mais, ne sachant pas « conduire leur voiture », ni commander leurs

six sens, s'en laissent influencer. Ils se font mener, diriger par le roi démon qui devient maintenant, le maître de leur « maison ». Ils se retrouvent, finalement, enfermés à l'intérieur de ce corps artificiel, provisoire et éphémère formé de cinq Agrégats (couvertures), impossible de s'en sortir. Ils souffrent énormément, car ils ont perdu, à jamais, leur Nature du Bouddha, la lumière de la Sagesse ne leur apparaîtra jamais !

Sachez que : toute chose, tout objet en ce monde, vous prêchent le Dharma, vous instruisent sur la Sagesse de la Vérité. Si vous la comprenez, vous verrez que tout objet, toute chose en ce monde, sont en train de prêcher le Bouddhadharma, de proclamer un Dharma qui vous libère de ce monde profane. Par contre, si vous ne la comprenez pas, vous verrez que tout ce qui vous entoure, proclame le Dharma du monde profane, un Dharma souillé. C'est pourquoi, il s'agit d'abord de savoir comment réagir ; car, tout dépend de vous uniquement. Doué de Sagesse, alors, quels que soient les problèmes, vous trouverez toujours des solutions adéquates. Par contre, si vous manquez de Sagesse, vous ne trouverez partout que des obstacles ennuyeux !

Notre corps physique a besoin de nourriture pour subsister. Il ne s'agit là que d'un besoin rudimentaire ; l'homme a encore besoin de s'appuyer sur la Nature du Bouddha, sur la Lumière de la Sagesse pour subsister comme une voiture a besoin d'essence pour rouler. Le corps humain a besoin de nourritures concrètes pour avoir la force de vivre, de s'activer, de se mouvoir. Néanmoins, il existe un certain nombre de pratiquants qui n'ont pas besoin de ces nourritures pour subsister. Pourquoi ? Car ils ne « consomment » que de la lumière de la Sagesse. Pour eux, c'est la seule nourriture qui entretient véritablement leur vie ! C'est pourquoi, sur le plan physique, notre corps a besoin de manger et de boire ; mais sur le plan moral, plus profond, l'homme a besoin de s'appuyer sur la Nature spirituelle et merveilleuse du Bouddha pour entretenir son esprit. Dans la journée, pour tous nos faits et gestes, pour toutes nos activités nous utilisons nos forces comme une voiture qui consomme de l'essence pour rouler. La nuit, nous nous reposons, durant ce temps, nos pores s'ouvrent à la Lumière du Bouddha, absorbent de la Lumière de la Sagesse émanée à partir de l'Immense Faisceau de Rayons Lumineux du

Bouddha pour alimenter notre esprit usé durant la journée. C'est pourquoi, si la nuit, nous nous reposons pleinement, le lendemain notre esprit se récupère parfaitement.

Ayant pris connaissance de cette vérité, poussés par la cupidité, certains se mettent à penser : « Ah ! en fait, pendant que nous dormons, Bouddha nous « injecte » de la lumière, donc, si nous dormions un peu plus, aurions-nous davantage de Sagesse ? » En réalité, l'homme a besoin d'un certain temps de sommeil bien défini pour se récupérer ; trop de sommeil obscurcit l'esprit, et diminue la Sagesse. On dit souvent : « Plus la nuit est longue, plus elle est remplie de rêves ». Or, celui qui vit indéfiniment dans ses rêves, ne fait que gaspiller inutilement son énergie spirituelle. Trop de sommeil peut aussi nous languir et nous donner des maux de tête. Aussi, quoiqu'on fasse, on le fait avec modération, évitez l'excès !

Ne comprenant pas cette théorie, certains pensent que seule la nourriture concrète peut garder l'homme en vie. Pourtant, certains pratiquants bouddhistes s'intéressent plutôt à la nourriture spirituelle, ce qui les pousse à pratiquer la Méditation. Ils prennent du plaisir à approfondir cette pratique, à pénétrer profondément dans le Dhyana (extase méditative), grâce à quoi, ils arrivent à se communiquer, à se fondre dans l'Immensité de la Sagesse du Bouddha ; de cette manière, ils amplifient et complètent leur propre Sagesse. Mais attention ! Dans la pratique de la Méditation, vous ne devriez pas être trop cupides, trop vous investir, car, l'excès pourrait vous pousser dans une sorte de « maladie méditative ».

En tant que disciples du Bouddha, nous ne devrions pas courir à l'Ouest, puis à l'Est à la recherche des Dharmas plus raccourcis, des méthodes plus confortables pour s'éveiller au plus vite possible. A force de courir à droite, puis à gauche, vous useriez, videriez votre énergie fondamentalement limitée, vous vous sentiriez alors fatigués, épuisés, et votre Sagesse se retrouverait forcément diminuée, affaiblie. Résultat, vous n'obtiendriez aucun résultat positif. Tout ceci est le préjudice de la méconnaissance à propos de la Nature fondamentale du Bouddha qui dirige le pratiquant vers l'extérieur, à la recherche de cette Vérité.

Ce que je dis aujourd'hui, n'est pas de la mythologie légendaire, mais c'est de la « Vérité

légendaire ». Cette Vérité, on peut dire que, même les meilleurs scientifiques actuels n'arrivent pas encore à accéder, encore moins à comprendre. Même dans leurs rêves, ils ne réaliseraient pas qu'il puisse exister une Vérité aussi merveilleuse. En réalité, ce ne sont que de simples Vérités ; mais c'est dommage que personne n'y attache de l'importance ! Et que tout le monde s'en fiche !

Conférence du 05-1983

L'ouverture du séminaire du Bouddha Amitaba

Vénéable Maître Hsuan-Hua

En ce bas-monde, on aime le bonheur, déteste le malheur. En Enfer, on aime le malheur, déteste le bonheur. Les Esprits Affamés aiment la colère, l'agressivité, détestent la compassion. Les animaux aiment la stupidité, détestent l'intelligence, c'est pourquoi, ils tombent dans le monde animal. Quoique les humains détestent le malheur, ils ignorent comment faire pour s'en éloigner. Dans le monde céleste, on aime aussi le bonheur, déteste le malheur. Alors que, dans le monde des Bouddhas, et Bodhisattvas, n'existent ni bonheur, ni malheur ILS oublient complètement le sens de ces deux mots : bonheur et malheur.

La plupart des êtres vivants dont l'esprit est constamment bouleversé, prennent le faux pour le vrai, le vrai pour le faux, le noir pour le blanc, le blanc pour le noir. Se rendent-ils compte finalement, qu'ils sont bouleversés ? Bien sûr qu'ils s'en rendent compte, mais, malgré cette connaissance, ils persistent toujours à mal agir. Sachant bien qu'il s'agit d'un acte insensé, ils persistent à le faire ; par contre quand il s'agit d'un acte bien sensé, ils refusent de le faire.

Par exemple, pendant la séance de Récitation du Nom du Bouddha, certains prennent la liberté d'aller prendre du thé. Or, l'heure de prendre du thé a été déjà fixée, personne n'a le droit de prendre du thé n'importe quand, et n'importe où. Utiliser le temps de la récitation du Nom du Bouddha pour aller prendre du thé, c'est de la paresse. On se dit : « A force de réciter le nom du Bouddha, je suis fatigué, je me permets de faire un pause, je prends du thé ». C'est de la paresse. Car, si vous vous investissiez totalement, de tout cœur,

dans votre pratique, comment pourriez-vous encore penser à aller prendre du thé ? A ce moment-là, vous devriez oublier complètement le fait d'aller prendre du thé, encore moins prendre du lait. Vous devriez tout oublier. Celui qui pratique véritablement, sincèrement, la récitation du Nom du Bouddha, devrait oublier même de déjeuner, n'en parlons pas du simple fait de prendre du thé.

Vous pourriez dire : « Il est donc dangereux de pratiquer cette récitation, car, on ne saurait plus si on a déjà ou pas encore déjeuné ». Pourtant, c'est exactement la façon dont devrait procéder un bon pratiquant, il ne saurait pas s'il avait déjà ou pas encore déjeuné ? Ni déjà ou pas encore habillé ? Déjà ou pas encore réfléchi ? Il n'en saurait plus rien. Il aurait tout oublié. Il fait jour ? Il n'en sait rien. Il fait nuit ? Il n'en sait rien. Plus de ciel au-dessus de sa tête, plus de terre sous ses pieds, au milieu, plus personne. c'est le Néant. Comment pourrait-on encore penser à prendre du thé ou du lait ?

A la pagode Kim-Son, existait un moine qui n'osait pas boire du lait. Car chaque fois qu'il en buvait, se réveillaient en lui des instincts sexuels, impossibles de maîtriser. C'est pourquoi il n'en buvait pas. Si on consomme de la nourriture, c'est pour vivre. Considérons-la comme les médicaments, car si on ne mange pas, on meurt. Nous devons manger pour vivre, mais il n'est pas nécessaire pour autant de rechercher de la bonne gastronomie pour entretenir cette enveloppe corporelle. En plus, quand la nourriture est trop riche, viendront de multiples complications !

Celui qui pratique la « Récitation du Nom du Bouddha », doit la réciter sans interruption, sans repos, que ce soit en dormant, ou en se réveillant. Récitez ces six mots : « Na-mô A-Di-Đà-Phật » de telle sorte que rien ne puisse interrompre même en se servant « d'une épée ». La force de la récitation devrait être extrêmement puissante, elle devrait surpasser même la solidité du diamant. Quand il n'y a plus rien qui puisse couper votre récitation, vous auriez alors atteint le « Samadhi de la Récitation ».

Non seulement, vous devriez réciter ainsi le Nom du Bouddha, mais aussi quand vous récitez les Sutras et les Mantras. A ce stade, même si vous voulez nourrir des pensées illusoire, vous en seriez incapables. Pratiquer la voie Extra-Mondaine n'est pas toujours facile. Regardez

Vénérable Hăng-Thực, pourquoi ne buvait-il pas de lait ? Parce qu'il connaissait très bien les dangers du lait. Quand il buvait du lait de vache, immédiatement les « caractères de vache » se réveillèrent, ils seraient encore plus violents, plus dangereux que les tigres !

En général, quand le corps ne manque pas de matières nutritives, on n'a pas besoin de consommer de la nourriture trop riche. Consommer de la nourriture trop riche pourrait engendrer toutes sortes de complications. C'est pourquoi « trop ou pas assez », l'excès comme l'insuffisance ne sont pas raisonnables, pas conseillés.

Tout être vivant en ce bas-monde, que ce soit mondain ou extra-mondain, est mû par la cupidité, la colère et la stupidité. Ses désirs passent avant son Eveil. A peine médité deux jours et demie, il désire obtenir l'Eveil, après trois jours, il veut avoir des pouvoirs surnaturels ; après quelques jours de Récitation du Nom du Bouddha, il désire obtenir le Samadhi. Voyez-vous ! Sa cupidité est immense ! C'est incontestablement la manifestation du démon de cupidité.

Nous devons considérer notre pratique religieuse comme un devoir. Nous n'avons pas besoin d'être pressés, d'être avides, car au fil du temps, nous accumulons nos mérites qui seront absolument parfaits, alors notre fruit du Bodhi viendra naturellement. En général, normalement, vous auriez pu déjà réussir, mais comme vous avez été trop « gourmands », finalement, vous n'avez pas pu tout « digéré ». Résultat, vous n'obtenez aucun résultat. De même, quand vous mangez, vous devez bien mâcher, morceau par morceau ; mais si, en une fois, vous fourrez tout le bol de riz dans votre bouche qui en sera pleine, comment pouvez-vous mâcher dans cet état ? A ce moment-là, vous ne pourrez ni mâcher, ni avaler. Ceci est un exemple extrêmement simple. Par ailleurs, il existe la phrase : « Trop gourmand, la bouche pleine, empêche de mâcher ».

Dans votre pratique, vous devriez pratiquer sérieusement, mais sans en avoir l'air. Ne soyez pas avides, ne calculez pas, ne prévoyez pas comment, ni ce que vous pourriez devenir. Vous voulez obtenir l'Eveil ? Avoir des pouvoirs surnaturels ? Mais vous êtes trop pressés, trop avides, vous voulez obtenir des résultats tout de suite. Impossible ! Quand vous plantez une graine,

vous devez attendre aussi un certain temps pour que la graine pousse, puis grandisse, donne des fruits ; quand le moment viendra, ces fruits mûriront. Nos ancêtres disaient :

« A force de limer un bout de fer, on finit par obtenir une aiguille »

« Travail suffisant, réussite naturelle »

N'ayez crainte d'avoir perdu des efforts, limez, polissez : au moment voulu, le bout de fer finit par devenir naturellement une aiguille.

Dans la pratique du Bouddhisme, l'essentiel c'est de se débarrasser de tout mauvais caractère et mauvaises habitudes. En quoi consistent ces mauvais caractères et ces mauvaises habitudes ? Aimer prendre du thé c'est une mauvaise habitude, aimer boire du lait c'en est une autre ; nourrir pêle-mêle dans son esprit, des pensées illusoire, c'est aussi une mauvaise habitude. Si dans votre pratique, vous aimez le confort, vous n'obtiendrez jamais de réponse. Vous devriez pratiquer tout en ne craignant ni les souffrances, ni les difficultés, ni la fatigue, c'est uniquement de cette façon, que vous réussissiez. Si ce que je viens de vous dire vous blesse, veuillez m'en excuser, car j'aime bien plaisanter. Pour ceux qui sont un peu charnus, après m'avoir entendu, n'allez pas vous priver de nourriture pour maigrir, ou pour éliminer la graisse. Autrement dit, n'allez pas vous lancer dans des actes inutiles qui pourraient vous causer de regrettables ennuis.

A l'heure actuelle, partout dans le monde entier, surgissent des catastrophes naturelles, des calamités humaines. L'atmosphère s'assombrit, pas de lumière. Cela prouve que l'existence humaine est gravement menacée. Cette atmosphère destructrice n'avait jamais existé depuis longtemps dans le passé. Vous connaissiez déjà la bombe atomique, la bombe d'hydrogène, l'arme nucléaire, et aujourd'hui, le rayon laser. Si toutes ces armes destructrices étaient utilisées, l'humanité entière serait détruite. C'est pourquoi, l'univers actuel est plongé dans une sorte d'énergie maléfique, remplie d'obscurs et mauvais karmas. Le seul moyen d'anéantir tous ces malheurs c'est de pratiquer en s'appuyant sur le Bouddhadharma. Là où il y avait une personne qui pratiquait sincèrement et véritablement, les accidents diminueraient. Si plusieurs personnes se mettaient à pratiquer ensemble, la force unifiée serait beaucoup plus puissante, capable de neutraliser cette énergie

maléfique et la rendre plus pure, plus sereine. Pour y arriver, tout le monde devrait s'y mettre, s'y investir de tout cœur, honnêtement, conformément au Bouddhadharma.

Vous devez pratiquer sincèrement la Récitation du Nom du Bouddha. Car, quand vous récitez une fois, un rayon de lumière apparaît à l'horizon. Si vous y mettez tout votre cœur fervent, ce rayon de lumière éclaire Trois mille millions (3.000.000.000) de mondes, capable de neutraliser tous les gaz pollués, toxiques, meurtriers, et rendre l'atmosphère plus pur, plus serein.

« La Sainte-Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas » est un endroit illuminé, capable d'éclairer tout l'univers. Etant présents à la Cité, même si vous nourrissez des pensées illusoire, vous bénéficierez quand même, des mérites qui seront supérieurs à ceux que vous obtiendrez dans le monde profane extérieur. Pourquoi dis-je ainsi ? Parce que, tous ceux qui sont présents à La Cité, sont doués de bons penchants, même s'ils nourrissent des illusions, celles-ci sont souvent bonnes, il est rare qu'elles sont meurtrières. On peut donc en déduire que « La-Sainte-Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas » est le soleil et la lune qui éclairent tout l'univers et qui apportent à tout être vivant : la paix, la fraîcheur, et la sérénité.

Tous ceux qui résident à La Cité, sont ceux qui, dans le passé lointain, ont planté de bonnes semences. Ils ont dû formuler des vœux de réformer le monde, de détruire toute calamité ; vous qui résidez aussi à La Cité, vous devriez vous diriger vers le droit chemin, pratiquer jusqu'aux moindres faits et gestes. Ne vous associez pas avec les méchants, les médiocres ! Les résidents de cette Cité doivent être bons, sérieux. Ceux qui sont méchants, pourvus d'esprit cruel, tôt ou tard, ne pourront pas y rester, ils quitteront la pagode par eux-mêmes.

La Sainte-Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas s'érigea de la terre en Occident. C'est l'endroit où, dans le futur, se rassembleront tous les fidèles bouddhistes de l'univers pour pratiquer ensemble, pour étudier et propager le Bouddhisme de plus en plus largement et brillamment. Ceux qui ont la possibilité de se convertir à La Cité, dans le futur, auront la chance de devenir Bouddhas. Pourquoi ? Parce que :

« Celui qui réside au château situé près du lac, verra la lune en premier »

Si vous arrivez plus tôt à La Sainte Cité, vous deviendrez Bouddhas plus tôt que ceux qui arrivent plus tard.

Il y en avait beaucoup qui venaient à La Cité, mais qui se sentaient incapables d'y rester, car ils imaginaient qu'il n'y avaient pas assez d'activités, pas de divertissement, que le règlement était trop sévère. Or, vous devriez savoir que, si vous vous tournez vers le monde extérieur pour rechercher des divertissements, vous perdriez, à jamais, votre vraie satisfaction morale. En général, si vous vous préoccupez à rechercher le faux, vous oubliez et perdez, à jamais, le vrai. Si vous voulez rechercher le vrai, vous devriez, tout d'abord, vous débarrasser de tout ce qui est faux et artificiel. Vous ne pouvez absolument pas, en même temps, vous convertir en moines, tout en serrant dans vos bras, tous les dharmas du monde profane, comme si vous voulez monter, en même temps, sur deux navires dont l'un monte en amont, l'autre en aval du fleuve. C'est absolument impossible !

Durant ce Séminaire de Récitation du Nom du Bouddha, concentrez-vous uniquement sur cette pratique, mettez-y tout votre cœur fervent, votre respect, ne laissez pas passer le temps inutilement, ne serait-ce qu'une minute. Sachez que : « Un peu de temps c'est un peu d'existence ». Si vous ne vous y investissez pas à fond, vous augmenterez vos mauvais karmas. Dans le cas contraire, vous augmenterez vos bonnes semences. C'est la raison pour laquelle, vous devriez apporter toute votre énergie, votre sincérité dans votre récitation du Nom du Bouddha, ainsi, vous ne gaspillerez pas votre temps, et votre vie aura un vrai sens, une vraie valeur.

Conférence d'hiver 1979, à La Sainte-Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas

UNE PIERRE A ÉTÉ LANCÉE

L'écrivain russe Léon Tolstoï a écrit la fable suivante.

Un mendiant s'arrêta devant la maison d'un riche propriétaire pour solliciter un don : une pièce d'un centime, ou une miette de gâteau, c'était tout ce qu'attendait le mendiant de la part du riche. Malgré les supplications de celui-ci, le riche lui

tourna le dos, et s'en ficha. N'en pouvant plus devant les supplications du mendiant, au lieu de lui faire un don, le riche ramassa une pierre et la lança sur le misérable.

En silence, le mendiant ramassa la pierre, la mit dans sa sacoche, murmurant dans sa bouche : « Je vais garder cette pierre jusqu'au jour où tu perdras tout : argent et pouvoir, je me servirai de cette pierre et te la relancerai ».

Partout où il allait, il emmenait la pierre avec lui, nourrissant une haine profonde contre le riche, attendant patiemment le jour de sa vengeance.

Des jours puis des années passèrent. Enfin le jour de vengeance du mendiant arriva. Pour fraudes, toutes les fortunes et richesses du riche ont été confisquées, il s'est trouvé derrière les barreaux. Le mendiant était présent au moment où on l'escortait en prison. L'âme bouillonnant de colère et de haine, il suivait l'escorte, tenant fortement dans sa main, la pierre dont le riche s'était servi pour lancer sur lui, il y a plus d'une dizaine d'années. Il voulait, à tout prix, lancer cette pierre sur le prisonnier pour se laver de cette humiliation, de ce mépris qu'il portait dans son cœur depuis toutes ces années. Mais, finalement, voyant le visage malheureux, pitoyable, ravagé de chagrin du prisonnier menotté, le mendiant lâchait légèrement la pierre par terre, en se disant : « Pourquoi ai-je porté cette lourde pierre depuis tant d'années ? Cet individu, aujourd'hui, n'est plus qu'un misérable comme moi ».

Le pardon c'est la chose la plus difficile à faire, et pourtant, c'est la plus noble. Donner sa fortune, son temps, même sa vie s'avèrent plus faciles que d'accorder son pardon.

Le Pardon c'est le suprême absolu de l'amour, car, pardonner c'est aimer justement même son ennemi.

Rien n'est absolu, tout est relatif

Vivant en ce monde, vous ne devriez pas exiger l'Absolu dans vos relations humaines, mais vous devriez seulement vous contenter du Relatif chez les autres. Ainsi, tous les bonheurs qui existent en

ce monde, vous les tenez dans vos mains, immédiatement, voire durant toute votre vie.

Tourné vers l'Absolu, tout de suite, vous ne récoltez que : déception et désespoir. Si vous vous contentez du Relatif pour vivre, vous obtiendrez immédiatement la confiance ainsi que le bonheur dans cette vie même.

Savez-vous que : vivre c'est accepter la « Réciprocité ». « Réciprocité » entre ceci et cela, entre celui-ci et celui-là, entre ce monde-ci et ce monde-là, et justement entre cette existence-ci et cette existence-là.

Vivre, c'est accepter la « Réciprocité » ; donc, c'est accepter aussi la « Relativité ». C'est pourquoi, personne en ce monde, ne peut prétendre avoir une vie parfaitement absolue. Une vie parfaitement absolue c'est une vie sans tache, sans faute, sans erreur, une vie sans mourir, ou mourir sans se réincarner. Mais, en ce monde, qui ne meurt pas ? Il n'y a rien qui meurt et qui ne revient pas sous une forme ou une autre.

Regardez, observez bien, même ceux que vous aimez, que vous respectez le plus, vous verrez qu'il leur arrive parfois de commettre des erreurs ou quelque chose dont ils ne sont pas fiers, donc ils ne méritent pas d'être absolus. Donc la sympathie que vous trouvez en eux, n'est qu'une sympathie tout à fait relative !

Maintenant, observez bien ceux que vous détestez, vous haïssez le plus, vous verrez aussi que chez eux, il existe une certaine sympathie bien dissimulée, bien cachée. C'est pourquoi, l'antipathie que vous éprouvez contre eux, n'est qu'une antipathie tout à fait relative.

Toutes ces observations, ces connaissances vous aident à vivre agréablement avec ceux qui vous sont sympathiques et ceux qui vous sont antipathiques. Envers ceux qui vous sont sympathiques, cette « connaissance que rien n'est absolu » vous aide à éviter, à vous libérer de tout enthousiasme inutile ; tandis qu'envers ceux qui vous sont antipathiques, cette « connaissance que rien n'est absolu » vous aide aussi à éviter, à vous libérer de toute haine excessive et exagérée.

Durant notre existence, si nous arrivions à nous libérer des griffes de la sympathie et l'antipathie résultant de la prise de conscience, de la réflexion, et des relations entre nous et les autres, alors nos sensations agréables augmenteraient au fil du temps, se présenterait alors notre bonheur ; et en même temps notre longévité.

Notre longévité a donc été nourrie et augmentée à partir de ces sensations agréables ; et notre bonheur à partir de cette « connaissance que rien n'est absolu ».

Thich Thai Hoa

Tous les Dharmas mondiaux sont uniquement créés par l'esprit

Dans le monde, il existe plusieurs espèces d'êtres vivants. Chaque Bouddha a sa propre parenté. Chaque parenté groupe une infinité d'espèces différentes. Il en est de même pour les Bodhisattvas, les Prateykas Bouddhas, les Entendeurs-De-La-Vérité qui groupent les quatre mondes des Saints et des Sages. Entre nous, profanes, et les Saints, il existe une grande différence, c'est pourquoi, il nous est extrêmement difficile d'exposer et d'expliquer leur capacité et leur Sagesse.

Parlons, maintenant, des six mondes profanes. D'abord, le plus élevé c'est le monde des Cieux qui, à cause de leurs différends, s'opposent déjà entre eux. Ensuite, viennent le monde des Azuras, puis celui des humains. Ce sont les trois mondes bienfaisants. Les trois mondes malfaisants comprennent : l'Enfer, le monde des Esprits Affamés et celui des Animaux. Chaque monde possède toutes sortes de parentés. Chaque parenté possède des centaines et des milliers d'espèces différentes. Chaque espèce se compose de plusieurs races différentes.

D'où viennent les Dix mondes de dharmas ? Ils viennent tous et uniquement de notre propre esprit. L'esprit est capable de créer tous les dharmas mondiaux, tout objet, toute chose, toute forme et toute espèce : « Tout est créé par l'esprit ». Aussi, il a été dit :

« Si vous voulez bien connaître

Les Bouddhas des trois générations

Les Bodhisattvas des trois générations

Les Entendeurs-De-La-Vérité des trois
générations

Les Rois célestes des trois générations

Les grands Saints ainsi que les humains

Toutes les catégories d'Azuras

D'infinis espèces d'animaux

D'Esprits Affamés

D'infinis niveaux d'Enfers

Méditez sur : « La nature de tous les Dharmas mondiaux »

« Tout est créé uniquement par l'Esprit »

L'esprit est capable de créer le Nirvana, aussi bien que l'Enfer. Notre esprit nous transforme en Bouddhas, peut aussi nous transformer en Esprits-Affamés, en animaux, ou nous sombrer en Enfer, ou nous transformer en Bodhisattvas, en Arhats. Puisque tout vient de l'esprit, par conséquent, tout réside dans cet esprit. S'il veut que nous nous transformions en Bouddhas, tous les dharmas du monde du Bouddha sont notre parenté. Il en est de même pour les autres mondes.

Rien n'échappe à l'esprit, car c'est lui qui crée tout. Aussi, soyez vigilants dans vos moindres faits et gestes, vos démarches, vos positions assise ou debout, ou couchée, à chaque instant, agissez conformément aux principes moraux ; n'accomplissez que des actes loyaux, sincères, pas de fourberies, pas de travail négligé, sans soins. Evitez le cas d'une petite erreur dans la marche d'un pion, qui mène à la perte de toute une partie d'échecs.

Créer les Dharmas du monde du Bouddha nécessite : La Compassion, la Miséricorde, la Joie et la Générosité, savoir se rendre utiles pour les êtres vivants sans, pour autant, s'y attacher. Ne vous relâchez pas ! Ne pratiquez pas pour la forme, mais, pas-à-pas, lentement, solidement investissez-vous véritablement.

Pourquoi ai-je la volonté de créer les Dharmas du monde des Bouddhas ? Et si je n'y arriverais pas, que se passerait-il ? A moins que notre esprit ne se concentre pas suffisamment, que notre volonté pas assez ferme, que nous agissions sous l'influence des circonstances qui nous guident, oubliant complètement notre objectif qui consiste à créer des Bouddhas, des Bodhisattvas et les Quatre Saintetés ; c'est pourquoi, nous ne savons que créer des Enfers, des Esprits-Affamés et des animaux. C'est pourquoi il a été dit :

« L'esprit troublé, apparaissent cent choses
L'esprit calmé, disparaissent dix mille choses »

Il a été dit aussi :

« Plus de pensée, plus d'esprit, c'est la vraie
richesse
Plus de désirs, c'est le véritable Champ de
Bénédictions »

Quelqu'un vous demande : « Pourquoi les fantômes ne forment-ils pas leur propre monde de dharmas ? »

Réponse : Les fantômes sont comme des bandits, des guérilleros, des fantassins, errant par-ci, par-là, dans les quatre coins du monde, sans domicile fixe, sans chef, sans dirigeant. Les bandits sont des humains, mais n'importe quel humain n'est pas nécessairement et forcément un bandit. C'est pourquoi, on ne peut pas dire qu'il existe un monde de dharmas des bandits. Ce cas s'applique également aux fantômes. Dans le Ciel, il existe aussi des fantômes ; dans le monde des Azuras, il existe aussi des fantômes. Ceux qui sont bons appartiennent au monde de dharmas des Saints, et ceux qui sont mauvais appartiennent au monde de dharmas des fantômes, car les fantômes, sous différents aspects, sont présents dans les six mondes profanes ; parfois, ils sont capables de se transformer, afin de perturber, voire s'emparer le monde des Dharmas des Quatre Saintetés.

Bouddha ou fantôme, tout dépend de la différenciation dans l'esprit. Bouddha est doué d'esprit de compassion, tandis qu'un fantôme est pourvu d'esprit de rivalité. Comme par exemple, Đê-Bà-Đạt-Đa, nourrissant l'esprit de domination il voulait toujours rivaliser avec Bouddha, vaincre Bouddha, mais Celui-Ci n'avait aucune envie de rivaliser avec lui. Đê-Bà-Đạt-Đa possédait, lui aussi, la nature du Bouddha, mais faute d'erreur, il s'est trompé de chemin, s'égarait de plus en plus profondément dans le mauvais sentier, impossible de rebrousser chemin, de revenir en arrière, il finissait par tomber dans le monde des fantômes. Par contre, conformément à la conception du « Grand-Véhicule », Bouddha, dans le but d'instruire et de sauver les fantômes, s'est transformé en fantôme pour les enseigner. Comme ils sont présents, sous différents aspects, dans les six mondes profanes, les fantômes n'ont pas besoin de créer un autre monde supplémentaire. Quoique leur présence soit partout, ils n'ont aucune identité. Ce ne sont pas de véritables êtres, ils sont faux, fourbes, trompeurs. Comme, dans la société humaine, des bandits qui se sont emparés, puis appropriés d'une montagne, s'y sont proclamés rois, se font appeler soldats ; mais partout où ils vont, ils saccagent, incendient, et tuent les gens. C'est ainsi qu'agissent les fantômes !

Vénérable Maître Hsuan-Hua parle A « La-Sainte-Cité-Des-Dix-Mille-Bouddhas » le 02-10-1982.





Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website : chuakimquang.com

Phật Pháp/Bouddhadharma 44

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm/Edition les grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.
- Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Yến, Bé Huyền Trân, Bé Sylvie, cô Đồng Thu, anh chị Phát, cô Giác Thủy, cô Vân, cô Nuôi, cô Liên, Chú Thiện, Chú Giác Đạo, Chú Giác Luân, Cô Chú Giác Lộc....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Hòn đá ném đi	9
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	10
Cả đời người	12
Chú Đại Bi giảng giải	13
Học thức và học vấn	15
Kinh Bát Nhã	16
Hoá ra mình cũng là người giàu có	18
Khách lữ hành và học cách quên	19
Pháp ngữ thiền sư Hư Vân	20
Hám Sơn đại sư tự truyện	22
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	25
Hạnh phúc hay khổ đau	27
Tâm lành quả tốt	30
Nguồn gốc mê tín	34
Tôi là Phật tử	37
Bữa cơm của thầy Không Tử	38
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	39
La clé de l'éveil	42
Nourritures spirituelles	43
l'ouverture du séminaire du Bouddha...	45
Une pierre a été lancée	48
Rien n'est absolu, tout est relatif	48
Toux les Dharmas mondiaux....	49

Chương trình Tết và đón mừng Xuân Quý Tỵ tại Chùa Kim Quang:

❀ **Lễ đón giao thừa: Đêm 30 tháng chạp âm lịch, tức tối Thứ Bảy 09/02/2013.**

23 h 00 : Tụng Kinh và rước Vía Di Lặc.
00 h 00 : Nói về ý nghĩa xuân trong cửa Phật.
00 h 15 : Phát lộc và lì xì đầu năm.

❀ **Tết Nguyên Đán : Mồng Một đến mồng Tám Tết, tức Chủ Nhật 10/02 đến Chủ Nhật 17/02/2013.**

Mồng Một Tết chủ nhật 10/02/2013.

09 h 30 : Phát lộc, lì xì đầu năm.
10 h 15 : Tụng Kinh Phổ Môn, cầu thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.
11 h 00 : Khai thị, chúc Tết đầu năm.
11 h 50 : Thọ trai.

Mồng tám Tết chủ nhật 17/02/2013:

10 h 00 : Tụng Kinh Phổ Môn cầu an đầu năm.
11 h 00 : Khai thị nhân ngày đầu năm mới.
11 h 50 : Thọ trai.
13 h 30 : **Văn Nghệ mừng xuân Quý Tỵ**, do các Phật tử của Chùa và các anh em nghệ sĩ vòng quanh Paris phát tâm góp phần văn nghệ vui xuân đầu năm.
17 h 30 : Hoàn mãn.

Lễ Thượng Nguyên sẽ tổ chức vào ngày chủ nhật 03/03/2013, tức ngày 22 tháng Giêng ÂL.